

VẠN PHÁP QUI TÂM LỤC
Thiền Sư Tổ Nguyên
Viết dịch: Tỳ Kheo Thích Đắc Pháp

MỤC LỤC

Lời người dịch

Lời giới thiệu của cư sĩ Thể Như

Lời nói đầu của tác giả

CHƯƠNG I Cảnh Tỉnh Tục Mê

CHƯƠNG II Phật Nho Luận Lý

CHƯƠNG III Thích, Đạo Biện Luận

CHƯƠNG IV Đốn Ngộ Tu Chứng

CHƯƠNG V Giáo Thừa Sai Biệt

CHƯƠNG VI Duy Tâm Tịnh Độ

CHƯƠNG VII Năm Tông Phái Thiền

CHƯƠNG VIII Mười Loại Ma Sự

CHƯƠNG IX Dẫn Chứng Lời Kinh

CHƯƠNG X Khuyên In Bồ Thí

Lời bạt của Cư Sĩ Thể Như

Lời sau sách của Đồng Hư Tử

Phụ lục:

1- Vô tâm luận của Tổ Bồ Đề Đạt Ma

2- Bồ Đề Đạt Ma Thiền Sư Quán Môn

3-Luận Đại Thừa Khai Tâm Hiển Tánh Đốn Ngộ Chơn Tông của Thiền Sư Đại
Chiếu

VẠN PHÁP QUI TÂM LỤC

Cuốn VẠN PHÁP QUI TÂM LỤC này do Thiền Sư Tổ Nguyên người Trung Quốc trước tác vào đời vua Khang Hi năm thứ 15 (1676 T.L) nhà Thanh.

Ngài Tổ Nguyên là một vị thiền sư đặc đạo nổi tiếng của Trung Quốc thời bấy giờ. Ngài nổi pháp dòng Lâm Tế đời thứ 33, là đệ tử của Thượng Lam Thiên Phong Hòa Thượng ở Giang Tây, ngài trụ núi Tiểu Dương ở Yên Kinh, thủ đô nhà Thanh, ngày nay thuộc Bắc Bình.

Quyển Lục này chẳng những là một tài liệu vô giá cho những vị đang nghiên cứu và tu theo Thiền Tông, mà lại còn là tài liệu quý cho những vị đang tu theo đạo Tiên, đạo Nho, tất cả đều được ngài Tổ Nguyên phân tích một cách rõ ràng về chỗ sở trường và sở đoản của mỗi nhà, và đưa ra một phương pháp dẫn đạo rất thích đáng.

Chúng tôi dịch quyển Lục này với chủ đích: thứ nhất là làm tài liệu tu học cho Tu viện; thứ hai là giúp tài liệu cho những vị đang nghiên cứu và tu theo Thiền Tông; thứ ba là để minh định đường lối tu tập của Tu Viện Chơn Không.

Hiện tại khi nói đến tu thiền, người ta thường nghĩ đến hoặc là tu theo thiền Minh Sát của Nguyên thủy, hoặc là tu theo những phương pháp của ngoại đạo như YOGA, như phương pháp "Chuyển pháp luân" (cho tư tưởng chạy vòng theo châu thân), phương pháp Thai Túc của Tiên gia (luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần...)... Họ đing ninh Thiền Tông đã chết ở Việt Nam và nhường chỗ cho Tịnh Độ Tông và ngoại đạo. Quyển Lục này và những quyển sách do Tu Viện Chơn Không xuất bản là để trả lời rằng Thiền Tông vẫn còn sống ở Việt Nam và hiện có người đang tu.

Quyển Lục này chúng tôi dịch theo bản của thầy Tỳ kheo Thừa giới và Định Huệ khắc bản in vào năm Quang Tự thứ 34 (1908 T.L). Chúng tôi có lượng bớt lời tựa của Tiến sĩ Kim Hoảng, tiến sĩ Trịnh Tế Thái cả hai đều giữ chức vụ quan trọng trong Hàn Lâm Viện triều Khang Hi, ông Kỳ Huân Mộc làm chức cao Mật Nhiệm ở bộ Hồng Chương, lời bạt của nhóm người tái bản, lời bạt của ông Thông Tế Tổ Quán. Theo lời tựa của tác giả có nói đến phần phụ lục gồm mười hai bài kệ tuyệt cú tựa là "Độn Thế Sơn Cư", nhưng ở bản này chúng tôi không thấy.

Chúng tôi dịch quyển lục này là do sự khuyến khích của bốn sư chúng tôi là Thượng Tọa Thích Thanh Từ, và sau khi dịch xong chúng tôi có trình cho người giáo chính lại. Tuy thế, nhưng chắc thế nào cũng có điều sơ sót, xin độc giả lượng thứ cho.

Tu Viện Chơn Không Trung Thu năm Quý Sửu (1973)
Tỳ kheo THÍCH ĐẮC PHÁP

LỜI GIỚI THIỆU

Tâm là thể của muôn pháp, muôn pháp là dụng của tâm. Pháp chẳng là tâm, ngay sóng là nước. Thể hay phát dụng, như nước động thành sóng. Thế nên biết, tất cả pháp là tâm vậy.

Tâm vốn không – lặng, như pháp mà lập danh. Tịnh pháp là người, trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật. Nhiễm pháp là A tu la, bàng sanh, địa ngục, quỷ thú. Nhiễm tịnh tuy sai khác, nhưng tóm lại là bóng dáng của tâm. Nếu ngộ chơn tâm vốn không (rỗng), muôn pháp tự nhiên tiêu mất.

Nay thiền sư Tổ Nguyên ở núi Tiểu Dương, là cháu trong đạo của Đốn Thôn Phù Thạch Lão Nhơn, là đệ tử của Thượng Lam Thiên Phong Hòa Thượng ở Giang Tây. Ngài nghiên cứu thông suốt giáo điển, thâm đạt Thiền Tông, liễu đệ nhất nghĩa chứng tối thượng thừa, biện tài vô ngại, thật là cây phước pháp vậy. Thiền sư vì lòng thương muốn dẫn dụ người hậu học, nên trao quyển “Qui Tâm Lục” để chỉ thẳng cái diệu nguyên. Trong lục này, thật tế là mỗi lời đều kiến tánh, mỗi câu đều minh tâm, có thể hay rửa sạch tà chấp, quét trừ dị kiến, chứng thẳng Bồ Đề, thoát thành Phật đạo. Thật là thuyền từ nơi biển khổ, người dẫn đường nơi lối rẽ.

Tôi nhờ khánh hạnh đời trước mà gặp được sách này, liền dứt hết hồ nghi, thấu rõ tâm địa. Tôi tài năng quá vụng về, tri kiến lại cạn cợt, không đủ để phát minh lẽ thâm áo. Nên lược viết lời tựa để tỏ lòng biết ơn thầy.

Ngày rằm tháng riêng, năm Đinh Ty, đời vua Khang Hi.

Cổ Yến Thế Như Cư Sĩ Lưu Phương Mộc

Kính đề

LỜI NÓI ĐẦU

Trước không kiếp, trước Phật Oai âm dương, Phật và chúng sanh đều không có tên gọi, nhưng mỗi mỗi đều có đủ một Viên Minh Cảnh.

Chúng sanh vô cố, từ trong tịnh bạch sáng suốt, biến sanh thế giới chúng sanh nghiệp quả, sanh tử, tử sanh nối không dừng, mê chìm trong ba cõi, mò mẫm trong chín loài, từ ấy đến nay mê mờ không một ngày ngộ. Nếu chẳng chặt đứt dòng lưu lãng mà trở về nguồn, thì lúc nào mới có thể giải thoát?

Phải ngộ muôn pháp trở về nhất tâm, là chuyển thế trí để thành Phật trí. Có thể gọi là gom trăm dòng làm một tánh ướt, nhồi bụi bặm lại làm một khối,

nấu chảy vòng xuyên làm một chất vàng. Biến tô lạc làm thành một vị. Pháp nhất tâm này lý sự đều tròn đủ. Mười phương chư phật, tất cả chúng sanh đều đồng tâm này, không thiếu mà cũng không thừa. Chư phật đã giác ngộ, chúng sanh chẳng nên biết, nên có tên phàm thánh mê ngộ.

Tôi chẳng chịu rũ tay đứng nhìn, nên chỉ ra một con đường chánh trở về tâm. Người xưa nói: "Trên đỉnh núi Diệu Cao từ xưa đến nay chẳng cho bàn bạc, đầu non thứ hai chư Tổ tóm lược dung hoà nói cho hiểu". Cho nên tôi mượn văn vấn đáp để nói mười điều danh tướng hầu chứng minh nhứt tâm, và cũng để bổ thí cho tất cả hàm linh.

Mười điều danh tướng gồm có: một là cảnh tỉnh kẻ thế tục, để bỏ ác về thiện. Hai là cùng nhà Nho nghị luận để quét trừ sự bài báng khác lạ. Ba là cùng Đạo gia biện biệt chốn tà nguy, để chẳng hướng ngoài tìm cầu. Bốn là Đốn ngộ tu chứng, vượt thẳng cảnh Phật. Năm là nói sự sai biệt của Giáo và Thừa; nhỏ nhiệm chỉ bày nhất tâm. Sáu là "Duy tâm tịnh độ", để nói Phật chẳng từ ngoài lại. Bảy là thiên phân năm tông mà lý không hai. Tám là mười loại ma sự làm loạn chánh định, để dự phòng và nuôi dưỡng đạo nghiệp. Chín là dẫn chứng lời kinh, hầu đoạn trừ nghi ngờ, và nương vào đó mà sanh lòng tin. Mười là khuyên nên in mà bổ thí, hầu báo đáp ân Phật.

Tôi thừa hưởng căn lành rất ít, chợt thấy được một góc chỗ chí đạo, cho nên trình bày cái thấy hẹp hòi của tôi. Xin các bậc cao minh phủ chính cho, thật tôi chẳng phải ức kiến mà chỉ thuận theo Phật thừa. Nếu như có người học đời sau, xem quyển lục này có sai, tôi xin tha thiết sám hối những lỗi lầm về pháp của tôi. Nếu hợp với thành tâm, trên y lời dạy mà vâng làm, ngày kia sẽ đồng đến hội Long Hoa thọ ký thành Phật có phần.

Ngày Phật thành đạo, tháng 12, đời vua Khang Hi năm thứ 15, nhà Đại Thanh (T.L 1676)

Tổ Nguyên Siêu Minh Thiên Sư

Chương I **CẢNH TỈNH KẺ TỤC MÊ**

Người thế tục hỏi: Tôi muốn thường ăn chay, có công đức chăng?

Thiên sư đáp: Các loài có vẩy, có mai, có lông mao, lông vũ, thể chất nó tuy khác với người, nhưng sự hiểu biết và sự đau khổ đều khác chi người. Bởi đời trước nghĩ sai, nên đời này hình hài có khác. Nếu như một lòng tin thành dứt ăn thịt, giữ giới sát, thật là bậc "Đại đức quân tử". Có thể bảo là người nhân từ, người thiện. Nếu quả ông ăn chay, giữ giới suốt đời không sờn lòng, chẳng những thêm nhiều phúc và thọ mà còn gieo được chánh nhưn giác ngộ. Khá thương cho người đời không trí huệ, tham đắm vị ngon mặc tình

đồn chứa, ra tay sát hạt, tạo tác muôn ngàn. Chỉ ngon qua ba tấc lưỡi, một ngày kia cái đầu đổi mặt, lần lượt nuốt ăn. Lúc ấy đau khổ hối hận không người giúp cho.

HỎI: Người đời đều cho heo, dê, gà, ngỗng, các loài có vẩy, có mai, có lông mao, lông vũ v.v. trời sanh ra các loài này để làm đồ ăn cho người. Nếu không giết để ăn, dùng chúng làm việc gì?

ĐÁP: Người đời ăn thịt đương nhiên, buông lung tâm ý mở giết để thích khẩu, khoái bụng. Đâu chẳng biết, tất cả chúng sanh dưới nước, trong đất, trên không, trên bộ, chẳng quan là do nghiệp lực quả báo mà có thân xác khác nhau. Người đời tuy nhờ phước nhứt thời mà khinh thường sát hại quá nhiều rồi. Tha lực yếu kém làm sao chống chọi nổi hận oán kia? Có ngày sẽ báo đền oan trái. Quả thật nếu heo, dê v.v. trời sanh ra làm đồ ăn cho người, còn ở thế gian những loài sài lang, hổ báo, muỗi mòng, chí rận v.v. vô hạn ác thú hung cầm đều hay ăn người, đâu không phải trời sanh? Giả sử người nam kể nữ đều làm đồ ăn cho loài vật có nên không? Người đời không rõ tạo nghiệp sẽ có thường mạng lẫn nhau. Không biết có sao lại cho việc sát sanh là việc đáng nên làm, thật quá ngu muội.

HỎI: Tôi thường nghe người đời có nói: "Người nhiều lòng tốt cũng như ăn chay rồi". Lý này thế nào?

ĐÁP: Bậc nhân đức quân tử, người hiền có lòng nhơn từ, làm lợi ích cho người, cứu tế loài vật, nhóm công chứa đức, cho đến những chỗ động dụng hay chỗ làm việc, thấy sanh linh rơi vào chỗ chết, lúc ấy đâu không khởi lòng trắc ẩn cứu cho được sống, có lòng từ bi như thế mới bảo là người tốt. Vô cớ giết nó cho vào miệng ta, hoặc cầm dao bén mổ bụng, hoặc nắm dao nhỏ đâm vào tim, lóc da, đánh vẩy, cắt cổ, bỏ vỏ hay vào lò nướng, trăm cách tạo tác làm cho ngon miệng, khoái bụng, lòng thương xót hoàn toàn không, như vậy lòng tốt ở chỗ nào? mà lại nói lời mê như thế? Tội lỗi kia làm sao có thể sám hối? Tôi nay nói rõ ông hãy lắng nghe: Quả như ông một đời giữ giới sát, ăn chay suốt đời chẳng chán, dù tâm ông chẳng tốt, phải đọa vào tay người giết, hoặc trong vạc sôi lò lửa.

HỎI: Tôi tuy nghèo mà trong sạch, chẳng bao giờ trộm cắp. Vậy thế nào?

ĐÁP: Không riêng gì lấy tài vật mới gọi trộm cắp, mà tham ô kẻ lương thiện, dùng tà thuật lừa đảo, xúi người kiện tụng, rủ rê dụ dỗ người cờ bạc, hại người tù tội, làm cho người nghiêng ngửa, hại người nơi hiểm nguy, làm cho hao tài tổn của, tráo đổi vật tốt của người, thiếu nợ chẳng trả, xâm lấn người ngu, chiếm đoạt kẻ yếu. Tất cả việc bất lương đều là trộm cướp cả. Nếu là người có trí huệ, thấy người giàu sang nên khởi lòng kính mến, mà hận mình đời trước không tu phước, đời này nghèo khổ phải cam chịu. Lại phát khởi tín

tâm, tu phước lành, chứa công đức, những việc ác chớ làm, nên làm các việc lành. Tự nhiên không có phụ người chứa nhóm công đức lành vậy.

HỎI: Giữ tài sản một cách công bằng, nhưng chẳng bỏ hẳn lòng tham tích chứa, tùy sức mình mà kinh doanh. Vậy như thế nào?

ĐÁP: Giữ tài sản một cách công bằng thì nên. Tuy nhiên vật báu trên đời chứa lâu thành họa. Nếu vật báu có đến chớ nên chứa, nếu chứa chớ chứa lâu. Còn như tham cầu không chán, nhận ngang không thẹn, tuy một lúc được giàu có, nhưng chẳng khỏi tối lo sáng tính.

Kinh Phật nói: "Tài sản hiện tại của người đời là của chung của năm nhà. Năm nhà là nhà vua quan, nhà nước lửa, nhà trộm cướp, nhà giặc giã, con cháu tiêu phá. Người đời đại dột, đặng cay suốt cả một đời, tạo cho nhiều tiền của, mong được vĩnh viễn giàu có. Đâu biết đấy là phần của năm nhà một ngày kia sẽ tan nát. Như vậy giữ của một cách công bằng mà còn chẳng lâu thay, huống là giựt ngang hay lừa đảo mà có thể thường còn ư?"

HỎI: Tôi thường ít ham muốn về sắc dục, chỉ có một vợ, việc tà dâm tôi đoạn hẳn chẳng phạm. Vậy thế nào?

ĐÁP: Hai chữ sắc dục là căn bản của việc sanh tử. Trong các điều ác việc tà dâm tư tình gian dối là bậc nhất. Từ xưa tới nay nó là việc mất đạo tan đức, lại chuốc họa vào thân, không thể kể cho hết. Ngay nơi việc thích rượu chè, ham tiền của còn có thể chế, chỉ có một cửa ải sắc dục còn khốc liệt hơn gấp bội. Bởi chúng sanh gốc từ dâm dục mà tánh niệm phải tiếp nối sanh tử. Tập quán từ trước quá thuần thực, nếu không dùng trí huệ quán chiếu thì dục nghiệp làm sao rõ? Kê tại gia khó đoạn hẳn sắc dục, nhưng căn yếu là phải giữ cho chơn chánh: chẳng phải vợ nhà nhất định không thể làm hạnh tà. Có một bọn tục tử thấy vợ con người, dáng dễ coi liền khởi tà tâm, rồi nghĩ mộ tham cầu. Như vậy thì lý trời đã mê, lòng người đã mất.

Kinh Phật nói: "Gian dâm vợ người bị quả báo tuyệt tự. Gian dâm con gái người bị quả báo con cháu dâm dật, phóng túng". Ông có thể đại khái nhìn những nhà người hiểu dâm hạnh xấu, bởi tiếp nối dòng tệ hại nên lần lần tiếng như lan đến mọi người. Cổ nhơn nói: "Ta chẳng dâm vợ người, người chẳng dâm vợ ta". Lại có một hạng chúng sanh mang nghiệp si, thấy người đàn bà khác vốn không phải vợ mình, cho người ấy đẹp, rồi bày điều gian dâm lừa đảo, trở lại bỏ bê vợ nhà chẳng đoái hoài. Hoặc thích gàn gửi bỡn cợt trẻ ngoan. Hoặc tư thông với vợ người làm công, và khiến kẻ dưới lừa đảo người trên...muôn ngàn dâm nghiệp kể ra không xiết.

Lại có kẻ đọc sách tài tử, cũng cho học là người thông minh. Sách ấy miêu tả chuyện tư tình của phụ nữ nơi khuê môn, biên vào ca dao, làm thành sách vở, làm mê hoặc người thật thà, dẫn học vào tà niệm. Tội ác của kẻ ấy thật

như núi cao, không thể nào cầu đảo mà hết được. Nếu là người có trí huệ phải nên tự hổ thẹn và tự ăn năn, mà đoạn tuyệt ngay nết tà dâm, thì cõi người cõi trời đâu đó có phần. Kẻ ngu ngày đặng miệng mà khuyên các ông: “Chỉ như nghiệp dâm mà tội ác tạo ra nhiều lắm!”

HỎI: Dâm dục tội ác như vậy, khẩu nghiệp như thế nào?

ĐÁP: Trong mười nghiệp ác, chỉ có miệng là đã chiếm hết bốn rồi. Nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói ác là giết người không máu. Kẻ ấy còn hơn người làm ác nhiều. Làm bại hoại việc lành của người, nói chỗ yếu của người. Bàn biếm quấy của người, luận việc lỗi của người, lừa đảo tiền của của người, cho đến việc bại hoại đạo đức, chôn vùi người mà cũng chôn vùi mình, đều do không ngăn được cái bệnh lắm mồm của mình. Cho nên tự chuốc họa rất nhiều.

Kinh nói: “Phật bảo ngài A-nan rằng người đời tai họa từ nơi miệng mà lưu xuất phải nên giữ gìn cái miệng còn hơn giữ lửa. Lửa dữ thiêu đốt tài sản ở thế gian, lửa ác khẩu thiêu đốt tài sản bảy báu của mình”. Tất cả chúng sanh tai họa từ nơi miệng mình mà ra, nó là chiếc búa chém mình, là cái họa tai tiêu diệt mình. Nay có người muốn nuôi dưỡng đức hạnh, phải ẩn ác dương thiện, phát ngôn nên nói lời chơn thật, đàm luận không nên nói bậy, có hỏi có đáp, lời nói giản dị, khí sắc ôn hòa, thì chư Phật chư thiên gia hộ và cũng được người thương yêu và kính trọng.

HỎI: Tánh tôi thích uống rượu, như vậy thế nào?

ĐÁP: Tâm tánh mê mờ, chí khí bị chôn vùi, nhà cửa tan nát, lại còn mất mạng, phần nhiều do uống rượu mà ra, và chuốc họa tai không ít. Người đời mê rượu không chán, cho đến hình骸 bị hủy thương, điên đảo cả lễ pháp, nằm lăn nơi phố chợ, la ó om sòm, phạm lỗi người trên mất hết danh dự, loạn dâm mất đức, muôn ngàn việc lỗi lầm nghịch ngợm là do tham uống rượu.

Người xưa nói: “Ngăn ông chớ uống rượu, nó là thuốc làm điên loạn chớ chẳng phải vị ngon. Nó hay khiến người tánh tình thuần hậu thành kẻ hung dữ dối láo”. Trong luật tứ phần nói: “Uống rượu có ba mươi sáu lỗi. Chẳng những người đời uống rượu phạm lỗi, cho đến la hán tham uống rượu cũng mất hết thần thông”. Chúng sanh mê muội, kẻ phạm phu sơ học phải giữ gìn và kiêng cử uống rượu.

HỎI: Xin nói ba mươi sáu lỗi gồm những gì?

ĐÁP: Uống rượu có ba mươi sáu lỗi là: bất hiếu với cha mẹ, khinh mạn thầy dạy, chẳng kính trọng Tam bảo, bài báng hàng Sa-môn, bươi móc tội người, thường nói lời vọng, vu người làm ác, đem lời thâm thọc hai đầu, nói lời hung ác hại người, là gốc của bệnh hoạn, là rễ của đấu tranh, tiếng ác đồn

khấp, người hiền đều chán, bài xích thánh hiền, khinh lờn trời đất, hư mất sự nghiệp, phá nát gia tài, thường không biết hổ thẹn, chẳng biết sỉ nhục, vô cớ đánh người ở, giết hại chúng sanh, gian dâm vợ người, trộm tài vật của người, lơ là với người hiền, gần gũi bạn ác, thường ô mòng sân hận, ngày đêm lo rầu. Lấy đông đưa tây, giữ nam mắc bắc, nằm đường té rãnh, rơi xe té ngựa, gặp sông rơi xuống nước, cầm đèn bị cháy, tháng nắng nóng chết, ngày lạnh rét chết. Người uống rượu có những lỗi như vậy. Người quân tử nuôi đức, phải tự răn mình đừng uống rượu.

HỎI: Tôi có chỗ tốt là khi bị người ta điểm nhục mà không giận dữ, nếu có chút phiền, nhưng khi biết rồi cũng hết. Vậy thế nào?

ĐÁP: Giận dữ là gốc của muôn điều chướng ngại, nhẫn nhục là đứng đầu của trăm phước. Người đời nói nhẫn nhưng mà chữ nhẫn rất khó, không phải là người trí huệ quyết không thể nhẫn được. Trừ ngoài Phật Tổ được như như chẳng động. Kẻ hào kiệt, người sơ học phần nhiều do không nhẫn mà bị thất bại, và bị hãm vào chỗ bất như ý. Kinh Phật nói: "Nhẫn nhục là bậc nhất". Tục ngữ có câu: "Ăn được ba đầu tương chua, giấm đặc mới làm được tể tướng". Kẻ phàm phu ở đời còn như vậy, huống là người học đạo không rộng lòng nhẫn nhục ư?

HỎI: Người đời nhiều lòng tham, gom góp tài sản cho thật nhiều. Tự bảo là để lại cho con cháu sau này được giàu có, được hay chăng?

ĐÁP: Kẻ ngu si ở thế gian ý cậy quyền thế, mê tâm chôn đức, có trăm cách khéo léo để lấy, dù được giàu có bất ngờ, nhưng có bao giờ được lâu dài. Nếu là người trí huệ nên phải chứa công nuôi đức, tùy khả năng mình mà kinh doanh, theo đúng mệnh trời, tự nhiên chư thánh phò hộ, âm thầm tăng trưởng phước lộc. Người đời chỉ biết vì con cháu lo làm giàu, chớ chẳng biết vì con cháu làm lành tạo phúc. Thế nào gọi là phúc? Kính trọng Tam bảo, chứa nhóm âm đức, cẩn trọng qui tắc của gia đình, dạy người cố gắng làm việc và học hành, đấy là tạo phúc.

Thế nào là cầu làm giàu? Không thành tín mê mờ thiên lý, dùng tâm máy móc, gom góp tiền của không hợp lý, đấy là cầu giàu có. Kẻ cầu giàu chẳng thanh người tạo phúc sẽ hiển vinh. Há chẳng thấy kẻ giàu to ở đời, con cháu hư hèn, cờ bạc phóng túng, một ngày kia sẽ phá cửa nhà, cho đến mất thân mạng. Chuyện này thường có xảy ra, sao không lấy đó làm gương? Tục ngữ nói: "Được của không chánh đáng, bỏ được là tốt". Người trí xem biệc này chưa khỏi lạnh lòng!

HỎI: Như đã mở bày, muốn làm người tốt phải xem tất cả như không, và thường thường kiểm điểm, phải vậy chăng?

ĐÁP: Muốn làm người tốt phải tự soi xét: suốt một ngày từ sáng đến chiều phải soi tâm mình và tự xét lý kia. Khi khởi tâm động niệm có cùng tâm trời hợp không? Hành động hàng ngày có cùng với người hợp không? Hằng thường tỉnh táo, không rơi vào tư riêng lâu ngày tâm được chánh, nhưn dục tự nhiên hết.

Nếu là người buông lung tâm ý, chẳng sợ trời phạt, chẳng sợ báo ứng, phi lễ mà hành động, mà tạo tá, lâu ngày chầy tháng, tích chứa nghiệp ác quá nặng, một mai phúc hết, các nghiệp đến bên thân, hiện đời gặp tai họa, khi chết đoạ ba đường ác. Kinh Phật nói: "Nghiệp đã tạo, giả sử trải qua trăm ngàn kiếp cũng không mất, khi nhưn duyên hội ngộ, mình phải trở lại chịu quả báo". Thế nên biết, nhưn quả chẳng sai, người đời sau hãy tin chắc thật.

HỎI: Việc nhưn quả có nhiều người không tin. Vậy thế nào?

ĐÁP: Việc nhưn quả báo ứng chẳng sai chẳng lầm, giống như bóng theo hình, một mây may không lộn lạo. Các bậc tiên thánh đã nói việc này rất rành rõ. Người sau ngu mê chẳng tin, phải nên tế nhị mà xét: Người đời có kẻ giàu sang, người bần tiện, có kẻ chết yếu, người trường thọ, có kẻ được vinh dự sủng ái, có người gian nan nhục nhã, có người khổ khổ, kẻ an nhàn, có người trẻ mà được đăng khoa, có người suốt đời thi chẳng đậu, có người rất giàu có mà không con, kẻ nghèo xơ xác mà nhiều người kế hậu, có người ấu niên, trung niên, lão niên khổ vui chẳng đồng, có người nghèo hay giàu sang suốt một đời, còn muôn ngàn việc sai khác nhau chẳng nhất định, ấy tất cả đều do nghiệp cảm nên. Người xưa nói: "Mùa xuân gieo một hạt thóc, mùa thu được muôn vạn hạt. Người đời làm thiện ác quả báo cũng như vậy" (xuân chủng nhất lập túc, thu thu vạn khoảnh tử, nhưn sanh vi thiện ác, quả báo hoàn như thế). Thế nên biết, sự vui buồn trong ba cõi, sự thăng trầm trong sáu nẻo, đều do tự mình tạo và tự mình chịu lấy, không phải từ bên ngoài đem đến cho mình.

HỎI: Tôi thấy người trung chánh lương thiện lại nghèo không một gánh lúc. Lại có bọn điều ngoa hung ác mà ruộng đất cò bay thẳng cánh. Như vậy nhưn quả há chẳng lầm ư?

ĐÁP: Tạo thiện ác chẳng đồng nhau, nên quả báo cũng chẳng nhất định: Có lúc báo ngay nơi thân mình, có khi báo nơi thân con cháu, có khi báo đời này, có lúc báo đời sau. Như có người ăn cơm hẩm, kẻ ăn cao lương. Người mặc áo gấm, kẻ áo lông. Lại có kẻ lều son gác tía, lên xe xuống ngựa. Tất cả đều do đời trước tự làm điều thiện hay điều ác, mà nay chịu quả báo khổ hay vui, một mây may chẳng sai chạy. Chỉ thấy kẻ hung ác mà được giàu sang, đâu biết được người ấy đời trước đã tu phước? Hoặc thấy người rất từ thiện mà nghèo khó lại mạng yếu, ấy là do đời quá khứ tạo nghiệp ác mà ra.

Trang Tử nói: “Tên đạo chích theo đoàn quân chín ngàn người, hoành hành thiên hạ, xâm bạo các nước chư hầu mà tên ấy vẫn trường thọ”. Trong Luận ngữ sớ nói: “Hạng Thác bảy mươi tuổi làm thầy Đức Khổng Tử mà chết yếu”. Cho nên có người trong sạch chân chánh mà thân bản cùng. Hoặc có người tham ô mà giàu có. Chớ chấp hiện đời này có sai khác mà bài báng nhưn đời trước thì sai lầm vậy.

HỎI: Sự báo ứng của thiện ác, lý kia không sai. Có một bọn ngu si chẳng tin nhân quả, trở lại nói: “Lương tâm chẳng thể làm ra gạo. Nếu lương tâm hay vào nồi thành cơm thì cũng có thể nên làm”.

ĐÁP: Khá tức cười, thật là quá ngu si điên đảo. Ông, nếu lương tâm từ sáng đến tối không dối, thì phù hợp với lòng trời, lúc ấy thần cũng vui vẻ, người cũng hân hoan. Niềm hòa khí được cảm triệu, thì tự nhiên tươi vui. Kinh thi nói: “Niềm vui chỉ đến với người quân tử, và phước lộc sẽ đến với họ”. Nếu do chôn vùi đức hạnh mà được tiền của, bỏ tấm lòng mà được giàu có, thì mới trở lại bài báng lương tâm vô dụng, không thể vào nồi thành cơm. Đâu biết hạng người này đã mê mờ lý trời, trong bóng tối thần giận quỷ hờn, giảm phúc tổn thọ, nghèo thiếu nạn tai, cho đến con cháu hư hèn, việc lạ đâu chẳng có.

Sách Văn Xương nói: “Người tu thân sửa hạnh, trời nhất định giáng cho trăm điều lành. Trái lại kẻ phản đạo bại đức, thần cũng đoạt năm phước”(1). Thế nên, phước thiện hay họa tai, lý nó tất nhiên nhất định như vậy. Nếu chịu cái ác làm lành, chẳng khinh lờn, tự nhiên Phật trời ngầm phò hộ, phước thọ được tăng trưởng.

HỎI: Người có lỗi biết ăn năn có thể được chăng?

ĐÁP: Đã là người ai chẳng có lỗi lầm, biết lỗi lầm mà ăn năn chừa cải, thì điều lành nào chẳng lớn? Sự lỗi lầm ác hại chẳng phải có một. Nên nơi thân miệng ý phải luôn tỉnh táo, nhất định giờ phút nào cũng phải soi xét xem hành động mình có thích đáng hay không. Nếu là thiện nên làm, còn ác thì mau cải đổi. Sự đổi ác theo thiện như con bệnh ra mồ hôi, tự nhiên sẽ được may mắn, vui vẻ, chư thánh sẽ phò hộ cho.

HỎI: Giả sử chiếu xét chẳng đến, một lúc sanh tâm động niệm, chưa biết phải háng phục tâm ấy như thế nào?

ĐÁP: Người xưa trị tâm rất khít khao, cho nên gạt hái được nhiều kết quả to lớn. Tất cả những tâm thiện ác của con người đều do NIỆM. Khi niệm dấy động nên mau mau tỉnh giác. Tỉnh giác nó liền thành không. Thu nhiếp như vậy lâu ngày chầy tháng tự nhiên tâm chánh. Kinh Thư nói: “Buông lung niệm là người điên, chế phục được niệm là bậc thánh”. Lời nói này rất chi lý và nên theo đó mà hành.

HỎI: Người tại gia năm dục (2) cột trối, không thể thoát liền được, chưa biết có phương tiện gì để tu lần hay không?

ĐÁP: Người tại gia tu hành việc ấy rất khó, phải dũng mãnh kiên chí và thường lâu mới được. Nên trong lúc động tịnh hàng ngày, trong lúc rảnh rang hay lúc bận rộn, chỉ riêng đề khởi một câu A Di Đà Phật, rồi hồi quang phản chiếu, chỉ giữ một niệm. Giả như có nhiều vòng lửa xoay trên đầu nhất định cũng không bỏ một niệm này, mặc tình cho tám gió (3) đến xung kích ta, chẳng cho mất một niệm này, lâu ngày chầy tháng một niệm được thuần chơn. Trở lại đem một niệm này phá nát ra, lúc ấy tự tánh Di Đà mới hiện. Giả sử hành như vậy, suốt một đời chẳng ngộ, khi báo tận mạng chung (chết), tự giữ một niệm, thẳng đến đường chánh. Trở lại làm người một nghe ngàn ngộ, thấy tánh thành Phật đã có phần. Đây là yếu chỉ của biệc trở về tâm (qui tâm). Trái lại chờ hướng bên ngoài mà dong ruổi tìm cầu. Tự mình phải lời nói và hành động không trái, thì mới gọi là chơn chánh thọ dụng.

CHƯƠNG II PHẬT NHO LUẬN LÝ

Nho sĩ hỏi: Đạo lý của Phật chủ trương không cha con, không vua tôi. Các bậc tiên Nho đã bình luận đạo lý của Phật đồng với học thuyết của Dương Chu và Mặc Địch (4). Tôi nghiên cứu thấy lời nói ấy quả nhiên chẳng sai.

Sư đáp: Khi đức Phật còn tu nhơn, trong vô lượng kiếp đã từng móc mắt cứu song thân, hoặc xả bỏ thân thể chết thay cho cha, hành vô vàn đạo trung đạo hiếu, nhưng mà cũng không thành đạt được sự báo đáp. Chỉ có xuất gia học đạo vô thượng, thành bậc Đẳng chánh giác, thì sự báo đáp mới trả xong Kinh Phật nói: "Nếu người con hiếu phụng sự cha mẹ, trời Đế Thích ở tại nhà. Người con hiếu dưỡng cha mẹ, trời Đại phạm thiên ở tại nhà. Người con hiếu kính cha mẹ chư Phật ở tại nhà". Trong Luật nói: Hiếu gọi là Giới. Người trước chẳng nuôi cha mẹ mà làm việc bố thí, đấy gọi là người ác. Trong Di Lặc kệ nói:

"Nhà trên có hai tượng Phật,
Xót thương người đời chẳng biết
Chẳng dùng vàng tốt làm thành,
Cũng chẳng chiên đàn tạc nên.
Tức là cha mẹ hiện tại.
Đấy là Thích Ca Di Lặc,

Người thường thành tâm cung kính.
Nào câu công đức chi xa”.

Giáo lý Đạo Phật tuy không bàn về việc trị quốc, nhưng mà hay dẫn đạo người dân làm lành, cải hoá tà mê trở về đường chánh. Dạy người ngu vâng làm những điều lành, khiến kẻ trí ngộ lý tu tâm. Đấy có thể bảo là làm sáng tỏ Phật đạo và ngấm báo đáp ân vua. Há chẳng thấy hàng họ Thích trong đạo Phật và những Tông Lâm trong thiên hạ, sớm tối hai thời khoá tụng, hầu báo đáp bốn ân ba cõi được nhờ. Đối với người lơ là Phật quả, bất trung, bất hiếu, mười phương bồ tát, hàng lậu tận A la hán, hàng thiên long bát bộ, các loại quỷ thần, há chịu qui y và dốc lòng phụ tá? Tôi chẳng nói dối, ông tự rõ.

HỎI: Cha mẹ còn sanh tiền chẳng đi được xa, đi xa còn chẳng cho, hưởng cạo tóc mặc áo thâm, xa lìa cha mẹ?

ĐÁP: Ông chỉ biết cái hiếu nhỏ ở thế gian, mà chẳng biết cái hiếu to lớn xuất thế gian. Hiếu ở thế gian là chẳng thể xa lìa cha mẹ, còn sống thì lấy lễ mà phụng sự, khi chết thì dùng lễ mà mai táng, cuối cùng là lấy lễ mà cúng tế. Đạo hiếu trước sau đầy đủ chỉ có thế.

Nho giáo chỉ biết phụng sự cha mẹ hành đạo hiếu, mà chẳng biết cha mẹ đời quá khứ chi đến hiện tại đã tạo nghiệp thọ báo, đoạ lạc vào ba đường. Nếu được người con xuất gia, chóng chứng đạo giác ngộ vô thượng, thì mới có thể cứu cha mẹ thoát khỏi cảnh khổ. Đấy mới có thể gọi là báo đáp ân cha mẹ một cách chân thật. Cổ đức nói: “Một người con xuất gia chín đời ông bà được thăng thiên”. Xuất gia làm Tăng, tuy cạo tóc mặc áo thâm, đó nghĩa là xa lìa thế tục, học đạo mới dễ thành công. Chẳng có vợ con, nên gọi là cắt đoạn ân ái, mới mau thành chánh giác. Ông chỉ biết ngũ luân (5) ở thế gian, mà chẳng biết cái hiếu lớn cứu cha mẹ.

HỎI: Tội bất hiếu có ba, không con nối dòng là lớn hơn cả. Vậy thế nào?

ĐÁP: Luân lý ở thế gian không con nối dòng là bất hiếu. Trái lại đạo xuất thế không cuộc hạn trong lệ này. Bởi do tham ái nên chúng sanh tiếp nối nhau mà sanh, cột trói trong lưới ái chẳng thôi, như keo như hồ. Đời đời hội hiệp, kiếp kiếp liên chuyền cha mẹ con cháu tới lui chẳng dứt. Nếu thật là người có trí huệ phải cương quyết đoạn trừ, phát tâm dũng mãnh chặt đứt ái dục, đốn ngộ tâm tánh, vượt thẳng đến mảnh đất giác ngộ tuy là tuyệt tự không con nối dòng cũng không phải tội lỗi. Bởi tự mình có cái hiếu lớn xuất thế, báo đáp ân của ông bà cha mẹ một cách chơn thật.

HỎI: Tăng sĩ xuất gia, mở miệng ra là nói việc xuất thế. Nếu quả thật có pháp xuất thế, thì pháp ấy chẳng phải hành trên thế gian. Nay thấy lưu hành trên thế gian sao nói ra ngoài thế gian?

ĐÁP: Người học đạo chẳng nhiễm duyên đời, giải thoát tất cả chổ, gọi là người xuất thế. Chẳng phải lìa thế gian mà riêng có cái có thể xuất. Thí như Nho sĩ thi đậu gọi là "cỡi rồng bẻ quế". Há thật có rồng để cỡi, có quế để bẻ ư? Đáng tức cười những kẻ mê chấp mà anh nghị luận dị kỳ.

HỎI: Tôi thấy Tăng sĩ ham mê danh lợi, rông làm chuyện thế gian, làm sao chẳng nhiễm?

ĐÁP: Thời kỳ mạt pháp lìa Phật quá xa, cho nên rông rảnh lẫn lộn, phạm thánh giao xen. Có những người trí chẳng lìa ngoài pháp thế gian, hành động phi đạo mà thành tựu được Phật đạo, người phạm mắt thịt không thể biết được, chớ nên nghị luận hàm hồ.

HỎI: Đức Thánh Khổng công kích học thuyết dị đoan, đâu chẳng phải là Phật giáo và Lão giáo sao?

ĐÁP: Ngài Khổng Tử cho Lão Tử là dị đoan, sao lại đi hỏi lễ và khen tặng Lão Đàm? Nếu cho Phật là dị đoan, lúc ấy Phật giáo chưa truyền vào Trung Quốc sao nói dị đoan được? Ấy chẳng qua ngài Khổng Tử ngó thấy thời Xuân Thu, bậc hiền giả thì thái quá, còn kẻ ngu thì bất cập. Tất cả đều mất Trung đạo, cho nên nói rằng dị đoan. Kẻ Nho sĩ đời sau nương vào đó mà bài báng Phật Giáo và Lão Giáo. Lời nói rời rạc kia chẳng thông vậy.

HỎI: Phật giáo chủ trương tịch diệt gọi là dị đoan. Các bậc tiên Nho đã kiểm điểm, lời kia chẳng sai.

ĐÁP: Gọi tịch ấy chẳng phải đối với động mà gọi rằng tịch. Từ vô thi đến nay vốn tự chẳng động, nên gọi rằng tịch. Gọi diệt ấy chẳng phải đối với sanh mà gọi rằng diệt. Từ vô thi đến nay vốn tự không sanh không diệt nên gọi rằng diệt. Đây là bản tánh của toàn thể, muôn nghìn tác dụng từ đây mà phát sanh. Kẻ Nho sĩ đời sau chẳng ngộ được tánh thể, lầm lẫn sanh ra dị kiến đoan diệt.

HỎI: Đạo Nho tôi chủ trương "Cùng lý tận tánh" chẳng giống như thiên không của Phật giáo?

ĐÁP: Phật nói: "Tịch diệt hiện tiền, lục căn hỏ dụng". Nhà Nho gọi là "Tịch nhiên bất động, có cảm liền thông". Phật nói: "Như như bất động". Nho nói: "Không không" giống nhau vậy. Kẻ Thích Tử chuyển thức thành trí. Thầy Nhan Hồi học đạo thành "thường không"! Nếu cho tịch diệt là dị đoan, thì Khổng Tử nói "Không không" cùng Phật không hai (vậy cũng dị đoan sao). Kẻ Nho sĩ đời sau chẳng rõ tánh thể, đã vô cơ sai lầm nghị luận thiên không. Nếu ngộ được "chỗ chưa phát khởi trở về trước" mới biết đạo Nho, đạo Thích không hai.

HỎI: Đạo Phật dùng lý như quả để dọa sợ hạng tục tử ngu muội, nói người làm thiện nhất định sanh thiên đường, kẻ làm ác đọa xuống địa ngục. Nói lục đạo luân hồi tam đồ nghiệp báo, như thế là dối láo mê hoặc người thái quá. Tín đồ đạo Phật đâu biết mạng người sau khi chết khí hoá thành gió, thân thịt hoá thành bùn đất, một đời đã hết có ai mà trở lại?

ĐÁP: Như ông đã nói: không như không quả, thiên đường địa ngục là dối láo, con người một đời chết rồi về không, khí hoá thành gió, thịt hoá làm bùn đất. Nếu không như quả sao kinh Dịch nói: "Nhà chứa những điều thiện ắt có thừa những niềm vui khánh hạnh; nhà chứa điều ác ắt có thừa những hoạ tai". Lại Kinh Thư nói: "Người làm lành được đáp cho trăm điều may mắn; người làm điều chẳng lành được đáp cho trăm tai họa". Nếu không có địa ngục do đâu trong Truyện nói: "Nếu làm điều chẳng lành sẽ bị quỷ thần hành phạt nơi cõi u minh". Nếu không có luân hồi, có sao lại nói: "Người chết nơi đây thì sanh nơi kia. Vạn vật lưu xuất từ cơ tạo hoá, thì cũng đều vào cơ tạo hoá". Nếu không như quả báo ứng con người chỉ sống một đời mà thôi, thì tự do lêu lổng, buông lung tâm ý, hành vi trái đạo, đến sau khi chết chẳng qua hoá một trận gió trong (thanh phong).

Nếu tự như hoá thành gió sao lại an trí thờ phụng? Hơn nữa gió là vật vô tình vốn không tri giác. Trinh Hao nói: "Con hiếu cúng tế ông bà, ông bà chứng cho lòng tưởng nhớ ấy. Đây là do lòng chí thành hẳn có cảm liên ứng". Cứ theo lời nói này: Ông bà đến để chứng cho lòng tưởng nhớ của con cháu. Nhưng mà luồng gió trong đến chứng hay là linh tánh thành gió. Nếu là gió trong đến thì gió trong là vật vô tình. Vậy thì ông bà sau khi chết TÁNH hoá làm vật vô tình ư? Con cháu cúng tế ông bà, lại biến thành linh tánh, sau khi nhận sự cúng tế rồi, trở lại hoá thành gió trong. Như vậy sự biến hoá, qua lại thật là luồng gió kỳ quái. Trinh Hao lại nói: "Quý nghĩa là có đi mà không có lại". Đã có đi mà không có trở lại, nhưng khi con cháu chí thành nên ông bà cảm mà về chứng. Vậy là có trở lại! Thật nực cười vậy.

Y Xuyên nói: "Quý thần là lương năng của hai loại khí: khí dương sanh lên trời làm thần, khí âm rơi xuống đất làm quỷ". Đã nói như quả là giả, thiên đường địa ngục chẳng thật. Như vậy chủ trương khí dương sanh lên trời làm thần, khí âm dưới đất làm quỷ là đã rơi trong như quả cảm ứng rồi.

Rất tiếc kẻ tục Nho chẳng ngộ được diệu tánh, chẳng có chẳng không, chẳng sanh chẳng diệt, lầm lẫn sanh tâm chấp đoạn diệt, tự mờ mịt bản chơn. Kẻ ấy phải sớm sanh trí huệ, mau tìm bậc minh minh ra đạo lý nhất quán, thì nhất định không rơi vào hai kiến chấp đoạn thường, liễu ngộ được lý trung hoà của cửa Khổng.

HỎI: Đã chẳng làm như quả, thiện ác báo ứng chẳng sai. Có sao vua Lương Võ Đế phụng thờ Đạo Phật mà bị mất nước vào tay Hầu Cảnh?

ĐÁP: Vận nước có dài có ngắn, đời có thịnh trị hay loạn lạc đều do định nghiệp, không thể dời đổi được. Lương Võ Đế theo tiểu thừa, chuyên tu vào hữu vi. Quá tin vào lẽ thói cũ, cố chấp lý Trung, không có quyền biến. Binh của Hầu Cảnh đến chẳng bày phương tiện, mà lại hợp các thầy Sa Môn lại rung chuông gõ khánh, mà niệm MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT. Giống như Hưởng Hủ nhà Hậu Hán, có Trương Giác làm loạn, không muốn quốc gia hưng binh, chỉ xua binh tướng ra bờ sông, hướng về phương bắc đọc Hiếu Kinh cho quân giặc nghe sẽ tự tan rã. Dùng pháp chánh chẳng khéo như vậy, đâu phải lỗi tại Hiếu Kinh? Lương Võ Đế chấp vào lý Trung, lại cũng do định nghiệp mất nước chớ chẳng phải làm thiện mà tổn hại. Vua Lương Võ Đế tuổi thọ đến chín mươi, định nghiệp của vua là do bệnh mà chết, chẳng phải đến đổi tàn ác. Cớ sao lại nhơn vào việc này mà bài báng Thánh Giáo, ấy tự mình chuốc lỗi vậy.

HỎI: Thầy nói định nghiệp khó trốn thoát. Vậy sự cảm ứng thật là trò dối gạt?

ĐÁP: Đời trước tạo nghiệp, đời này thọ quả báo. Thân hiện đời này tu phước, trở lại kiếp sau hưởng quả vui. Lý ấy nhất định như vậy, không thể dời đổi được. Vua Lương Võ Đế đời trước kết những oan nghiệp, đời này gặp lại những thù oán xưa. Tuy gặp những oán nạn, nhưng nhờ đời này tu thiện, nhất định quả của đời sau thế làm được.

HỎI: Nhơn quả chẳng lằm, nó là cái định kiến không thể dời đổi chẳng?

ĐÁP: Đây là pháp nhất định mà cũng có bất định.

HỎI: Bất định như thế nào?

ĐÁP: Đời trước tạo nghiệp, đời này nghèo khó lại mạng yếu; hoặc làm phúc đức nên tội diệt phúc sanh; hoặc ở những kiếp trước vay nợ sanh mạng với nhau, nay oan trái hội ngộ. Do làm công đức lớn cảm động đến trời đất nên hoá hung làm kiết. Cổ đức nói: "Làm âm đức hay giải trừ được túc nghiệp". Cho nên, tuy có định pháp mà cũng có bất định pháp.

HỎI: Vua Lương Võ Đế một đời xả thân sửa chùa xây tháp. In kinh tạo tượng, phụng thờ Phật, độ Tăng Ni, làm lành như vậy, há không âm đức cảm động đến trời đất, để được cởi oan mở nạn sao?

ĐÁP: Việc của Lương Võ Đế là phước hữu vi, sanh trở lại sẽ thọ quả vui. Nếu là âm đức vô lậu thì hợp làm một với lòng trời, mới hay đổi hung làm kiết, đổi tai hoạ thành an lành.

HỎI: Phật pháp nếu đồng với giáo lý của đạo Nho, tại sao Âu Dương Tu nói: "Phật là đại hoạn cho Trung Quốc".

ĐÁP: Phật pháp nếu chẳng phải là giáo lý chơn chánh mới là đại hoạn. Do đâu mà từ xưa cho đến nay trên từ thánh đế hiền vương, dưới cho đến tể quan, đại Nho, trưởng giả, cư sĩ, Đạo sĩ, bà già, con gái, con ở... đều phụng thờ Phật như thủy triều lên. Kẻ quy y như nền trời đầy sao. Trong số người đông đảo như vậy, khó thấy một người khám phá ra Đạo Phật là người từ phương xa, ngài cũng chưa đến đây bao giờ. Chẳng qua là lời dạy của ngài truyền đến đây mà thôi. Nếu là giáo pháp hại người, há lại cho lưu truyền từ lâu, sao không bị trời tru người chán?

HỎI: Âu Dương Tu nói: "Phật khéo bày đặt việc không cần cứ, chẳng chơn thực".

ĐÁP: Phật bày ra điều dối láo ắt có mưu đồ. Nếu nói về danh lời Phật là người rất tôn quý; nếu nói về đối lạnh Phật là người rất giàu sang. Vì sao lại xả bỏ giàu sang vương vị đi bày đặt chuyện không cần cứ, chẳng chơn thật để mê hoặc người? Đây cũng là việc tất điên đảo và kỳ quái vậy. Nếu Phật lòng chỉ có mây may trá vọng, thì mười phương các bậc thánh hiền há lại chịu cùng theo hoẵng hoá? Kinh nói: "Lời nói của Như Lai là lời chơn, lời thật, lời đúng, lời chẳng dối, lời chẳng khác" (Như Lai thị chơn ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả). Lời trên ấy là do Âu Dương Tu muội tâm mà nói ra vậy.

HỎI: Hàn Vũ nói: "Phật giáo là nền đạo giáo từ bên Tây Vực (Ấn Độ), đến thời Hậu Hán mới truyền bá vào Trung Quốc. Đời thượng cổ nào có đạo Phật, từ đời Hoàng Đế trở xuống, đời vua Văn, vua Vũ trở lên, con người đều chẳng dưới trăm tuổi. Đời sau theo Đạo Phật càng ngày càng nhiều nên tuổi thọ bị giảm. Nguy thay!"

ĐÁP: Bậc Đại Thánh ra đời không cuộc hạn trong chỗ nơi và tuổi tác. Bậc Đế Vương của Trung Quốc như vua Thuấn sanh ra ở Chư Bạng, khi chết ở Ô Điều, và quê ở phần đất phương Đông. Văn Vương sanh ra ở Kỳ Châu, chết ở Tất Dĩnh, và quê ở phần đất phía Tây. Vua Thấun và Văn Vương đều là bậc thánh hơn, giáo pháp các ngài bủa khắp thiên hạ, đời sau rất tôn kính các ngài, ấy chẳng qua là tùy phong thổ mà được tuổi thọ như vậy. Nếu nói người thượng cổ thì trường thọ, còn kẻ hậu thế thờ Phật mà bị giảm thọ, vậy có sao khoảng giữa năm Bính đến năm Nhâm rất ngắn? Tại sao Khổng Lý (là con Đức Khổng Tử) và Nhan Hồi là bậc thông minh xuất chúng lại chết non? Khéo tin, bảo nguyên hơn do thờ Phật mà mạng số rút giảm, vậy Hàn Vũ bài báng Phật lý đáng phải sống vĩnh viễn? Đấy là lối lý luận "bị tai nghe linh" chưa khỏi làm trò cười cho bậc trí.

HỎI: Phật dạy "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật". Đạo Nho tôi không có lời nói chẳng thật như vậy.

ĐÁP: Phật dạy người minh tâm kiến tánh, và khi kiến tánh là thành Phật. Mạnh Tử nói: "Dùng hết tâm để biết tánh, biết tánh tứ là biết trời" (Tận kỳ tâm tri kỳ tánh, tri kỳ tánh tắc tri kỳ thiên). Lại nói: "Đọc lời dạy của vua Nghiêu rồi" (Tụng Nghiêu chi ngôn, hành Nghiêu chi hạnh, thị Nghiêu nhi dĩ hĩ). Giáo lý của ta dạy: "Ngộ lời của Phật, hành hạnh Phật, đó là Phật rồi". (Ngộ Phật chi ngôn, hành Phật chi hạnh, thị Phật nhi dĩ hĩ). Như vậy đạo Nho đạo Thích có gì sai khác mà nói không thật?

HỎI: Khi ngộ lời Phật, quyết định cần phải hành hạnh của Phật, tôi đã thấy trong giới Tăng sĩ, có nhiều người không tuân theo luật của Phật. Tại sao thế?

ĐÁP: Cửa pháp quá rộng rãi cho nên rộng rãi lẫn lộn. Ngay lúc đức Phật còn tại thế mà còn có "Lục quần Tỳ Kheo"(6). Huống là thời mạt pháp, cách Phật càng ngày càng xa. Thời nay chỉ cần một người hơi giống người xưa, trong số trăm ngàn Tăng sĩ cũng đủ rồi. Thí dụ đãi cát tìm vàng, mười đấu cát được một hạt vàng cũng là vật quý ở trên đời. Lại như chẻ đá tìm ngọc, một núi đá chỉ được một tấc ngọc cũng làm được vật quý. Người xưa nói: "Loài có sừng tuy nhiều, một con lân cũng đủ rồi". Chẳng những thời mạt pháp, trong Phật giáo khó tìm được người hơi giống người xưa, ngay lúc đương thời Đức Khổng Tử cũng có quân tử Nho và tiểu nhơn Nho. Hiện nay tuy mặc áo Nho sĩ, làm sao bảo đảm họ đều giống Khổng Mạnh? Cho nên tông giáo thời thượng pháp chẳng riêng gì Tăng sĩ có người không giữ luật mà Nho giáo cũng vậy, chưa khỏi lệ này.

HỎI: Tam giáo chỉ có một lý, tại sao lầm phân ra đẳng cấp: Phật giáo trị ở xương tuỷ, Đạo giáo trị ở huyết mạch, Đạo Nho thì trị ở ngoài da? Như vậy là lời nói bất công, chưa khỏi khiến người phiền trách.

ĐÁP: Nho gia lấy "cùng lý tận tánh" làm đạo, tam cương, ngũ thường (7) làm đức, chỉ mong người làm quân tử, cho nên gọi là trị ngoài da. Đạo gia lấy "tu chơn dưỡng tánh làm Đạo", "nhược chi thoái kỹ làm Đức", mong làm đến bậc Thanh Hư đạo nhơn, cho nên gọi là trị trong huyết mạch. Phật giáo lấy minh tâm kiến tánh làm Đạo, thập độ vạn hạnh (8) làm đức, thành bậc chánh giác tam giới sư. Thật là hay trị ở cốt tuỷ. Chẳng phải là đạo thể của tam giáo có khác nhau, bởi mỗi môn công hạnh có sai biệt.

HỎI: Thế nào bảo rằng Tam giáo thể chỉ có một?

ĐÁP: Thể chỉ có một. Phật giáo chủ trương kiến tánh, Đạo giáo chủ trương dưỡng tánh, Nho giáo chủ trương tận tánh. Vào cửa tuy có sai khác, nhưng trở về nguồn thì không hai.

HỎI: Phật giáo Nho giáo có chỗ bất đồng?
- Bất đồng chỗ nào?

- Đạo nho tôi, trước học hỏi sau mới giảng dạy, phải xem khắp cả sách vở để nhận ra chỗ cùng tận của tánh tình, của lý. Đạo Phật trước dạy ngồi tịnh tham cứu thoại đầu, để ngộ tâm tánh của Đạo, cho nên Phật giáo, Nho giáo đại khái có điểm chẳng đồng.

- Sư nói: Từ bên ngoài vào chẳng phải của quý ở nhà, từ trong phát khởi mới là huệ chơn thật. Môn đệ của Khổng Tử lúc bấy giờ chỉ có Nhan Hồi được ngộ, ngoài ra là những bậc học nhiều thấy rộng, tất cả đều từ bên ngoài trợ phát, cho nên học và ngộ cách nhau trời vực. Như Trình Minh Đạo tham học nơi ngài Mậu Thúc, Mậu Thúc khiến tầm cứu "chỗ vui" (lạc xứ) của Nhan Hồi đâu không phải là câu thoại đầu? Lại Dự Chương, La Trọng Tô chỉ dạy người tịnh tọa tham cứu câu: "Bốn đâu chưa phát khởi làm khí tượng gì?". Việc nên chẳng những có sức tiến bộ trên sự học, mà cũng gồm cả chỉ yếu của sự dưỡng tâm. Hai vị cao hiền nơi của Khổng này có khác gì nhà Thiền tham cứu ngộ nhập?

HỎI: Lý đốn ngộ tôi tin chẳng nổi?

ĐÁP: Chẳng những kẻ mới học Nho hiện thời tin chẳng nổi, mà cho đến Tử Cống, Tử Phương các bậc hiền trong cửa Khổng cũng tin chẳng nổi. Lúc bấy giờ chỉ có Nhan Hồi được niềm tin thôi. Cho nên Đức Khổng Tử gọi Nhan Hồi là bậc hảo học.

HỎI: Giáo lý của tôi từ sự mà vào, trong động kế hợp với lý. Nhà Phật trái lại từ lý mà vào, tịnh tọa để ngộ lý. Cho nên người trong động kế hợp với lý khi lực lớn. Người tịnh tọa ngộ lý khi lực yếu.

ĐÁP: Chỗ ông nói lý kia rất đúng, nhưng không làm sao được vì chỗ quen thuộc lại quen thuộc hơn, chỗ sanh khởi lại sanh khởi hơn. Người học nếu ở trong động, chỗ quen thuộc mà chứng lý, không theo việc ấy làm chống trái, đó chỉ có muôn người không được một. Hạng sơ cơ nghiêng về chỗ tịnh, nơi sanh khởi (của tâm ý) luyện tập cho thành thực. Lúc ấy dù đến chỗ động tự nhiên cũng được lực dụng.

Ngài Y Xuyên mỗi khi thấy người tịnh tọa đều vui vẻ khen rằng người này khéo học. Châu Hi nói: "Ngài Minh Đạo dạy người tịnh tọa, Lý tiên sinh cũng dạy người tịnh tọa. Bởi vì nếu tinh thần bất định thì đạo không bền đỗ, nếu tịnh tọa đều dưỡng được kết quả, thì Đạo liền thông suốt". Như vậy chư Nho ở trên đều thích tịnh tọa nghiên cứu. Tức cười cho nhà Nho thế tục ngày nay, vọng tâm sanh diệt không một chút dừng nghỉ, đối cảnh gặp duyên không phân biệt chủ tế. Như vậy vì sao nói từ sự nhập, trong cái động kế hợp đạo nhất quán?

HỎI: Tột lý chỉ một lời chuyển phàm thánh. Việc này rất kỳ đặc, khiến nhà Nho khó tin.

ĐÁP: Đương thời ngài Tăng Sâm tham cứu lý tâm rất chuyên cần, bỗng nghe câu “Nhứt dĩ quán chi” của Đức Khổng Tử, thì nghiệm nhiên lãnh ngộ được cái lý của tâm tánh.

Lại, Châu Mậu Thúc dạy đồ chúng rằng “Cỏ trước nhà chẳng nhỏ”. Nếu có người hỏi ý kia, nên đáp rằng “Ý nghĩ chung của tự nhà mình”.

Trương Tử Hậu nghe lừa kêu mà lãnh hội. Đấy há chẳng giống “Tột lý chỉ một lời, chuyển phàm thành thánh ư?”

HỎI: THIỀN lấy cơ duyên mà ấn chứng. Đạo Nho tôi quyết không có việc này.

ĐÁP: Xưa Trình Y Xuyên thấy Thiệu Khương Tiết, Trình chỉ cái bàn ăn mà hỏi Thiệu rằng “Bàn này để trên mặt đất, chẳng biết trời đất tại chỗ nào?” Tiên sinh Thiệu Khương Tiết nghị luận cùng tận về lý kia. Lời hỏi ấy tứ là cơ duyên ấn chứng vậy.

HỎI: Chư tử trong đạo Nho tôi, đều có nghị luận về lý vô cực, thái cực nhưng mà không thông suốt, làm sao kẻ hậu học một lúc được vào? Thầy đã nói rõ về Tam giáo chỉ một lý, sao không ra tay chuyển xoay để cho người chưa ngộ tin rằng Phật pháp là cao tột?

ĐÁP: Đạo giáo và Nho giáo đại khái về môn lý thì đồng: do vô cực sinh ra thái cực. Thái cực động sanh ra dương, động cùng cực rồi tịnh. Tịnh lại sanh ra âm. Một âm một dương ấy là lưỡng nghi giao nhau, sanh ra tứ tượng ngũ hành, rồi sanh ra vạn vật. Tóm lại nếu suy về lý cùng cực, rốt lại chẳng biết là do TÂM hiện ra, tôi nếu chỉ bày chỗ thanh tịnh bản nhiên, sao lại sanh sơn hà đại địa còn e khó vào. Nay phương tiện mượn hai lý vô cực thái cực sai khác của Nho giáo để khiến ông dễ ngộ.

Bây giờ trở lại nghiên cứu Phật thừa: Bản tánh không tịch tức là vô cực. Chơn tâm linh chiếu tức là thái cực. Tịch chiếu không hai như gương chiếu vật, hay biện biệt lẽ thiện ác mà không sanh phân biệt, tâm vừa nảy sanh lẽ thiện ác liền hiện. Như thái cực động mà sanh ra âm dương, âm dương giao nhau mà sanh ra vạn vật. Chơn tâm đối vật chẳng sanh phân biệt. Một niệm vừa sanh, muôn vạn pháp đều hiện. Nay mượn chỉ tâm tánh để làm sáng đạo Dịch, nên vào cửa thiền tham cứu trở lại phải mất ba mươi năm.

HỎI: Giáo học củ đạo Nho tôi, cho bộ TỨ THƯ là thánh kinh, nếu thấy không tiếc công xin giải thích một phen.

ĐÁP: “Đạo Đại học, ở chỗ minh minh đức, ở chỗ tân dân, ở chỗ dừng lại nơi chí thiện”.

Giải thích: Đạo đại học của cửa Khổng, chẳng phải là lễ nhạc, hay tìm tòi trong sách vở, cũng chẳng rơi vào thái quá và bất cập, mà thường dừng nơi lý Trung đạo.

“Tại minh minh đức” nên phân làm hai để giải thích. Chữ minh trên tứ là Ngộ, chữ minh dưới tứ là Tâm. Chơn tâm rỗng rang mà mầu nhiệm, hay chiếu soi mà thường tịch. ĐỨC là diệu dụng của tâm, nó thuần thiện không ác. Tất cả những tam tạng, ngũ thường, lễ nhạc, luật pháp, chính trị... đều phát xuất từ đức dụng của diệu minh nhất tâm. Chúng sanh từ vô thủy đến nay, bởi do chạy theo cảnh, đuổi theo tình, ô nhiễm quá lâu, cho nên trái lại với đức dụng, điên đảo thác loạn, che đậy cái bản minh, do đó nên trôi nổi trong sanh tử. Một mai ngộ sáng được bản tâm, mới biết người hiền kẻ ngu không hai. Từ khi ngộ về sau phải làm “mới dân” (tân dân), khiến mọi người đều phát minh ra cái “diệu minh nhất tâm”. Hành động thực tiễn này là chỗ “dừng lại chỗ chí thiện” (chỉ ư chí thiện). Như đã nói trên là đốn ngộ.

Từ đây trở xuống là “Tu chứng”. “Biết dừng lại rồi sau mới định. Có định rồi sau mới có thể tịnh. Có tịnh rồi sau mới được an. Có an rồi sau mới lự. Có lự rồi sau mới đắc”.

Giải thích: Tự biết dừng lại chỗ chí thiện (chỉ ư chí thiện). Chí thiện là trung đạo. Nếu là dừng lại ở trung đạo thì tự nhiên lễ thiện ác không lừa dối mình. Như vậy mới có thể bảo là người “biết dừng lại rồi sau mới định”. Định là tâm chẳng động, sự vật chẳng thể đổi dời. Nếu đến chỗ sự vật không đổi dời, thì bản tâm như chiếc gương sáng suốt thanh tịnh, đối với vật mà không nhiễm. Cho nên gọi việc này là “có định rồi sau mới tịnh”.

Tịnh là cái tịnh của bản tâm, chớ chẳng phải là cái tịnh của sự dừng cái động. Chơn tịnh hiện tiền thì nơi nơi đều vô ngại. Nếu đến chỗ nơi đều lai chẳng loạn gọi là chơn an. Cho nên nói: “Có tịnh rồi sau mới an”. An là an nhàn, trong ngoài nhứt như, hồn nhiên yên ổn, xử sự chơn thật. Tóm lại những điều trên là định.

Từ đây sắp xuống có thể gọi là huệ: thật vậy nếu định, tịnh, an được lâu thì chơn huệ tự nhiên phát hiện. Cho nên nói “an rồi sau mới hay lự”. Lự là chơn huệ, sự sự đều vô ngại. Nếu đến chỗ sự sự đều vô ngại thì mới có thể gọi là “lự rồi sau mới đắc”. Đắc là không chỗ đắc, tứ là định huệ đồng nhau.

“Vật có gốc ngọn, sự có thi chung. Biết được lẽ trước sau thì gần với Đạo”.

Giải thích: Minh minh đức là gốc, làm sáng lý đối mới dân (tân dân) là ngọn. biết dừng lại nơi chí thiện là thi. Sau trở về bản tâm là chung. Gốc, ngọn, thi, chung, thứ lớp chẳng sai tự nhiên gần với đạo Đại học.

“Người xưa muốn làm sáng tỏ đức sáng (minh minh đức)” nơi thiên hạ. Trước phải cai trị quốc gia. Muốn cai trị quốc gia, trước hết phải tề gia. Muốn

tề gia trước phải tu thân. Muốn tu thân trước phải chánh cái tâm. Muốn chánh cái tâm trước cái ý phải thành thật (thành ý). Muốn cái ý thành thật, trước phải có cái biết thấu đáo (trí tri). Muốn có cái biết thấu đáo phải tìm cho ra cái nguyên lý của sự vật (cách vật).

Giải thích: Xưa bậc vua chúa ngộ cái gốc mà trị cái ngọn. Người trong thiên hạ nếu trị bằng ngọn (mạt trị), trước cần phải trị nước. Muốn trị nước trước phải tề gia. Người học lý nếu muốn tề một nhà, nhất định trước phải tu cái đức dụng của thân ta, muốn tu cái đức dụng của thân, trước tiên chỉ cần cái tâm cho chơn chánh. Tâm vốn không vây, như ý mà phát động. Ý niệm diên đảo mắc nơi đối lảo. Cho nên nói: "muốn cái tâm chơn chánh, nhất định cái ý trước phải thành thật".

Thành là thành thật, thích ứng với sự vật không thiên lệch, muốn thích ứng với sự vật mà không thiên lệch trước phải có lương tri. Lương tri là tâm màu sáng (linh minh). Như gương soi vật chẳng sanh phân biệt. Nay sự yêu ghét phân biệt là cái sức hư vọng của tình thức. Cho nên nói "trí, tri phải ở nơi cách vật"! Vật là tình thức, chẳng phải là vật bên ngoài. Phật nói: "Nếu hay chuyển được vật liền đồng Như Lai". Kẻ Nho đời sau chẳng ngộ vật vốn là tình thức, lầm nhận cách vật là xét cùng lý của sự vật. Muốn đến chỗ cùng cực kia không thể đến được. Khá thương vì tìm cầu bên ngoài nên trở lại bị vật làm mê hoặc.

"Cách vật rồi sau mới trí tri. Trí tri rồi sau mới thành ý. Ý thành rồi tâm mới chánh. Tâm chánh rồi sau mới tu thân. Tu thân rồi sau mới tề gia. Tề gia rồi sau mới trị quốc. Trị quốc rồi sau mới bình thiên hạ".

Giải thích: Đoạn văn này trở lại bản ý ở trên. Nếu hay chuyển thức thì lương tri tự đến. Lương tri nếu hiện, giống như gương chiếu sự vật thiện ác rõ ràng, chẳng sanh yêu ghét. Tâm yêu ghét chẳng sanh, ý thành thực không lệch. Ý thân đoan trang, tâm chơn chính, lý tự nhiên mặc thân đoan trang, tâm chơn chính, lý tự nhiên mặc tình tạo tác mà đều hợp với đạo cùng cực. Cho nên cảm hóa một gia đình đều học hạnh ta, thì tự nhiên người dân trong thiên hạ đều làm người lương thiện. Từ vua chúa cho đến hạng dân đen mỗi mỗi đều lấy việc tu thân làm gốc.

"Cái gốc kia để cho loạn rồi trị cái ngọn, chẳng phải vậy. Chỗ dầy (hậu) mà xem mỏng (bạc), chỗ mỏng mà xem dầy chưa từng có vậy". (Sách Đại Học).

Giải thích: Trên từ vua chúa, dưới cho đến thứ dân, đều lấy nhứt tâm làm căn bản. Chẳng những tâm là gốc của thân mà cũng là căn bản của việc xuất thế và trị thế. Cái gốc kia nếu loạn của việc xuất thế và trị thế. Cái gốc kia nếu loạn thì tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ không thể có vậy.

HỎI: Đã nghe thầy giảng sách Đại học, xin thầy giảng tiếp sách Trung Dung.

ĐÁP: “Thiên mệnh gọi là tánh, noi theo tánh gọi là Đạo, tu đạo gọi là giáo”.

Giải thích: Lý Trung Dung là tâm pháp của cửa Khổng chẳng thiên lệch, chẳng dựa nương chẳng nghiêng, chẳng dừng. Châu Hi chú giải: Tánh du cho Thiên mệnh, thiên mệnh phú cho mỗi người, mỗi vật cái lý kia. Nhưng mà chưa biết bốn tánh là vật gì? Vì lệnh của thiên mệnh đến giao phó cho người vật, đem lại lý của Khổng thánh chú giải thành ngoài tâm có pháp. Châu Hi đâu biết, bản tánh thể nó rỗng suốt như thái hư, không trong, không ngoài, chẳng lai chẳng khứ. Tất cả đều do ngay lúc ban đầu (tối sơ) không giữ tự tánh, chợt tâm khởi động nên thọ thai ngục. Gốc chỉ một tinh minh, phân làm sáu công dụng, duỗi tình theo cảnh, nổi trôi trong sanh tử. Chúng sinh chẳng thể trở về nguồn, bậc tiên Thánh mới chỉ con đường tắt: đưa ra “thiên mệnh tức là tánh thể”. Chử thiên mệnh, thiên tâm, thiên đạo, thiên lý, tên tuy khác nhưng thể lại đồng. Nói tóm lại là tánh lý. Người xưa nói: “nơi trời gọi là mệnh, nơi người gọi là Tánh”. Thế nên dạy rằng “thiên mệnh gọi là tánh”.

Từ nơi mỗi người đều vốn đủ một chơn tánh sáng suốt màu nhiệm, mặc tình thù đáp mà lý vốn đương nhiên. Trong Thể dung hòa nhau chẳng rơi vào chên lệch, việc trong hàng ngày sự lý không ngại. Cho nên nói: “Noi theo tánh gọi là Đạo”.

Bởi như từ lúc thọ sanh đến nay, trần nhiễm che khuất bốn lý, loạn tướng điên đảo, chẳng ngộ tánh thể. Bậc thánh hiền bày giáo nghĩa dạy người trở lại Tánh, ngộ lý tu chứng, phản vọng qui chơn, để trở về cái lý thiên mệnh xưa nay của mình. Cho nên nói: “Vì tu đạo nên gọi là giáo”.

“Giáo tu nơi đạo, Đạo gốc nơi tánh, tánh thể bắt nguồn nơi Trời. Bậc thánh như biết mệnh và vui với lý Trời. Đây là đạo Trung Dung vậy. Đạo không thể một chốc xa lìa. Có thể xa lìa được chẳng phải đạo. Cho nên người quân tử cẩn thận, dè dặt nơi chẳng thấy, sợ sệt chỗ chẳng nghe, chẳng xem cái ẩn bày cái vi, nên người quân tử nhất định phải cẩn thận chỗ vắng kia”.

Giải thích: Nếu ngộ tánh lý không thể một chốc xa lìa, một chốc chẳng hiện hữu tập khí sẽ hiện trở lại. Cho nên e dè cẩn thận, sợ sệt như đến bên vực sâu. Giữ gìn bản tánh chẳng rơi vào tà vạy, cẩn thận đạo riêng, phải phòng ngừa chỗ ẩn chỗ vi, một tý vừa nảy mầm, hơi máu động chưa phát khởi, giống như sanh mà chưa sanh. Chính lúc ấy tốt nhất là buông liền, thì trở về bốn lý. Công kia coi thể mà rất lớn lao. Nếu đợi cho cái niệm thiện ác phát khởi, thì tâm yêu ghét thủ xả một loạt phát dậy. Khi phát dậy rồi trở lại đi hàng phục nó, đâu chẳng phải quá xa rồi ư? Cho nên cẩn thận chỗ vắng công phu rất nên khẩn yếu. Thế nên nói: “Người quân tử nuôi đạo phải cẩn thận nơi chỗ vắng kia vậy”.

“Hỉ nộ ai lạc khi chưa phát gọi là Trung, khí phát khởi mà bên trong biết tiết chế nó là hòa. Trung là gốc lớn (đại bản) của thiên hạ. Hòa là người đạt đạo trong thiên hạ. Trung hòa là ngôi vị của trời đất, là sự dưỡng nuôi của vạn vật”.

Giải thích: Trung chưa phát tức là chơn trí. Tịch chiếu không hai ứng đối với sự vật vô tâm, lại gọi là lương tri, cũng gọi là đạo bản. Khi hòa đã phát tức là diêu huệ hay phân biệt các pháp mà không trụ, không nhiễm, gọi là lương năng, cũng gọi là đạt đạo. Lương tri lương năng gốc ở tại tánh thể. Tánh thể bao trùm cả thái hư và nuôi dưỡng tất cả vạn hữu. Cho nên nói: “Trung hòa là ngôi vị của trời đất, là sự nuôi dưỡng của vạn vật”.

HỎI: Xin nói rõ trở lại về lương tri và lương năng.

ĐÁP: Lương tri và thức tri công dụng của nó đại khái chẳng đồng nhau. Lương tri vô tâm mà biết, thức tri có ý niệm mà biết. Lương tri biết rành thiện ác mà trụ thiện ác. Lương tri như gương soi vật, đen trắng tốt xấu phân biệt rõ ràng, nhưng mà không một mảy may bóng dáng lưu lại trong thể của gương. Trái lại thức tri trên bóng của gương khởi phân biệt, rồi chấp lấy hay bỏ bê làm chướng ngại bản minh của mình, hợp với vọng trần, phản lại giác ngộ. Lương tri và thức tri phải nên tự phân biệt rành rõ. Mảy may nếu sai cách xa ngàn dặm.

Lương năng là huệ, hay phân biệt các pháp, khéo trị thế đạo, nhưng không nhiễm thế sự, ứng dụng tự tại, muôn sự đều vô ngại.

HỎI: Khổng Tử chủ trương “không không”. Nhan Hồi chủ trương thường không. Chưa biết chủ trương hai loại không của hai ngài cái lý của nó đồng hay khác?

ĐÁP: Khổng Tử chủ trương không không, do không không mà đạt lý không, do đạt lý không mà trở thành không không. Không không tức là như. Cái như này tức là chơn như. Chơn như tức là bản tánh. Nhan Tử học đạo thánh chưa chứng chơn như, nên chẳng khởi có niệm. Tuy có niệm động, giác nó liền không, vì vậy nên niệm không khởi lại nữa. Cho nên Khổng thánh gọi Nhan Tử là HỒI, bởi gần với thường không.

HỎI: Khổng Tử nói: “Đạo ta lấy lý một mà quán thông tất cả” (ngô đạo nhất dĩ quán chi). Chưa biết thế nào là một?

ĐÁP: Một tức là tánh, tánh tức là lý, lý tức là đạo, đạo tức là một.

HỎI: Khắc kỷ phục lễ thiên hạ có xoay về nhân chăng?

ĐÁP: Khắc phục cái tình thức của mình, để trở về với thiên lý. Lễ là tiết văn của lý. Nhân là đức dụng của tâm. Người hay khắc phục vọng tình để trở về chơn cùng thiên hạ trở về nhân thể có một.

HỎI: Kinh thư nói: “Tâm con người chỉ là sự nguy hiểm. Tâm đạo thì vi diệu, chỉ có sự tinh thuần và chỉ có một. Nên chấp ý trung kia”.

ĐÁP: Tâm con người sanh diệt chẳng dừng, nên nguy đãi chẳng an. Tâm đạo hư linh tịch chiếu, nên vi diệu mà khó thấy. Tinh thuần là lẽ màu trong cái hư. Cái một là cái hư trong lẽ màu. Chấp là chữ chỉ cho sự cố định, Trung là tánh thể. Các bậc thánh hiền trong tam giáo gốc ở một lý. Nếu là tâm tánh mà nói đều là lời ma cả.

HỎI: Đạo học của Nhan Tử, chẳng khởi cái nộ, chẳng hai lỗi là thế nào?

ĐÁP: Nộ là động chớ chẳng phải sân nộ. Tâm học của Nhan Tử là niệm động. Đối với Đạo Phật là chẳng có hai niệm nối tiếp, nên nói chẳng khởi. Tâm thường ở chỗ một, ứng sự tiếp vật không thiên lệch, có lỗi liền cải, gọi là chẳng hai.

HỎI: Bậc thánh như dùng dịch để rửa tâm, lui ẩn nơi mật là sao?

ĐÁP: Rửa tâm là lắng vọng, lui ẩn là về chơn. Chơn vọng đều dứt nên gọi là một.

HỎI : Không hiểu không biết, thuận phép vua ?

ĐÁP : Chơn tánh như gương, soi vật mà vô tâm, vừa khởi tri thức liền rơi vào ý thức. Khổng Tử nói: “Ta có biết ư? Không biết vậy!” (Ngô hữu tri hồ tai! vô tri dã). Trong nhà Thiền nói: “Chẳng hay chẳng biết là cốt tuỷ của Đạo Phật” (Bất tri bất thức Phật đạo cốt tuỷ).

HỎI: Ngài Phu Tử ăn cơm hẩm, uống nước trong, co tay làm gối mà nằm, cũng tìm thấy cái vui trong ấy. Chưa biết cái vui chỗ nào?

ĐÁP: Vui đấy là cái vui chơn thật, chớ chẳng phải niềm vui hoan lạc ở đời. Chỗ vui là thiên lý, chỗ biết là thiên mệnh. Vui với thiên lý biết thiên mệnh, không mừng không lo. Diệu tánh rõ ràng niềm vui khó nói.

HỎI: Niềm vui “đan biểu”(9) của Nhan Tử cùng với niềm vui của Khổng thánh có đồng nhau không?

ĐÁP: Nhan Hồi đắc được đạo của Khổng Tử được niềm vui không hoan hỉ không lo buồn, lý vốn đồng, nhưng mà họ Nhan còn nhiều bảo nhiệm.

HỎI: Sự chuyên chở của trời cao, không thanh âm, không mùi vị?

ĐÁP: Trong cái không vốn không âm thanh, trong cái rỗng suốt (hư) vốn không mùi vị. Tuy không âm thanh không mùi vị nhưng mà đạo trời không bị che lấp.

HỎI: Thầy Tử Lộ hỏi về sự chết. Phu Tử đáp rằng “chưa biết sự sống làm sao biết sự chết?” Lời giải đáp này chưa biết ý như thế nào?

ĐÁP: Nếu biết buổi sớm thì biết buổi tối, biết lúc khởi đầu thì biết lúc chung cục. Ông, nếu trước ngộ diện mục của thuở chưa sanh trở về trước, thì biết chỗ an thân lập mệnh trở về sau, sanh từ đâu lại và chết đi về đâu? Nguồn của thi chung vốn chỉ có một.

HỎI: Thế nào là tâm xích tử?

ĐÁP: Tâm xích tử là tâm thuần nhứt không vọng. Xích Tử chẳng phải đạo lớn, mà chỉ giữ tâm không phân biệt. Như bậc đại nhơn thông đạt, biết tất cả pháp mà không mất tâm xích tử, mới gọi là Đạo.

HỎI: Thầy Nhan Huyền như ngu, thầy Liêm Khê như dốt, thầy Minh Đạo ngồi thẳng (đoan toạ), thầy Trọng Tố thích tịnh. Cớ sao những vị này có hành động như vậy?

ĐÁP: Đây là những người ngộ lý tu đạo, và cũng là đường tắt của sự siêu phàm nhập thánh. Hàng Nho sĩ đời sau chẳng quý trọng cửa ngộ, chỉ vụ nơi học nhiều hiểu rộng, đều đem từ bên ngoài bổ trợ vào cho phát khởi, chớ chẳng phải sự dụng công của tâm địa để phát minh ra trí huệ chơn thật. Nay ông hỏi Chư Tử khá gọi là chơn học.

HỎI: Tôi tuy học nhiều nhưng không thể Đốn ngộ, chưa biết phải xem văn thư gì để có thể vào cửa lý?

ĐÁP: Người chơn tham thật ngộ không cuộc ở nơi chữ nghĩa. Những kẻ học nhiều lâu thông sách vở, đường lý giải quá nhiều nên lại làm chướng bốn tâm, làm bận với thức. Như kẻ đếm của báu cho người, rốt lại mình không có nửa phân tiền. Phải thẳng thắn buông bỏ tất cả cái học bên ngoài, đơn độc tham cứu bốn đều mỗi (hỉ, ngộ, ai, lạc) trước khi chưa phát khởi diệm mục nó là gì? Trong lúc động cũng như trong lúc tịnh thời thời khắc khắc đều theo dõi tham cứu ấy là đạo lý gì? Chỉ giữ một niệm chớ không hai tâm: chẳng tâm suy lường rộng, không dùng tri giải, chẳng dụng tâm đợi ngộ, chẳng dụng tâm hiểu lý, chẳng dụng tâm rơi vào chỗ tịch diệt, không dụng tâm lằng xằng nơi sự lý, chỉ cần tham cứu chỗ chưa phát khởi trở về trước. Lâu ngày chầy tháng thuần nhứt không hai. Tâm nghĩ chẳng đến, ý thức chẳng hoạt động, thời tiết nếu đến lý kia tự bày rõ. Thấy hình sắc nghe tiếng tầm, chạm phá lỗ mũi, nghe một tiếng động, tro lạnh đậu nổ, tâm địa khai thông, phát minh bản tánh. Về sau mới dạy học dẫn dắt nhơn dân, cho đến sắp đặt gia đình hay ra giúp nước. Tất cả đâu chẳng phải là diệu dụng của tâm tánh ông?

HỎI: Bậc thượng căn đốn ngộ một cách trực tiếp rõ ràng, còn kẻ trung căn hạ căn tập khí sâu dày làm sao bảo dưỡng?

ĐÁP: Người sau khi ngộ tánh tùy duyên bảo nhiệm, nơm nớp lo sợ như đến bên nhà vui, bên nghiêm phụ. Một lòng chi thành chơn kính thì bản tánh chẳng mất. Phải bảo dưỡng như thế lâu ngày tự nhiên thuần thực.

HỎI: Giả sử một lúc thất niệm, như thế làm sao?

ĐÁP: Như cái học của Nhan Tử, rồi sau trở về không xa, chỉ khoảng một thoắt tự nhiên trở về lý gốc.

CHƯƠNG III THÍCH, ĐẠO BIỆN LUẬN LỄ THIẾT HƠN

HỎI: Giáo lý của tôi vào giáo lý của Đạo Phật đại khái chẳng đồng nhau.

Sư hỏi lại: Chẳng đồng nhau chỗ nào?

Đạo sĩ đáp: Đạo Phật tu tánh chẳng tu mạng. Đạo tôi dạy tánh mạng song tu.

Sư hỏi: Thế nào là tu tánh, thế nào là tu mạng?

Đạo sĩ đáp: Tu tánh là "ly cung tập định", tu mạng là "thuỷ phủ cầu huyền".

Sư hỏi: Thế nào là ly cung tập định, thế nào là thuỷ phủ cầu huyền?

Đạo sĩ đáp: Ly cung tập định là ngưng tâm chẳng động để giữ thần. Thuỷ phủ cầu huyền là luyện tinh hoá khí để được hình thể kiên cố (cố hình). Hình và thần đều diêu thì cùng với Đạo hợp lễ chơn.

Sư nói: Đạo Phật chỉ tu một bên, chẳng luyện tinh hoá khí để được hình thể kiên cố hầu giữ mạng. Ông lại chẳng biết "Ly cung tập định" và "tâm tức tương y" (tâm và hơi thở nương nhau) là pháp của hàng Nhị thừa. Luyện tinh nơi thuỷ phủ hoá khí đi ngược trở lên, thông với huyền quan được hình thể kiên cố. Đó là thuật để kéo dài tuổi thọ.

Phật giáo thượng thừa khi đốn ngộ tâm tánh, thấy sơn hà đại địa, vạn vật, thân tâm đều là hình bóng hư huyền ở trong Tánh, nên không có gì nương huyền mà tu bóng. Như vậy há chẳng lầm to ư? Người xưa nói: "Bậc tiên còn trước nơi hình thần, nên chẳng thể xả bỏ". Hơn nữa hình thần là những vọng tưởng từ chơn tánh hiển hiện ra, chẳng phải chơn thật. Khá cười cho Đạo giáo, những bậc cao hơn xưa nay chẳng ngộ được chánh giác lầm hiểu cho là chí lý, mê vọng dùng "tâm tức tương y" cho là tu Tánh. Luyện tinh hoá khí để được hình thể kiên cố cho là tu Mạng. Tất cả là để được hình thân đều diêu. Như vậy cùng với bản tánh quá xa vời!

Đạo sĩ nói: Bọn môn đồ của âm ma, không thể song tu mà trở lại vọng báng Đạo tôi là Nhị thừa. Ông phải biện cho rõ tâm tôi mới phục.

Sư nói: Người học đạo Tiên khởi đầu từ chúng sanh, tuy biết sanh tử là việc quá khổ, nhưng chẳng ngộ được đạo lý Nhất thừa tối thượng. Lầm chấp bề trong của sắc thân, vọng lấy tâm thịt bên trong, cho là có một thần tánh gọi là chơn hồng, tên khác là xá nữ. Ngưng thần chẳng động làm như vậy là "ly cung tập định". Tinh khí trong thân gọi là chơn công, tên khác là anh nhi. Luyện tinh hoá khí, làm như vậy gọi là "thủy phủ cầu huyền". Cái ý là chơn thổ, lại gọi là hoàng bà. Như phương pháp tập định, cần phải nghiêng về tịnh toạ: dùng ý điều tức (hơi thở), nhiếp thân chẳng cho động, làm như vậy gọi là Phục hổ. Ngưng thần hợp với khí, tâm định chẳng động, làm như vậy gọi là Hàng long. Thân tâm ý hợp là trở về thổ phủ, lặng yên chẳng động gọi là tu tánh.

Trương Tử Dương nói: "Chơn thổ giữ chơn công, chơn công chế chơn hồng. Công Hồng qui thổ phủ, thân tâm lặng yên chẳng động". Đạo gia nhận đây là "tâm tức tương y" đối bảo Đạo Phật là thiên tu (tu một bên). Há chẳng hiểu lầm về chi lý tối thượng ư?

Đâu không biết rằng mỗi người vốn có đủ một tâm tánh rộng lớn, bao trùm cả thái hư, chẳng có chẳng không, cũng chẳng bên trong bên ngoài. Vốn tự bất động chẳng cần tập định. Vô cơ lại đem cái huyền thức trong thân, rồi dùng huyền ngưng huyền gọi là tu tánh. Thật là kẻ nhận giặc làm con, mà cho là "chơn tánh bốn cụ". Tóm lại, như vậy nếu tu thành công, chẳng là Dục giới, một mai định lực hết trở lại đoạ xuống hạ giới!

HỎI: "Ly cung tập định". Sư đã nói, xin bàn luôn về "thủy phủ cầu huyền"?

ĐÁP: Thủy phủ cầu huyền: Tiết ngữ tinh khí, trong suốt 12 giờ, phản chiếu nơi rún trong một tức 3 phân, gọi là khí hải. Chỉ giữ mà chẳng cho dính mắc, chỉ chiếu mà chẳng trụ. Thân tâm định lâu, cung Khảm và cung Ly đều giao nhau, tâm hỏa giáng xuống, thận thủy bay lên, tinh đầy khí tròn, lúc ấy trong nội thân như lửa, cuối giờ Hợi đầu giờ Tý khí động nơi vĩ lư, bèn dùng ý hút đưa vào trong giáp tích, thẳng qua ngọc chẩm, trên đến thiên cốt, trở lại hóa thành kim dịch, mùi vị thơm ngọt, nuốt xuống trùng lâu, rơi nơi huỳnh đình, gọi là "Càn khôn giao cấu" xong. Một điểm rơi vào huỳnh đình, từ đây điều hòa thông suốt, tứ chi khoan khoái, tất cả hơi thở đều chảy khắp, tươi nhuận tạng phủ, mặt trở lại tươi trẻ như bé thơ, tuổi thọ dài lâu. Cổ Tiên xưa có kệ rằng:

Pháp thủy năng triền hữu bi quan,
Tiêu diêu nhật dạ khiến luân hoàn,
Vu trung ủng trệ sanh chư bệnh,
Tài quyết thông lưu tiện trú nhan.

DỊCH:

Tự cửa màu nước pháp thường dâng,
Suốt ngày nhàn nhã khiến xoay vần,
Bên trong ngăn trệ muôn ngàn bệnh,
Vừa khơi chảy suốt mặt mày hàn.

Ngô Tiên lại nói:

Khi qui gương hải thọ vô cùng.
Thử thuật vi kim dịch luyện hình.

DỊCH:

Khi về gương hải thọ vô cùng,
Thuật này là kim dịch luyện hình.

Tập định là "ngọc phù bảo thần", hình và thần đều diệu thì với Đạo hợp lý chơn. Một mai công quả đầy đủ, tùy phước sâu cạn, nếu người hành rộng rãi thì tạm ở nơi Bồng đảo, hoặc trụ nơi động thiên, ở đó ba bốn trăm năm, hay hai ba ngàn năm, rồi sanh trở lại như gian, tích chứa công hạnh, bồi dưỡng phước huệ, một ngày nào đó công quả sâu dày, Thượng đế đến gọi, tùy hàng sắp chỗ đứng, Tiên quan chẳng đồng. Nếu y đây mà tu thì đồng như trong Đạo Phật, đại khái như ở Tịnh châu vọng cầu cửa Tào, xa càng xa vậy.

HỎI: Tâm tức tương y, Ngài nói đây là pháp của Nhị thừa. Vậy do đâu mà ngài Đạt Ma từ Ấn sang lưu truyền kinh Thai Tức?

ĐÁP: Tổ sư từ Ấn sang truyền Tâm ấn, há lại đem "tâm tức tương y" làm nhất thừa tối thượng của Phật ư? Ngài Đạt Ma khi chưa đến Đông độ, phương này đều tu tập Chỉ Quán, nhọc gì từ xa đến lại truyền Thai tập? Ấy là trên đầu thêm đầu, hay có thể bảo là trên mỏ thêm cái mỏ nữa.

Bởi ở Trung Hoa này người sơ cơ học Đạo chẳng ngộ tâm tánh, chỉ tập tu chỉ quán, Tứ thiền bát định, chẳng chứng Phật Tâm. Cho nên sơ Tổ của ta vượt biển mà đến đây "chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật". Chẳng biết người nào ngụy tạo Thai tức giả danh giáo ngoại biệt truyền của Đạt Ma, mê hoặc người sau, làm cho vàng thau không phân biệt.

HỎI: Pháp thai tức là ngụy, chẳng phải là pháp thượng thừa của Phật. Ngài nghị luận như vậy có gì làm bằng cứ?

ĐÁP: Phương pháp thai tức, giống như trong thai mẹ, mờ mờ mịt mịt, thân tâm lặng yên. Định lâu được thành tựu thì thần cùng khí giao kết lại, luyện thành một hình huyễn, thức thần rong chơi bên ngoài, chớp mắt đi ngàn dặm, ngao du tự tại. Như vậy thì cùng với Đạo nhất thừa của Phật rõ không can hệ.

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Những người tu học, hiện tại tuy được chín tầng lớp thiền định, nhưng không được lậu tận thành A La Hán. Tất cả đều do những

chấp vọng tưởng sanh tử này, lầm cho là chơn thật". Đâu chẳng biết trong thân huyền vốn không có tánh mạng. Chơn tánh mạng của ta không ở trong ngoài, mà bao trùm thái hư, vốn tự nó hiện thành cũng chẳng thêm tu chứng. Tánh thụ của kẻ lậu học ngộ được tánh mạng này, nên hay hiện vô lượng diệu thân, hay độ vô lượng chúng sanh, hay thành vô lượng trang nghiêm, hay làm vô lượng Phật sự. Vô có lại đem pháp Thai tức, lầm nhận là tôn chỉ giáo ngoại biệt truyền. Thật đáng buồn thay! Tự mắt mình chẳng sáng còn mê hoặc kẻ sơ học thiếu hiểu biết, rồi đi lấy nhỏ làm lớn, tội kia chẳng nhỏ.

Đạo sĩ hỏi: (Ngài nói) bên trong thân tâm vốn không có tánh mạng, nhưng hiện nay thần ở trong thân, khi hô hấp tới lui, đây chẳng phải là chơn tánh mạng của ta? Nay đem cái thần khí này cộng với tướng ngưng hợp, rồi cho về khí huyết kết thành đại đơn, tự nhiên thân nhẹ thần diệu, liền có thể "du hành bát cực", trên trời cõi người đều được tự tại lớn. Đây gọi là tánh mạng song tu, là Đại Đạo chí như của thần tiên.

Sư đáp: Thần trong thân là vọng, khí hô hấp là huyền. Nếu cho huyền vọng là chơn tánh mạng, gom lại tu tập thành công, thân hình màu nhẹ, đi rong trên hư không, chớp mắt xa ngàn dặm, sống lâu mấy ngàn vạn năm, ở sâu nơi động trời đất phước cho là thành thánh. Nhưng mà chẳng ngộ chánh giác, quả báo hết trở lại tan vào các cõi.

HỎI: Sự tu TÁNH của Phật giáo là thiên về âm mà không dương. Cho dù gom được tu thành kiến tánh cũng lại là sự trong sạch của ma quỷ.

ĐÁP: Âm dương quý thần là việc không kiếp trở về sau, còn diệu minh chơn tánh là lý của không kiếp trở về trước. Nếu đem lý trước không kiếp mà nhận là việc sau không kiếp, người này không những chẳng rõ về âm dương mà lại còn mê muội điên đảo nhiều vậy.

Đạo sĩ nói: Phật giáo thiên tu là âm, đạo tôi song tu là dương trong, Đơn Kinh, Tử Thư đều nói chớ chẳng phải tôi tự bày điều không căn cứ.

Sư đáp: Chủ trương song tu của Đạo gia là ngộ nhận lẽ chơn thật. Thức thần ở trong thân là âm trong dương. Tinh khí ở trong thân là dương trong âm. Gom khí hợp thần, thần ngưng khí trụ gọi là "Thủ khảm điền lý" (giữ quẻ khảm, lấp quẻ lý), điểm hoá âm trong dương thành thể khô cứng, luyện thành kim đơn, mười tháng kết thai, chín năm bảo dưỡng xuất ra đánh môn ở trên gọi là Dương thần. Tan ra thì thành gió, hợp lại thì thành hình, ngao du thiên hạ, tiêu dao tự tại. Công phu nhiều thì bay lên Thiên cung, công phu ít thì ẩn cư nơi Bồng đảo. Nếu nương vào đây cho là phải mà chẳng cần tu Tam muội, đến khi quả báo cõi Tiên hết trở lại đọa làm quỷ cõi dưới. Người xưa nói:

Học đạo chi nhưn bất thức chơn,
Chỉ vì tòng tiền nhận thức thần.

Vô lượng kiếp lại sanh tử bản,
Si nhờn hoán tác bốn lai nhờn.

DỊCH:

Người học đạo chẳng hiểu lẽ chơn,
Bởi do từ trước nhận thức thần.
Vô lượng kiếp nay gốc sanh tử,
Kẻ si nhận đó bản lai nhờn.

Phật giáo thượng thừa, kiến tánh vô vi, trạm như thái hư, thể đồng pháp giới, chẳng phải âm dương, chẳng ra vào, dẫn nó không trước, dắt nó không sau, đưa nó không lên, đè nó không xuống từ xưa nó thường sáng, đến nay nó chẳng mê. Tuy không hình tướng mà hay khởi báo thân, hoá thân. Không những chỉ hiện một thân mà có thể hiện trăm ngàn ức thân. Độ thoát chúng sanh như hăng sa, thành tựu muôn đức trang nghiêm. Kẻ căn cơ thiển bạc ôm khối nghi ngờ nào thể tín thọ?

HỎI: Đạo tôi có nói rằng tu tánh chẳng tu mạng, muôn kiếp âm linh khó nhập thánh.

Sư đáp: Lý của mạng học, đại khái có sai khác, nếu chẳng tham cứu cho sâu, sợ e làm lầm người hậu học. Sơn Tăng chẳng tiếc lời cùng ông bàn luận chỗ vi tế của nó:

Hai chữ tu mạng có Lý mạng và Khí mạng. Lý mạng có hai nghĩa, khí mạng cũng có hai loại. Tôi trước nói rõ về khí mạng, sau trở lại bàn về lý mạng.

Khí mạng loại một là "Cổ bốn khai quan" (giữa chặt gốc mở cửa quan), thường nghiêng về tịnh toạ, phản chiếu lại huyết khí hải, giữ cho chơn ý chẳng tán, trong lặng chẳng chấp trước, lâu ngày chầy tháng, tinh đầy khí tròn, nội thân như lửa, mau mau kích động, điều hòa cho quân bình hơi thở nơi mũi, mau đề lên cốc đạo, nên dùng ý dẫn nó, gọi là hái thuốc (thái dược). Tiên nói: "Khi can quý sanh phải mau hái, mong xa thường chẳng nổi" (Quý sanh tu cấp thái, vọng viễn bất kham thường). Chỉ khoảng một thoáng, tinh khí xoay trở lên, từ trong vĩ lư có tiếng lụp bụp, ở giữa qua giáp cốt, thẳng thấu ngọc chẩm, ra sức vận lên xông đến đánh môn, khí kia cuộn xuống, dùng mũi dẫn nó, tự nhiên biến thành cam lộ, mùi vị thơm ngọt, nuốt xuống trùng lâu, rơi vào huỳnh phòng. Đây gọi là "trữ hậu phi kim tinh", lại còn gọi là "bế nhâm khai đốc mạch" (đóng mạch nhâm khai mạch đốc). Từ đây khí nơi đờn điền ấm, thần khí chan hoà, da thịt tươi nhuận, tứ chi sáng khoái, mặt tươi trở lại như trẻ thơ, tuổi thọ dài lâu.

Lấy đây mà xét, thuật kéo dài sanh mạng này dù cho sống lâu ngàn tuổi, rồi lại rồi cũng tan nát. Chẳng ngộ được tâm tánh trở lại đọa vào các cõi. Nếu bảo thuật này có thể thành Thánh là mê hoặc người sau, thật là lời dối gạt to tát.

Khí mạng loại hai là “ngưng khí qui căn”. Người ở bụng mẹ theo sự hô hấp của mẹ cho đến lúc sanh ra, cắt đứt cuống rốn, một điểm khí phàm nương ở đờn điền, giống như một bộ rùa, phun nuốt ngưng khí, một ngày đêm thở tới lui mười ba ngàn năm trăm hơi thở, đều từ miệng mũi tuôn ra ngoài, không thể về gốc mà qui về khí huyết, nên tuổi thọ chẳng dài, sắc thân chẳng vững chắc. Phải ở chỗ đi đứng, ngồi nằm chiếu soi trở lại và thường nạp vào khí hải. Khí hải trụ thì hình sanh, thần ngưng thì khí trụ. Thần khí kết thành gọi là dương thần. Lâu ngày xuất hình, rong chơi khắp thiên hạ, tuy công phu sâu cạn mà ngôi vị chẳng đồng. Quả báo hết trở lại thế gian làm người, nếu tạo nghiệp ác sẽ đoạ tam đồ. Dối nói đạo này liễu thoát luôn hồi, chẳng tu đạo này khó vào thánh vị, chưa khỏi người chí chê cười.

HỎI: Hai môn học về khí mạng Ngài phân biệt quá rõ ràng. Lý mạng có hai nghĩa xin ngài chỉ rõ luôn.

ĐÁP: Lý mạng có hai nghĩa là tại triền và xuất triền. Tại triền thì lấy tình làm mạng. Xuất triền khởi động là tán mạng, dứt tình là tu mạng. Xuất triền hợp với hư là chí mạng, lại gọi là phục mạng. Nhà Nho gọi là Phục mạng. Phật gọi là pháp giới. Đây là cái học của Đại thừa, có thể bảo là lý trung đạo. Nương vào đây mà tu chứng gọi đó là LÝ MẠNG. Nếu nương vào khí mạng, chẳng ngộ lý mạng rốt lại thành không, chẳng phải đạo lớn.

HỎI: Các bậc Thầy trong Đạo Tiên có nói: Người thấy tánh chẳng biết mệnh kia, nên khi cuối cùng về chỗ nào? Và chưa rõ, biết mệnh lý hay là khí?

ĐÁP: Người kiến tánh tự biết thiên mệnh, rốt sau rõ ràng cùng với hư hợp thể. Nho nói: “Cùng lý tận tánh là do tột ở mệnh”. Đạo Phật nói: “Tại triền gọi Như lai tạng, ra khỏi triền gọi phá giới tánh”. Nếu luyện khí mạng rời thần ngưng khí kết là chỗ về của ta, thì chưa khỏi báo hết trở lại rơi vào các cõi. Nên biết, thiên mệnh mới là lý gốc.

HỎI: Một âm một dương gọi là chánh đạo, âm dương có lẽ vạn vật chẳng sanh, do đâu lại nói không âm không dương. Nếu không âm dương có khác gì ngoan không?

ĐÁP: Động là dương, tịnh là âm, lưỡng nghi tứ tượng, ngũ hành là việc sau khi phân của thái cực. Tánh là lý trước vô cực. Trong thái cực âm dương còn chưa phân huống là vô cực lại có âm dương hay sao? Ngoan không gọi là vô linh, còn hữu linh thì chẳng phải ngoan. Kẻ hậu học chẳng ngộ lầm sanh đoạ kiến. Đạo Phật nói: “Như như chẳng động rõ ràng thường biết”. Đạo Nho nói: “Tịch nhiên chẳng động, có cảm liền thông”. Đạo gia nói: “thân tâm chẳng động về sau có vô cực chơn cơ”. Tam giáo dạy học trò lý kia không hai. Nếu ngộ chơn không thì rỗng rang mầu nhiệm chẳng mê.

HỎI: Đạo tôi dạy song tu một đời bay bổng, Đạo Phật tu một bên chưa khỏi thân hình suy bại. Nếu như đạo thành thì khá, nếu không được như vậy thì trở lại chưa khỏi cái khổ đầu thai đời đời?

ĐÁP: Ông chỉ thấy một đời bay bổng, chẳng biết bao kiếp khác gieo trồng bồi đắp. Ông Mã đơn Dương, Khuru trường Xuân của Đạo gia ba đời làm bè bạn, mười đời tu hành, một phen ra đời trở lại liền đốn ngộ chánh đạo. Nay thấy kẻ lợi căn một đời đã xong, ấy đều do những kiếp xa xưa tích chứa công hạnh, cho nên giới đây mới được hiện đời thành Chơn, chớ chấp một bên mà quyết định nơi hiện đời.

HỎI: Cái học về khí mạng là nguy không phải chơn thật. Theo lời nói này thì mạng thuật kia vô dụng sao?

ĐÁP: Luyện tinh hóa khí, khí ngưng tụ thì hình sanh, là thuật tu mạng kéo dài tuổi thọ. Nếu y đây để được liễu thoát thì lầm lẫn người sau chẳng nhỏ. Cần phải đốn ngộ tâm tánh mới hay siêu phàm nhập thánh.

HỎI: "Nê thủy kim đơn, hoàng bạch diệu thuật", chưa biết lý kia là tà hay chánh?

ĐÁP: Tiền tài, sắc dục, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ là năm điều căn bản của địa ngục. Năm dục chẳng không sanh tử chẳng dứt. Người chơn thật học đạo phải cắt ân đoạn ái, trì giới minh tâm mới có thể chứng lý. Không biết, lại dùng "mỹ nữ thái chiến", tổn người bổ mình, không chỉ đại tán lương tâm, mà ngày kia khó thoát khỏi hỏa ngục. Phật nói: "Tham dâm chúng sanh, ác nghiệp càng nhiều, báo nhỏ thì mắc nhiều bệnh hoạn, báo lớn thì năm giường hỏa".

Lại có một bọn mang nghiệp si quá lắm, tham tài thủ lợi "Thiên mao luyện hồng". Có người hỏi tại sao vậy? Đáp là học đạo. Người xưa muốn bỏ lòng tham, còn đem tiền của bỏ xuống biển. Nay trở lại dùng chì thiết bảo đó là tu hành. Thật là quý quyết lạ. Khá tiếc cho bọn tham tài hiểu sắc tự nhảy vào con đường khổ của tam đồ!

HỎI: Ngài Đại thánh Lão Tử hóa làm người ẤN thành Phật. Há chẳng biết Thích ca đó là đồ đệ của Lão Tử ư?

ĐÁP: Phật đản sanh vào năm Giáp Dần đời Châu Chiêu Vương năm thứ mười bảy. Tịch vào năm Nhâm Thân vào đời Mục Vương năm thứ mười ba. Trải qua vua Cung, vua Ý, vua Hiếu, vua Di, vua Lệ, vua Tuyên, vua U, vua Bình, vua Hoàng, vua Trang, vua Hi, vua Huệ, vua Nhượng, vua Hạng, vua Khuôn, vua Định, cộng cả thảy mười sáu đời vua. Phật diệt độ sau bao trăm bốn mươi năm (340), nhằm đời vua Định Vương năm thứ mười ba mới sanh Lão Tử. Trải qua dòng cát thời gian, Phật pháp bao trùm khắp cõi xa, mở mang khắp năm xứ Ấn Độ và những nước lân cận. Thiên hạ nghe Phật pháp đã quá hơn năm trăm năm (500), đổi tạo ra Lão Tử hóa người ẤN thành Phật. Đây là vào đời Tấn Huệ Đế, do Vương Phù nguy tạ. Ấy là hành động khi đổi thánh hiền, tự vào địa ngục rút lưỡi, tội kia làm sao cứu được?

Đạo sĩ nói: Đời vua Địch Vương năm thứ ba là sanh Lão Tử hậu thiên. Còn Lão Tử tiên thiên thì hóa ra người ẤN thành Phật là có?

Sư đáp: Lúc hỗn độn chưa phân, nguyên khí tự nhiên mập mờ khó biết. Tự nhiên nguyên khí này là tiên thiên. Khi thái cực đã chia, thiên địa mới phân, muôn vật phát sinh gọi đó là hậu thiên. Tiên thiên vốn không hình, hậu thiên mới có tượng. Phật sanh vào đời vua Chiêu Vương cách sự khai mở của trời đất quá xa, thế nào cái vô hình của tiên thiên lại đi giáo hóa cái hữu tượng của hậu thiên? Thật là lời nói không có lập trường vững, người nghe không khỏi bịt mũi.

HỎI: Ngài nói giáo lý của tôi môn khí mạng là ngoại thuật, Tâm thức tương y là Nhị thừa. Vậy còn có lý Đại thừa có thể tu không?

ĐÁP: Có lý nên tu.

HỎI: Xin chỉ bày lý nên tu kia.

ĐÁP: Y vào Đạo Đức kinh và Thanh Tịnh kinh mà tu thì không lỗi.

HỎI: Có mấy tên khác nhau, làm sao cho kẻ hậu học lầm hội. Xin thầy từ bi chỉ rõ cho kẻ chưa ngộ.

ĐÁP: Có nghi nên đến hỏi, ta tiếc gì mà chẳng chỉ bày cho ông.

HỎI: Xin thầy chỉ bày cái "Cốc thần bất tử" đó gọi là huyền tấn như thế nào?

ĐÁP: Cốc là Hư, thần là Linh. Hư linh chẳng muội gỏi là đó là bất tử. Huyền tấn tức là linh cơ. Linh cơ tức là chơn tâm.

HỎI: Thế nào là "Huyền quang nhất khiếu"?

ĐÁP: Niệm chưa khởi, cửa tâm chưa nẩy mầm gọi là huyền quan. Mẫu trong rỗng suốt, diệu trong lặng lẽ gọi là nhất khiếu.

HỎI: Thế nào là "thủ khảm điền ly"?

ĐÁP: Bỏ vọng là thủ khảm, trở về tâm là điền ly.

HỎI: Thế nào là "trừu công thiên hống"?

ĐÁP: Dứt tình là trừu công. Vô tâm tức là thiên hống.

HỎI: Thế nào là an lự?

ĐÁP: Chẳng ở trong chẳng ở ngoài.

HỎI: Thế nào là lập đánh?

ĐÁP: Chẳng tức là Tâm, chẳng lìa Tâm.

HỎI: Thế nào là kim đơn?

ĐÁP: Tròn hờ hờ, suốt xưa thường sáng, sáng suốt rờ ràng, mà đến nay cũng chẳng mê.

HỎI: Thế nào là ngươn tinh?

ĐÁP: Diệu minh chơn tinh, ứng hiện sáu công dụng.

HỎI: Thế nào là ngưng khí?

ĐÁP: Một tâm không vọng, hơi đức thấm nhuần nơi thân.

HỎI: Thế nào là ngưng thần?

ĐÁP: Ẩn hiện khó lường, ứng dụng không ngăn.

HỎI: Thế nào là hoá hầu?

ĐÁP: Muôn niệm muôn năm, muôn năm một niệm.

HỎI: Thế nào gọi là ôn dưỡng?

ĐÁP: Phản chiếu xét tâm chẳng hôn trầm chẳng tán loạn.

HỎI: Thế nào gọi là hàng long?

ĐÁP: Tâm sanh chẳng cho sanh tiếp, giả dụ là hàng long.

HỎI: Thế nào gọi là phục hổ?

ĐÁP: Dứt tình về tánh, tên khác gọi là phục hổ.

HỎI: Thế nào gọi động tịnh?

ĐÁP: Vô niệm mà niệm, niệm mà vô niệm.

HỎI: Thế nào gọi là thủy hoả?

ĐÁP: Định là thủy, huệ là hoả, bình đẳng không hai là thủy hoả.

HỎI: Thế nào gọi là chơn chủng?

ĐÁP: Ứng vật linh cơ là chơn chủng.

HỎI: Thế nào là thuần dương?

ĐÁP: Một niệm chẳng sanh muôn duyên lặng lẽ.

HỎI: Thế nào là thuần âm?

ĐÁP: Vọng tâm điên đảo sanh diệt không dừng.

HỎI: Thế nào là Mộc dục?

ĐÁP: Tâm trong sạch sáng khoái là mộc dục.

HỎI: Thế nào là thoát thai?

ĐÁP: Linh quang độc diệu, quýnh thoát căn trần.

HỎI: Thế nào là hoàn hư?

ĐÁP: Người và pháp đều hết. Vật và ngã nhất như.

HỎI: Thế nào gọi liễu dương?

ĐÁP: Chân như ra khỏi triền, pháp giới thanh tịnh.

Đạo sĩ hỏi: Người mới nhập môn hạ thủ công phu như thế nào?

ĐÁP: Ngộ trước rồi tu sau.

HỎI: Thế nào là ngộ trước tu sau?

ĐÁP: Đem tất cả năng và sở hàng ngày, cùng tất cả những tri kiến thiện ác, đều để ngoài tâm, chẳng giữ một chỗ nào cả, rồi riêng tham cứu câu: "Cửa huyền ở chỗ nào?" (huyền quan tại hà xứ). Suốt cả mười hai giờ cứu xét cho sâu cái nghi tham này, xem một cứu khiếu này là mặt mũi gì? Khi chơn nghi hiện tiền thì thân tâm chỉ có một cái không (rỗng). Duy chỉ có tham cứu nhứt niệm (tức chỉ còn lại cái nhứt niệm). Trở lại đem nhứt niệm này phá nát ra. Lúc ấy chơn tánh sáng rỡ, huyền quan hiển hiện. Về sau tùy duyên giữ gìn, trừ sạch tất cả dòng nhỏ nhiệm trôi chảy (vi tế lưu chú). Lúc bấy giờ tự đợi cùng hư thể nhập một, mới là trước sau rõ ràng ổn thoả (liễu dương).

HỎI: Bậc thượng căn đốn ngộ, liền đó rõ ràng. Người căn cơ bậc trung bậc hạ, tập nghiệp từ trước quá nặng, dù được đốn ngộ, nhưng mà không thể đốn chứng được. Vậy có phương tiện gì mượn để bảo dưỡng?

ĐÁP: Người ngộ lý nên tùy duyên giữ gìn. Suốt mười hai giờ trong lúc động tịnh, ngoài chẳng trụ có, trong chẳng giữ không, thì một tâm bình thản lặng lẽ tự hết. Nếu chợt có niệm sanh, niệm sau chẳng tiếp tục. Bậc cổ tiên nói: "Thần một phen đi liền thu trở lại. Thần trở lại trong thân khí tự nhiên hồi về. Sớm sớm chiều chiều hành như vậy thì tự nhiên xích tử kết nơi thai mầu". Xích tử thai mầu ở đây chẳng phải thật có thai mà nói cái tâm thuần chơn như con đỏ (xích tử), lại cũng không có tướng bên ngoài.

HỎI: Giữ tâm xích tử có thể gọi là đạo chăng?

ĐÁP: Tâm xích tử chẳng phải là đạo, nên tự giữ chẳng phân biệt. Tâm nếu chứng được tâm xích tử, cũng chớ giữ tâm xích tử. Lại phải chuyển vị mới là phương cách lớn.

HỎI: Thế nào là phương cách lớn?

ĐÁP: Tịnh như hang thần, động như mây bay, co duỗi không dấu vết, hiện ra hay lặng xuống cũng không tung tích. Chẳng mang áo quý quyền mặc áo nhơ, đi trong phi đạo để thành tựu chí đạo. Tùy loài dạy dỗ, cứu khắp hàm linh, tự đợi phúc và huệ đều đủ cả hai mới chứng Đại Giác Kim Tiên.

CHƯƠNG IV ĐỐN NGỘ TU CHỨNG

Tăng hỏi: Thế nào là Tông?

Sư đáp: Muôn pháp đều qui về Tông. Tông tức là Tâm. Tâm này rỗng suốt mà mầu nhiệm, dung thông rộng lớn, vô trụ vô vị, không tu không chứng. Kinh nói: "Phật nói lấy tâm làm Tông, lấy cửa không làm cửa Pháp". Từ Ấn Độ đến Trung Hoa, xưa nay chư Phật đã tao tay nhau, chư Tổ truyền thụ nhau chỉ một tâm này lập làm tông thể.

Thế này thanh tịnh vốn tự tròn sáng, theo dòng đời chẳng nhiễm ô, ngược dòng trở lại cũng chẳng tịnh, ở trong phàm chẳng giảm bớt, nơi thánh chẳng tăng thêm. Ở trong các loài tuy khác mà tâm kia chẳng hại. Trí huệ soi nó thì quang minh hiện. Phiền não che nó thì diệt thể ẩn. Nếu lìa tâm này mà tu cái gì khác, rốt lại chỉ thành tà ma ngoại đạo.

Tăng hỏi: Thế nào là giáo?

Sư đáp: Chư Phật thuyết pháp, phương tiện mở ra ba thừa, năm tánh. Bồ tát tạo luận phát minh ra muôn pháp chỉ một Tâm. Người học đời sau như giải bày mà được yếu chỉ, đoạn hoặc về chơn. Kẻ sơ cơ được tỏ quên dò, gia công tu tập để chứng lý.

HỎI: Hai môn Tông (thiền), Giáo (kinh điển) lý nó là đồng hay biệt?

ĐÁP: Tông tức là giáo không chữ (vô tư giáo). Giáo tức là tông có chữ (hữu tự tông).

HỎI: Hai môn Tông, Giáo lý kia vốn một. Vậy do đâu lại nói "giáo ngoại biệt truyền"?

ĐÁP: Giáo nhờ ngôn ngữ văn tự mới có thể hiểu lẽ mầu. Tông (thiền) là ngôn ngữ văn tự, đốn ngộ nhưt tâm, nên nói "giáo ngoại biệt truyền" (truyền riêng ngoài giáo điển), lại gọi là "Tông chỉ hướng thượng".

HỎI: Vậy sao nói sự truyền thụ có sâu cạn?

ĐÁP: Sâu cạn là do người, lý vốn không hai.

HỎI: Thế nào là lý không hai?

ĐÁP: Nghe giáo hiểu lý, phải gia công tu chứng, tự hiệp với đạo vô vi. Tông môn Đốn ngộ ắt phải mượn viên tu mới trở lại bốn tâm tịch chiếu.

Tăng hỏi: Kinh nói: "Phương tiện có nhiều cửa, trở lại nguời tánh không hai". Chưa biết cửa nào là cửa liễu thoát thẳng?

Sư đáp: Có hai nhưn trong ngoài có thể liễu thoát thẳng.

Tăng nói: Xin thầy chỉ thẳng hai nhưn trong ngoài ấy?

ĐÁP: Nhơn bên ngoài là phải đoạn tâm dục, sát sanh và trộm cắp. Nhơn bên trong cốt yếu là phải “Minh tâm kiến tánh”.

HỎI: Có sao nhơn bên ngoài phải đoạn dâm dục, sát sanh và trộm cắp?

ĐÁP: Chúng sanh do ý tưởng dâm dục, nên bị cột trói trong sanh tử. Sát sanh thì phải lần lượt thường mạng đã vay, nên có luân hồi. Trộm cắp thì phải trả lại cái lợi xưa, nên phải tái lai. Ba thứ nhơn này nếu trừ thì dòng luân hồi vĩnh viễn cắt đứt, không tiếp tục nữa.

HỎI: Nhơn bên trong là “Minh tâm kiến tánh” như thế nào?

ĐÁP: Minh tâm là rõ tâm vốn tịnh. Kiến tánh là thấy tánh vốn không.

HỎI: Thế nào là rõ tâm vốn tịnh?

ĐÁP: Tâm ở đây chẳng phải là trái tim máu thịt trong sắc thân. Tâm này cũng chẳng phải là vọng tâm sanh diệt, vương chùng gang tấc ở bên trong. Trái lại, tâm này biến khắp pháp giới, thấu suốt mười phương, vượt ra ngoài đối đãi, dứt các hí luận chẳng diệt chẳng sanh, chẳng có chẳng không, mà rỗng suốt màu nhiệm chẳng mê, ứng vật tròn đầy khéo léo, cuốn lại hay buông ra đều chẳng ngại, ra vào ngang dọc, tùy duyên mà chẳng biến đổi. Đây là chơn tâm thường trụ. Cho nên chư Phật quá khứ đều chứng tâm này. Hiện tại chư Bồ tát đồng học tâm này. Người học vị lai đều sáng tâm này. Chúng sanh ở trong mê là mê tâm này. Hành nhơn phát ngộ là ngộ tâm này. Một đại tạng giáo chỉ làm hiển bày tâm này. Tâm này quá linh diệu khó đem ra mà nói cho hết, chỉ lược nêu ra một hai để người sau tin ngộ.

HỎI: Thế nào là thấy tánh vốn không?

ĐÁP: Chơn như tự tánh xưa nay vốn là không tịch, không hình không tướng, lặng trong như thái hư, chẳng động chẳng lai, ngưng nhiên thường trụ, gọi là “Bổn lai diện mục”, lại gọi là “Vô vi chơn nhơn”. Tất cả sơn hà đại địa, có cây rừng bụi, sum la vạn tượng, các pháp nhiệm tịnh đều từ trong tánh này lưu xuất.

HỎI: Bản tánh và chơn tâm là một hay hai?

ĐÁP: Chẳng phải một, cũng chẳng phải hai.

HỎI: Thế nào chẳng phải một, chẳng phải hai?

ĐÁP: Bản tánh là thể, chơn tâm là dụng. Bản tánh như gương, chơn tâm như ánh sáng (của gương). Ánh sáng chẳng lìa gương, gương chẳng lìa ánh sáng. Cổ đức nói: “Tánh thì sáng mà mầu, ngưng đọng mà lặng trong, giống như thể của gương. Tâm thì từ mầu khởi sáng viên dung chiếu liễu, như ánh sáng của gương”. Ánh sáng và gương phân làm hai, nên chẳng phải một. Ánh sáng và gương vốn một nên chẳng phải hai.

HỎI: Ngài đã nói tâm tánh của Phật và chúng sanh thể chỉ có một. Do đâu Phật ở cõi thánh, còn chúng sanh nơi đất phàm?

ĐÁP: Phật và chúng sanh tánh thể vốn không. Bởi tâm có nhiễm tịnh nên gọi là thánh hay phàm.

HỎI: Tại sao tâm có nhiễm tịnh?

ĐÁP: Bốn tánh như gương tròn sáng không lặn. Các bậc thánh vô tâm ứng đối với sự vật, tới lui không nhiễm, gọi đó là ánh sáng tịnh (tịnh quang). Chúng sanh hữu tâm ứng đối với sự vật, phân biệt thủ xả, gọi đó là ánh sáng nhiễm (nhiễm quang). Nhiễm tịnh tuy khác nhau, nhưng thể nó không hai.

HỎI: Bản thể của tâm tánh có hạn lượng chăng?

ĐÁP: Có.

HỎI: Thể nó lớn lắm không?

ĐÁP: Gồm khắp thập hư, đầy khắp muôn cõi.

HỎI: Tâm tánh đã rộng lớn không ngần như vậy, do đâu lại ở trong nhục thân này?

ĐÁP: Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay bị cột trói, tù hãm trong thai ngục, bị cùm gông nơi nhục thân. Vọng chấp cứng ngắc, lầm cho cái tâm tánh rộng lớn ở trong thân, rồi đi nhận giặc làm con, như tù hãm trong ngục lớn, ngày nào mới được ra? Chẳng những người, trời mê lầm như vậy mà hàng tiểu thừa cũng còn như thế.

HỎI: Tâm tánh không ở trong thân tôi này hay suy nghĩ đó là gì?

ĐÁP: Ông nghi hỏi cái huyền thức trong thân, hay suy nghĩ cho là tâm ta. Đây là bóng dáng duyên theo sáu trần, làm mê hoặc chơn tánh ông. Ông vô cố chấp cứng ở bên trong, khó thoát khỏi thai ngục. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Phật bảo A-Nan! Đây là tướng tiền trần vọng tưởng hư dối, làm mê hoặc chơn tánh ông. Từ vô thủy đến nay, ông nhận giặc làm con, làm mất cái nguyên thường của ông, nên chịu luân chuyển". Nếu hướng vào trong đây mà sáng tỏ được tâm suy nghĩ, như bóng trong gương, như hoa đốm trong hư không, như dãi hiện vành xe trong không, vốn không có thực chất.

HỎI: Cái suy nghĩ, ở trong thân là do bóng dáng duyên theo sáu trần. Vậy thể nào là cái chơn tánh sáng suốt màu nhiệm của tôi?

ĐÁP: Chúng sanh chẳng ngộ tâm tánh rộng lớn, không ở trong ngoài mà lại nhận bóng dáng của trần cảnh lầm cho là hư không bao nhục thân, nhục thân bao nhục tâm, nhục tâm bao chơn tánh, rồi bị nhiều lớp cột trói, và chấp cứng vào tham ái. Há chẳng biết, hư không đại địa, muôn vật thân tâm đều là những bóng dáng từ diệu minh chơn tánh của ta hiện ra. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Các duyên hội hợp lại dao động bên trong, rong ruổi bên

ngoài, mờ mịt nhiều loạn và tưởng nhiều loạn. Tất cả cho là tâm tánh. Một khi làm cho là tâm rồi thì nhất định cũng làm cho bên trong sắc thân. Chẳng biết sự vật bên ngoài sắc thân cho đến núi sông, hư không, cõi đất... tất cả đều là vật trong diệu minh chơn tâm cả”.

Sợ e ông chưa ngộ, tôi xin nêu ra một thí dụ: Bản tánh như một chiếc gương lớn cùng tận pháp giới. Chơn tâm màu nhiệm chiếu soi như ánh sáng trong chiếc gương kia. Núi sông cõi đất, sum la vạn tượng, cho đến nhục thân cùng tâm thức, tất cả đều là bóng trong chiếc gương. Chúng sanh nhận bóng cho nên phải chìm đắm trong chín cõi, bốn loài. Nếu nhận gương thì trở về chơn tâm trong chớp mắt.

HỎI: Tâm tánh rộng lớn, nuôi khắp muôn loài, chẳng ở trong thân, tưởng ở ngoài thân và bao trùm nhục thân, lý này phải chăng?

ĐÁP: Chẳng phải!

HỎI: Bên trong chẳng thành, bên ngoài chẳng phải, lý này rất ngờ, xin thầy giải cho?

ĐÁP: Bản tánh là một cái không cùng khắp, không ở trong thân, không ở ngoài thân. Chơn tâm cô trụ chẳng tức là thân, cũng chẳng lìa thân. Cho nên ngài A Nan, trong Kinh Lăng Nghiêm, chấp cái vọng không bằng cứ, bày nơi mờ mịt. Nhị Tổ Huệ Khả ngộ lẽ chơn vốn chẳng sanh, nên chỉ một lời khế hợp với Đạo. Ông nếu ngu độn tôi chỉ bày trở lại cho ông bằng một thí dụ:

Bản tánh như bể lớn, nước trong lặng. Chơn tâm như ánh sáng của nước trong ấy. Do gió khởi động bỗng thành bọt bể. Bọt bể là sắc thân, nước bể là pháp thân, chất ướt của bọt bể là thức tánh, chất ướt của nước bể là bản tánh. Bọt bể ướt, nước biển ướt, tánh ướt vốn có một, cho nên chẳng phải trong ngoài. Nước biển ướt, bọt biển ướt, tánh ướt mỗi cái có một như có trong ngoài. Kẻ phàm phu mê chấp bọt biển, trở lại đi bỏ bể cả vô biên. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Ví như trăm ngàn bể lớn trong lặng mà bỏ đi, rồi lại nhận một tí bọt bể cho là toàn cả nước thủy triều, đều gom trong hòn bọt ấy. Tất cả các ông là những người mê gấp bội hơn trong những người mê”. Người học đời sau nếu ngộ được nước bể và nước của bọt bể, tánh ướt vốn một thì làm gì có cái chấp nhất định rằng trong hay ngoài? Chẳng ngộ được bốn tánh thật đáng buồn vậy!

HỎI: Chất ướt của nước biển dụ cho pháp giới tánh. Chất ướt của bọt biển dụ cho thức ở trong thân. Tánh ướt không hai chẳng trong ngoài. Đã chẳng trong ngoài khi báo hết mạng chung, lìa đây sanh nơi kia hiện có ra vào... đã có ra vào sao nói chẳng trong ngoài?

ĐÁP: Như sự khai thị ở trên của tôi, ông không thể liễu ngộ mà trở lại tìm sự sanh diệt của những bông hoa chập chờn trong hư không, có thể bảo là kẻ ngu muội thái quá.

Bởi do ngay lúc đầu chẳng giữ tự tánh, một niệm vọng động nên bị trói buộc trong thai ngục, đời đời chấp cứng, nhất quyết là ở trong thân có ra có vào, có đến có đi. Trong ngoài đến đi như hoa trong hư không. Hoa tuy có sanh diệt nhưng hư không vốn bất động. Thần thức giống như có ra vào, nhưng tánh nó vốn chẳng động. Chỉ như hoa giữa hư không là huyễn, thần thức trong thân là vọng. Nay đem hoa huyễn trong không, để phát minh vọng thức trong thân, lý kia không hai, ông nên tư xét. Ông nếu chẳng ngộ xin dẫn kinh ra để dụ:

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Thí như có người mang chiếc bình Tần già điều, đầy kín hai miệng lại, bên trong đầy cả hư không, mang bình ấy đi xa ngàn dặm rồi dùng bình ấy tặng cho một nước khác. Nên biết thức ấm cũng lại giống như vậy. A Nan, hư không này chẳng phải từ phương trời kia lại, cũng không từ phương này vào. Như vậy A Nan, nếu từ phương trời kia lại thì ở trong bình đã có chứa hư không mang đi, và ở nơi quê hương của chiếc bình, lý ứng đã thiếu một khoảng hư không. Nếu từ phương này vào thì khi mở nút trút bình ra lý ứng thấy hư không rót ra. Thế cho nên biết, thức ấm hư vọng vốn chẳng phải nhân duyên, cũng chẳng phải tự nhiên”.

Giải thích: Tần già điều là tên của chiếc bình. Đầy hai miệng là dụ cho nghiệp thiện ác. Bình dụ cho nghiệp lựchay dẫn thức đi. Hư không trong bình là dụ cho thức theo nghiệp. Hư không ở bình và hư không ở ngoài, giống như có trong ngoài. Hư không không có hai thể, trong ngoài chỉ có một, nên chẳng phải trong ngoài. Hư không trong bình dụ cho thức vốn không, do nghiệp thiện ác mà dẫn thần thức đi, dụ như vác bình đi xa ngàn dặm. Dùng tặng nước khác dụ cho xả ở đây và thọ ở kia. Kinh nói: “A Nan! Hư không ấy chẳng phải từ phương trời kia lại, mà cũng chẳng từ phương này vào”. Đây là dụ cho sự xả thân, như từ phương trời kia lại, nhưng mà thần thức của thân trước chưa từng thiếu. Sự thọ thân như từ phương này vào, nhưng mà thần thức của thân sau chưa từng đến. Thế nên biết, thân chết chẳng phải đi, trước khi chưa chết cũng chẳng riêng ở nơi đây. Thân sống chẳng phải đến, trước khi chưa sanh vốn cũng khắp cả nơi đây. Kẻ mê chẳng rõ cho là ở bên trong và có ra vào. Người ngộ hiểu rõ ràng thể vốn không đây kia, há lại có đến đi ư?

HỎI: Người ngộ rõ biết được thể vốn không đi không lại. Hiện nay có người chết đây sanh kia, tức là có tướng đi tướng lại?

ĐÁP: Các duyên hội hợp thì sanh, các duyên chia lìa thì diệt. Tuy có hiện ra tướng đến đi, nhưng mà cái “Viên minh bản nhiên” chẳng động. Kẻ phàm phu do bệnh mắt, lần nhận hoa đốm giữa hư không, có sanh có diệt theo duyên mà lưu chuyển. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nầy thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay, điên đảo nhiều lớp. Giống như người làm bốn hướng đổi chỗ. Làm nhận tứ đại làm tướng của tự thân. Sáu trần duyên bóng làm tướng của tự tâm. Ví như người bệnh mắt, thấy hoa đốm trong hư không. Cho đến những hoa ấy diệt trong hư không, cũng không thể nói rằng

quyết có chỗ diệt. Tại sao thế? – Vì là không sanh vậy. Tất cả chúng sanh ở trong không sanh mà lầm thấy có sanh diệt. Ấy cho nên gọi là lưu chuyển sanh tử”. Người học đời sau chẳng đốn ngộ được sự sanh diệt của huyền thức, và tâm thể viên giác thường trụ chẳng động. Tổ Sư nói: “Hài cốt tuy có hợp có tan, nhưng có một vật màu nhiệm còn mãi” (hài cốt tuy hội tán, nhưt vật trấu trường linh). Nếu liễu đạt được tâm này thì có gì là sanh tử?

HỎI: Ngài khai thị quá rõ ràng không thể chẳng hiểu. Nhưng chẳng biết do đâu ngay lúc ban đầu lại có thân tâm của ta?

ĐÁP: Nguồn chơn trạm tịnh, biển giác lặng trong. Vốn không có đầu mối của năng sở, thì làm sao có dấu tích của danh tướng? Bởi ngay lúc ban đầu chẳng giác ngộ, bỗng có động tâm, nhưn minh lập ra chiếu, theo chiếu lập ra trần. Do đó nên khiến phần bỗng chốc hưng khởi, rồi danh tướng bày khắp. giống như gương hiện tướng, thoát khởi ra căn thân. Kế đó tùy theo tướng mà thế giới thành sai khác. Về sau do yêu ghét mà chìm đắm trong ba cõi, đối thọ luân hồi không lúc ngơi nghỉ.

HỎI: Nếu thật như lời ngài nói ngay lúc ban đầu chẳng giác ngộ, chợt có động tâm, thoát khởi ra căn thân. Cái huyền thân này quả báo hết, bốn đại phân tán, cái huyền thức trong thân đầu thai như thế nào?

ĐÁP: Kẻ phàm phu suốt ngày cứ chạy đuổi theo tình thức mà kết nghiệp hoặc thiện hoặc ác, rồi theo nhưn đã tạo mà cảm quả. Đến lúc lâm chung, cõi đất tối đen, lúc ấy thần thức gặp được chỗ có duyên, thấy một đốm sáng, chạy đến thấy cha mẹ hai tướng giao cấu, bèn khởi ra ý tưởng yêu ghét, dồn tướng ấy rồi nhảy vào hai giọt nước đỏ trắng, giống như đá nam châm hút sắt. Trong chớp mắt những khuấy động kia dừng lại, bây giờ ở trong thai lần lượt trải qua năm giai đoạn:

Bảy ngày đầu gọi là tạp uế. Bảy giờ tinh cha và huyết mẹ lắng lại như váng sữa mỏng, cùng hoà hợp với nhau gọi là Tạp, chẳng sạch gọi là uế. Bảy ngày thứ hai gọi là thương bào, giống như huyền đậu. Hình dáng của thương bào như sữa gầy đặc, nhưng mà chưa sanh ra máu. Bảy ngày thứ ba gọi là ngưng kết, lần đầu có dáng ngưng đọng lại, như có máu. Bảy ngày thứ tư gọi là ngưng hậu, lần lượt cứng chắc, năm tạng lần lần sanh. Bảy ngày thứ năm gọi là hình vị, lúc bấy giờ gió bên trong thổi nên sanh ra hình dáng của các căn: một thân mình và tứ chi sai khác, bảy ngày thứ năm ngũ căn đều đủ. Bảy ngày thứ sáu gọi là “phát trảo xỉ” (tóc răng đều mọc). Bảy ngày thứ bảy gọi là các cụ căn (các căn hoàn toàn đầy đủ), tất cả tạng phủ và ngũ căn đều xong xuôi. Đủ mười tháng ra khỏi thai làm người, ở trong sự ràng buộc của thức tình, phân thành sáu công dụng, thấy nghe hiểu biết tùy theo cảnh mà tạo nghiệp, sanh tử tiếp nối xoay vần không dừng.

HỎI: Thần thức lúc đầu thai có hình trạng chẳng?

ĐÁP: Có

HỎI: Hình trạng như thế nào?

ĐÁP: Thần thức lúc đầu thai gọi trung hữu (trung ấm), là khoảng giữa của tử hữu (tiền ấm) và sanh hữu (hậu ấm). Thân trung hữu của loài người hình trạng như lúc sống, hình trạng của nó chẳng hơn ba thước (thước tàu) lớn như đứa con nít năm sáu tuổi. Thân trung hữu của loài súc sanh hình trạng giống loài súc sanh, ngoài ra các loài khác cũng vậy. Tất cả đều như lúc còn đang sống. Hình trạng của thần thức tuy nhỏ, nhưng hay tạo tác các nghiệp. Đầu thai bên cha mẹ, rồi sanh niệm điên đảo yêu ghét. Người thường gọi là hồi ma.

HỎI: Ở đời có người chẳng đầu thai mà Đoạt xá là sao?

ĐÁP: Ở đời có những kẻ sĩ học Đạo, hoặc là người có phúc. Những người ấy chẳng nhập vào thai bào, đợi gặp chỗ có duyên, khi cha mẹ vừa sanh, chợt có tiếng động. Lúc bấy giờ điểm linh của thức quang xẹt thẳng vào thông môn, ép cho thần thức của thai dang ra, để chiếm nhà (đoạt xá) thành người. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bị, không thể dùng ý thức tạo tác mà có thể hiểu được.

HỎI: Chúng sanh ở thế gian khi báo hết mạng chung, tự đầu thai vào cha mẹ, hoặc đoạt xá. Như vậy, sự thọ tội nơi địa ngục, tôi nghĩ rằng chưa ắt là có thật?

ĐÁP: Địa ngục chẳng không như tâm mà có. Tất cả chúng sanh, mười tập kết nghiệp, bởi do tập thành nên theo nghiệp thọ báo. Tâm hiện ra địa ngục, chớ không phải cảnh ngoài. Bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Nên quán tánh của pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo". Vậy nên biết, sự chịu báo ở địa ngục là do tự tâm mình hiện ra. Kinh Lăng Nghiêm nói "A Nan! Đấy gọi là địa ngục mười như sáu quả. Tất cả đều do sự mê vọng của chúng sanh mà gây ra". Kẻ hậu học nên cẩn thận, chớ nghe nói địa ngục là hư huyền mà khinh thường, mà chẳng dứt được ác nghiệp. Cứ đùa bỡn với tập như mà phải theo nghiệp, lúc ấy tự tâm địa ngục chợt ở trước mắt. Muốn thoát khỏi cảnh địa ngục ấy, há chẳng khó sao?

Như người sanh ra ở đời, làm lành hoặc tạo ác lớn nhỏ chẳng đồng rồi tùy theo như mà thọ quả báo. Người gieo điều lành lớn tự tâm cảm sanh lên thiên đường. kẻ tạo ác nhiều tự tâm cảm đoạ vào địa ngục. Người thiện ác quân bình tự đầu thai vào cha mẹ. Kẻ tội và phúc đều kém, chưa thọ sanh liền, bỗng nhiên có hình gọi là thân trung ấm: từ không mà chợt có, gọi đó là hoá sanh, có thân hình chừng ba thước (thước tàu), sáu căn lanh lợi, tới lui nhậm lệ, không chỗ nào ngăn ngại, người khác xem như bóng mà thôi, bảy ngày chết rồi lại sanh, sống lâu không quá bốn mươi chín ngày, sống ngắn chừng hai ba thất liền thọ sanh. Thói thường gọi là hồn.

HỎI: Bản tánh rộng lớn, thể trùm thái hư. Chơn tâm vô trụ chẳng ở trong ngoài. Thức tâm trong thân, bị giam hãm cột trói nơi thai ngục. Xin hỏi rằng

bên trong của thức tâm có chơn tâm, hay lìa ngoài thức tâm có chơn tâm riêng khác?

ĐÁP: Trong quặng có vàng, trong sóng có nước. Tạng thức tại triền che lấp chơn như. Người sơ học phải ngộ lẽ chơn và vọng. Nướng vào chơn tâm thì mau chứng bồ đề, chạy theo vọng tâm thì phiêu lưu trong sanh tử.

HỎI: Chưa biết thức tâm ở trong thân, cái nào là chơn, cái nào là vọng?

ĐÁP: Chơn tâm là Linh tri, lấy tịch và chiếu làm tâm. Vọng tâm là hữu tri, lấy phan duyên làm tâm.

HỎI: Thế nào là bảo vọng tâm là hữu tri, lấy phan duyên làm tâm?

ĐÁP: Vọng tâm vốn không, như năng sở mà có, theo cảnh khởi phân biệt, yêu ghét thủ xả, niệm niệm phan duyên, tâm tâm loạn tưởng, duyên theo sáu trần chẳng thôi nghỉ, trụ loạn tưởng chẳng dừng. Thiên đường địa ngục vẫn xoay các néo. Chẳng sanh nhận là sanh, chẳng tử cho là tử. Như khi nhảy nhót trên cành, như ngựa giông ruổi trôi nổi trong ba cõi không có ngày dừng.

HỎI: Vọng tâm có biết (hữu trí) tại sao hư huyễn?

ĐÁP: Vọng tâm như trăng đáy nước, có biết như hoa đốm giữa hư không, từ năng sở mà sanh ra, như phân biệt mà có, rồi phát thức dụng nơi phù căn (10), thành ra cái vọng biết của đối cảnh. Nếu lìa tiền trần thì tâm này không có cái Thể. Như cảnh khởi ra chiếu soi, nếu cảnh diệt sự chiếu soi cũng mất. Tuỳ theo niệm mà sanh trần, niệm không thì trần cũng tàn. Nếu đem hình ảnh của việc này mà làm chơn thể của Phật thì có thể gọi là cái như hư vọng, lại cũng thành cái quả đoạn diệt. Hư huyễn như vậy, đâu có thể là chơn thật?

HỎI: Thế nào là chơn tâm linh tri lấy tịch chiếu làm tâm?

ĐÁP: Chơn tâm trạm nhiên, chiếu soi mà không theo cảnh. Tuỳ duyên bao hàm cùng khắp mà chưa từng tác ý, sáng tỏ chẳng mê, rõ ràng thường biết, trải ra không dấu, cuốn lại không vết. Như đầm nước lắng trong sáng. Giống như chiếc gương sáng treo trên hư không, muôn tượng sum la bỗng nhiên soi suốt. Chẳng ra chẳng vào chẳng có chẳng không. Đây là chỗ ngàn thánh thăm về, ba đời chư Phật thường trụ. Cũng gọi là "Thiên như Phật tánh", cũng gọi là "thanh tịnh pháp thân". Lìa đây mà tu cái nào khác, rốt lại chỉ thành tà ma ngoại đạo.

HỎI: Chơn tâm linh tri tại sao chơn thật?

ĐÁP: Chơn tâm lặng lẽ mà chiếu soi, trong lặng không ngăn mé, khắp cõi không thể thấy, tà ma ngoại đạo không thể tìm. Dao bén không thể làm hại, kiếp hoả không thể đốt, núi thiết vi không thể hãm, luân hồi không thể chìm

đắm. Vẻ đẹp từ xưa thường sáng rõ ràng cho đến nay chẳng mê. Người ngộ được tâm tánh chơn thật này, thì sự thành Phật không ở tại kiếp số.

HỎI: Như thế nào dứt hữu tri để thành linh tri, chuyển vọng tâm để thành chơn tâm?

ĐÁP: Vọng từ sáu căn cột, chơn từ sáu căn mở.

HỎI: Thế nào là vọng từ sáu căn cột và chơn từ sáu căn mở?

ĐÁP: Tròn sáng không lặng, vốn không thế giới và thân tâm. Chợt vọng tâm hưng khởi, theo căn trần bày khắp, rồi theo trần mà sanh yêu ghét, giống như con thiêu thân nhảy vào đèn. Giọng ruồi theo tình thủ xả, như con tằm tự trói mình trong kén. Nếu căn trần chẳng dính nhau thì linh quang tự nhiên chiếu sáng một mình. Nếu vật vã ngã nhút như sáu căn tự nhiên hổ dụng. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Ông chỉ không theo sự động, tịnh, hợp ly, điềm tịnh hay chuyển biến, thông suốt hay nghẽn bít, sanh, diệt, sáng tối... mười hai tướng hữu vi như vậy. Tuỳ theo cái nào nhổ một căn, thoát được cái niêm ngầm bên trong, thầm trở về nguyên chơn. (Lúc bấy giờ) cái minh diệu gốc phát khởi, cái diệu tánh phát sáng. Ngoài ra năm cái niêm khác cũng nhổ thoát xong. Chẳng cho tiền trần khởi tri kiến, cái sáng chẳng theo căn, nhờ căn mà cái sáng phát khởi. Do vậy nên sáu căn hổ dụng".

Lại nói: "A Nan! Nay các căn ông nếu nhổ xong xuôi rồi thì cái sáng suốt bên trong phát hiện. Như vậy các phù trần (11) và khí thể gian (12) cùng những tướng biến hoá. Tất cả như nước nóng làm chảy băng, liền đó nó biến thành tri giác cao tột".

Ông nếu chưa ngộ tôi xin nói lại rõ ràng về chơn tâm và vọng tâm. Chơn tâm vọng tâm đều lấy cái biết làm thể. Vọng tâm lấy cái biết làm thể. Vọng tâm nương căn trần có biết mà biết (hữu tri nhi tri). Chơn tâm lìa căn trần không biết mà biết (vô tri nhi tri). Người mới học có lòng mộ đạo, phải ngộ chơn vọng cho rõ ràng, rồi hai thủ dụng công thì tự nhiên đốn chứng.

HỎI: Như ngài đã khai thị ở trên, tôi tuy được liễu ngộ, nhưng nghiệp tôi còn nặng, tâm tôi còn phù động không an, lại căn cơ kém nhỏ, chẳng thể đốn chứng. Như vậy phải làm sao?

ĐÁP: Tánh vốn không ngộ, như mê mà có ngộ. Tâm vốn không tu, như nhiễm mà có tu. Sở dĩ phiền não có sâu cạn, tập khí có dày mỏng, nên mới bày ra phương tiện. Tu có đốn tiệm: Đốn tu khiến người cầu bản nhẹ chóng chứng viên thông. Tiệm tu khiến người chướng nặng lần lần trong bốn tánh. Nay giả nêu ra ba căn tánh để tuỳ cơ mà vào.

HỎI: Ba căn tánh thể nào?

ĐÁP: Người căn tánh bậc thượng thì đốn tu, bậc trung thì tiệm tu, bậc hạ thì gắng tu.

HỎI: Người căn tánh bậc thượng đốn tu như thế nào?

ĐÁP: Hàng căn tánh bậc thượng, căn cơ bén nhạy đã huân tập hạt giống đạo từ trước. Khi một lời buông ra thì tâm địa người ấy liền mở suốt. Tùy trường hợp mà bảo nhiệm hầu trừ sạch dòng lưu thức. Niệm động chẳng tiếp tục, niệm không chẳng giữ, một tâm bình thản lặng lẽ tự hết. Lúc bấy giờ chạm mắt gặp duyên đều là diệu dụng. Ngài Qui Sơn nói: "Ông chỉ tâm không gá vật, thì vật nào có thể ngại người". Lại nói: "Mỗi niệm phan duyên, nhưng tâm tâm hằng tịnh. Viên dung khắp pháp giới, đốn chứng vô sanh". Nếu như căn cơ ngu độn lại bày phương tiện để lần hồi trở về.

HỎI: Người đốn ngộ tiệm tu, nhưn đâu chứng đạo quá mau?

ĐÁP: Thật có lý này, chẳng phải dối truyền. Thật vậy, nếu "trực hạ minh tâm", một niệm viên tu đốn chứng, thì chẳng trải qua A tăng kỳ, đâu cần kiếp số? Kinh Đại Niết Bàn nói: "Ví như có người chèo thuyền muốn vượt biển cả. Nếu thuận buồm xuôi gió thì chỉ trong chốc lát có thể vượt được vô lượng dặm. Còn trái lại tuy ở lâu vô lượng năm cũng không rời chỗ cũ. Lúc nào đó thuyền hư rã, chìm xuống nước mà chết. Chúng sinh cũng như vậy". Kinh Lăng Nghiêm nói: "Như huyễn tam ma để chỉ một khảm móng tay có thể vượt qua hàng vô học(13). Cho nên hàng tam thừa (14) không biết, hàng thập địa (15) thì sợ hãi. Một niệm thành Phật, thoát vượt A tăng kỳ kiếp".

HỎI: Người trung căn tiệm tu như thế nào?

ĐÁP: Bậc thượng căn đốn tu như gió thổi mây bay, hiện vầng trăng sáng rõ trên nền trời. Hàng trung cơ tiệm tu, giống như lau chiếc gương nhơ, khi bụi hết thì ánh sáng hiện. Như có người hậu học, liễu ngộ được bốn tâm, nhưng tập khí từ trước còn nồng hậu, trí thì kém, tâm lại phù động không an, nên suốt mười hai giờ động tịnh bên trong. Tất cả đều phóng hạ (buông bỏ), thiện ác chớ nghĩ, niệm khởi liền giác, giác rồi liền không. Người xưa nói: "Chẳng sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm". Dụng tâm như vậy, lâu ngày không vọng khởi, phải tự đợi đến lúc người pháp đều mất, thì căn trần đốn thoát, chơn tâm riêng chiếu, trải ra hay cuốn lại đều vô ngại.

HỎI: Sự công phu của pháp tiệm tu, nên nghiêng về tịnh toạ, hay thông cả động tịnh cũng có thể tu chứng?

ĐÁP: Đốn ngộ tiệm tu tịnh nhiều dễ thành công, còn bậc thượng sĩ động tịnh đều thiên cả. Hàng căn cơ bậc trung bỏ sự nghiêng về lý, đứng như thế ngồi tập cho thuần thực, thì tự nhiên động tịnh đều vô ngại.

HỎI: Hàng căn cơ bậc hạ phải gắng tu như thế nào?

ĐÁP: Kẻ hạ căn ngu độn, tâm tư chậm chạp, hôn trầm đầy nặng, trạo cử lầy lừng, khó làm cho sách phát. Đối với hàng này, phải y vào sự khai thị và dẫn dắt, nhỏ nhiệm chỉ bày, giúp cho căn cơ họ phát khởi. Hàng này phải có tín tâm, chớ lìa tông tâm, thường theo bậc thiện tri thức chí thành nghe dạy dỗ.

Chớ nhận cảnh ma, ngày ngày nhận sự rèn luyện, giờ giờ tự mài giũa, đối trước Phật sám hối tội nghiệp của mình. Ở trong Chúng phải hạ tâm. Sau khi được ngộ không thể lìa thầy. Đại khái phải quên trần thế, sâu bồi hậu dưỡng, lâu ngày tu tập như vậy mới được tương ứng.

HỎI: Kẻ hạ cơ ngộ tu, do đâu lại phí sức như vậy?

ĐÁP: Kẻ căn cơ trì độn, phiền não nặng hậu, hôn trầm trạo cử, tâm lại phù động, ngu muội che nặng, nếu không cần cù tu tập thì linh cơ khó phát. Người xưa nói: "Kẻ hạ căn dùng muôn ngàn thí dụ nói cho cũng không thể lãnh hội". Kẻ này dù được một ít hiểu biết cũng cho là triệt ngộ, chẳng nhận dạy dỗ, ngã mạn khinh người. Bọn người như vậy phải sanh hổ thẹn, không như vậy thì điên cuồng và rơi vào đường tẻ.

HỎI: Người ngộ lý bảo dưỡng chắc chắn, làm thế nào biết chơn tâm hiện tiền?

ĐÁP: Người ngộ lý khi tập khí chưa hết gặp cảnh còn thất niệm, nên cần phải hậu dưỡng. Như người chăn trâu, dắt trâu đi chỗ nào cũng nghiêm roi, đợi cho tâm nó thuần thực, bước đi ổn thoả, không phạm đến lúa mạ mới có thể buông tay, chẳng cần chần nỡ. Nếu muốn thí nghiệm chơn tâm coi được thuần thực hay chưa, nên đem việc mà bình thường mình đã yêu hay đã ghét, tìm cho ở trước mắt, thấy nghe để thử nó. Nếu y như trước mà khởi tâm yêu hay ghét thì biết rằng Đạo chưa thuần thực. Nếu gặp cảnh thuận hay nghịch mà chẳng khởi tâm yêu ghét thì biết đã gần Đạo, và chơn tâm hiện vậy.

Nếu muốn thí nghiệm trở lại tâm yêu (ái), nên tưởng tượng cảnh yêu thích nào đó. Tâm yêu thích này hoàn toàn lặng lẽ chẳng khởi. Muốn thí nghiệm lại tâm ghét, nên tưởng cảnh giận ghét nào đó, tâm giận ghét hoàn toàn chẳng khởi. Đến đây mới có thể tự tại tùy duyên, đối vật không ngại.

HỎI: Chơn tâm chưa hiện tiền, khi dụng công dứt vọng, đồng thời cũng làm các điều lành, hầu giúp cho đạo dễ thành công. Như vậy lý kia có nên không?

ĐÁP: Dứt vọng tâm là chánh tu, làm các điều lành là trợ tu. Nếu hữu tâm làm thiện lại dính mắc vào thiện thì nhất định rơi vào phước báo cõi người, cõi trời. Nếu vô tâm tương ứng với các điều thiện, thì có thể bảo đó là một trợ giúp cho việc tu hành. Kinh Bát Nhã nói: "Tu Bồ đề, Bồ tát nếu không trụ tướng bố thí, thì phước đức kia không thể nghĩ lường". Nay thấy có người học, chấp nghiêng về một bên chẳng thấy toàn diện. Có chút ngộ lý liền tựa vào thiên chơn, chẳng làm các điều lành, nên phước kém mà ma lại mạnh.

HỎI: Muôn điều thiện hữu vi là phước đức. Kiến tánh vô vi là công đức. Tại sao lại gồm tu cả hữu vi lộn xộn như thế?

ĐÁP: Hữu vi mà dính vào hữu vi thì được quả báo trời người, hữu vi mà không nhiễm thì công phu ấy được hiển hiện tánh đức.

HỎI: Khi đã ngộ tâm chứng lý, liền có thần thông biến hoá. Thời nay người ngộ lý rất nhiều mà người đủ thần thông rất ít. Tại sao thế?

ĐÁP: Hiển hiện thần thông biến hoá là ngọn, cần phải đạt được cái gốc của nhất tâm. Khi gốc được thành lập thì Đạo sanh, lúc bấy giờ thần thông tự nhiên hiện. Nếu chuyên lấy cái tướng tướng của thần thông biến hoá làm đạo, thì thiên ma ngoại đạo, yêu mị thần long đều là Phật cả? (vì thiên ma ngoại đạo cũng có đủ thần thông). Muốn được thần thông chơn thật cần phải chứng pháp nhất thừa. Pháp nhất thừa này hay phát ra diệu dụng Bát nhã. Ngay nơi trần lao mà thành chánh giác, hiện trong sanh tử mà chứng niết bàn. Chỉ khoảng một sát na mà bỏ phàm làm thánh. Trong chốc lát biến có trở về không. Thần biến như thế chẳng phải là pháp huyền có thể làm được.

Cổ Đức nói: “Thông có năm loại: một là Đạo thông, hai là Thần thông, ba là Y thông, bốn là Báo thông, năm là Yêu thông. Gì là yêu thông? Loài hồ ly giả biến hoá ra, tinh ba của cây đá hoá ra. Thần nương tựa vào người thông huệ kỳ lạ, đấy là yêu thông. Gì gọi là Báo thông? – Quỷ thần biết nghịch, chur thiên biến hoá, sự liễu sanh của thân trung ấm, sự ẩn hiện của thần long, đấy là báo thông. Gì gọi là Y thông? – Nương pháp mà biết, duyên nơi thân mà dùng, nương nơi đạo bùa mà tới lui, thuốc bổ màu biển, đấy là y thông. Gì gọi là thần thông? – Tịnh tâm soi vật, túc mệnh ghi giữ, muôn ngàn phân biệt đều từ định lực, đấy là thần thông. Gì gọi là Đạo thông? – Vô tâm ứng vật, duyên biến hoá khắp vạn hữu, trắng đáy nước, hoa trong không, bóng hình không chủ, đấy là đạo thông”.

Chỉ Đạo thông này là chơn, ngoài ra các thông khác đều là tà nguy. Nguy thì chẳng chơn, tà thì chẳng chánh, làm cho tâm hoặc loạn sanh, và mê mờ bản tánh. Cho nên người học đạo chơn thật chẳng giữ thần thông sợ trái chơn lý.

Trong sách Phụ Hành Ký nói: “Người tu tam muội, chớ phát thần thông, phải mau trừ bỏ nó. Vì là pháp hữu lậu hư vọng vậy”.

Trong chỉ quán nói: “(Thần thông) hay làm chướng bát nhã. Kẻ hạ căn vọng cầu thần thông làm chánh đạo. Bậc trí quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy. Chỉ như bậc ứng hoá Bồ tát, chứng lý thánh hiền, rốt say bày hiện thần biến ắt chẳng ở đời. Nếu còn ở đời mà hiện thần thông để giáo hoá người, đây chẳng phải yêu thì cũng là ma mị”.

HỎI: Người chưa ngộ, mê mờ chơn lý, đuổi theo vọng tình, tạo như thiện ác, phải trả quả khổ vui, tùy theo nghiệp mà thọ sanh, lý kia chẳng còn nghi. Kẻ sĩ ngộ lý, nhanh chóng trở về chơn tâm, vượt các như quả, dứt các đối đãi, điểm linh của thân sau, nương gá chỗ nào?

ĐÁP: Tất cả chúng sanh tùy theo như mà thọ quả, lấy duyên làm chỗ sanh, nên bảo đấy là chỗ nương gá. Kẻ sĩ ngộ lý, người chứng Đạo, chẳng đồng với

phiêu linh lãng tử ở thế gian, như quý thú vô chủ cô hồn, trôi nổi không chỗ nương chỗ gởi. Nếu khế ngộ được bốn lý hiện tiền thì bốn phương trên dưới đều là chơn tâm. Đây là toàn thân thọ dụng, không có chỗ nương gá nào riêng khác. Cổ Đức nói: “Suốt cõi đất là một mắt của sa môn”. Lại nói: “Suốt cõi đất là Già lan”.

Thượng Thơ Ôn Tháo hỏi ngài Khuê Phong rằng: “Người ngộ lý một phen tuổi thọ hết, phải nương gá chỗ nào? Khuê Phong đáp: Tất cả chúng sanh đều dó đầy đủ giác tánh linh minh, cùng Phật không khác. Nếu hay ngộ tánh này tức là pháp thân, thì vốn tự vô sanh có gì nương gá? (Tánh này là) cái sáng suốt màu nhiệm chẳng mê, rõ ràng thường biết, không từ đâu đến và cũng không trở về đâu. Chỉ lấy không tịch làm tự thể chớ nhận sắc thân. Lấy linh tri làm tự tâm, chớ nhận vọng niệm. Vọng niệm nếu khởi đều chẳng theo nó, thì khi lâm chung nghiệp không thể trói buộc. Tuy có thân trung ấm mà chỗ đến tự tại, cõi trời cõi người tùy ý gởi nương, tất cả những dòng trôi chảy nhỏ nhiệm đều rỗng cả, chỉ còn có viên giác đại trí soi sáng. Tùy cơ hoá độ chúng sanh có duyên, ngộ tâm chứng lý, đồng thành Phật đạo”

HỎI: Xưa có những bậc Cao Tăng, toàn thân ngồi hoá, lâu năm chẳng hư hoại, móng và tóc mọc dài ra, chưa biết việc này là đạo lý gì?

ĐÁP: Đây là hàng Tiểu thừa thân trụ trong diệt định. Định này chỉ diệt đệ lục thức, còn đệ bát thức duy trì thân thể. Tất cả đều do chán hữu thích không, tạm mong dừng hơi thở. Tuy nhiên, nhập định này trải qua thời gian dài lâu mà hơi ấm chẳng diệt mất, về sau thức khởi dậy như rét cách ngày. Phải ngộ tánh định mới thoát khỏi luân hồi.

HỎI: Ngài Ca Diếp đặc diệt tận định, cùng với diệt định của Tiểu thừa là đồng hay khác?

ĐÁP: Đại thừa lý diệt, Tiểu thừa sự diệt. Diệt tận của đại thừa do đầy đủ năm uẩn, hai thức thứ bảy và thứ tám, hay dẫn oai nghi, định hay tán đều vô ngại, sự và lý đều chẳng bỏ. Hàng tiểu thừa tuy có sắc hành, tiền lục thức đã lặn mất, nhưng toàn thiếu oai nghi, định và tán chẳng viên mãn, bỏ sự nghiêng về tịch. Cho nên định chẳng đồng.

CHƯƠNG V **GIÁO THỪA SAI BIỆT**

HỎI: Ở trên ngài đã khai thị một cách rộng rãi về pháp môn Đốn ngộ, kẻ học muộn này thấy đã quá rõ ràng. Nhưng còn vài điểm sai biệt trong giáo lý xin ngài nhỏ nhặt khai thị trở lại cho.

ĐÁP: Ông cứ hỏi, ta sẽ đáp, ta chẳng phụ lòng ông đâu.

HỎI: Thế nào là “muôn pháp về tâm” (vạn pháp qui tâm)?

ĐÁP: Như vàng tùy người thợ làm ra nhiều món đồ. Những món đồ ấy cho vào lò nấu chảy ra chỉ có một thể. Muôn pháp về tâm cũng như vậy.

HỎI: Pháp môn đốn ngộ có sức thù thắng gì?

ĐÁP: Chánh giải viên tu, sức nó vượt qua kiếp số, tuy ở trong sanh tử mà thường vào niết bàn, thường ở trong trần lao mà hằng ở trong Tịnh độ. Đầy đủ mắt thịt mà mở mắt huệ. Đổi tâm phàm mà đồng với tâm Phật. Tin biết pháp môn đốn ngộ công đức lớn lao hơn cả.

HỎI: Minh tâm kiến tánh, như người uống nước lạnh nóng tự biết. Lời nói hay không có chỗ y cứ?

ĐÁP: Người học dụng tâm thân thiết, tham cứu lẽ chơn thật, chợt được thân tâm nhứt như, ánh sáng trí tuệ thoát phát khởi, thấy sự từ hoại kiếp trở về trước để thân đến chỗ bản giác. (Đến chỗ này) có miệng khó nói, có viết khó thuật. Như người uống nước lạnh nóng tự biết. Muốn mở phương tiện để hiển bày bốn tâm, phải mượn giáo thừa để làm thí dụ.

HỎI: Thiền tông dạy người chẳng xem kinh, nếu gom được chút hiểu biết nào, tự thành kẻ tri thức văn tự phải chăng?

ĐÁP: Muốn nghiên cứu giáo thừa phải tìm tòi trong bảo tạng, mỗi mỗi phải tiêu hoá trở về tự kỷ, lời lời phải thâm hợp bản tâm, chỉ sợ e chấp văn sanh hiểu, không chịu qui hội về bản thể, cho nên cười chê xem kinh để thành thánh nhơn văn tự.

HỎI: Thế nào là mê, thế nào là ngộ?

ĐÁP: Nhơn bản giác chơn tâm khởi ra bất giác gọi là mê. Nhơn bất giác thành thỉ giác, rồi trở về chơn tâm gọi là ngộ. Cho nên nói: “Nhơn đất mà té, thì cũng nhơn đất mà dậy”. Mê ngộ tuy khác mà chơn tâm không hai.

HỎI: Tại sao người kế lý, đối với chơn vọng phải dứt cả hai?

ĐÁP: Nhơn vọng mà nói chơn, chơn không có tự tướng. Từ chơn khởi vọng, nên vọng thể vốn không. Vọng đã vốn không, chơn cũng chẳng thành lập. Chơn vọng đều dứt cả hai thì bản tâm thường trụ.

HỎI: Tông môn đốn ngộ “đơn đao trực nhập”, nào dùng ngôn ngữ bàn luận rộng rãi sai khác?

ĐÁP: Kẻ sĩ tham cứu lẽ huyền phải có đủ hai mắt: một là kỷ nhãn để sáng tỏ thiền; hai là trí nhãn để phân biệt được hoặc nghiệp. Thiền Tông nói: “Chỉ sáng tỏ được tự kỷ mà chẳng rõ được việc trước mắt, người như thế chỉ có

một mắt, lý đơn sự chiết, rốt lại chẳng viên thông”. Nếu cho trí huệ là quấy thì Đại trí Văn Thù chẳng xưng là con đấng Pháp Vương? Nếu cho dứt học là phải, thì Vô Văn tỳ kheo chẳng làm người ở địa ngục. Tất cả đều do cửa ải ý thức bị khoá, nếu không có chìa khoá trí huệ thì khó mà mở. Tự cho rằng “tình tượng câu khiên”, nếu chẳng có gương trí huệ thì khó dứt. Người tiến tu viên thông, chớ có cái chấp bặt lời (không học).

HỎI: Bạc viên đốn tu chúng trở lại rơi vào nhờn quả chẳng?

ĐÁP: Trên đến chư Phật, dưới đến chúng sanh đều thu vào nhờn quả. Vậy có thể bác không nhờn quả sao? Chỉ do ngoại đạo chẳng đạt lý duyên sanh, duy chấp tự nhiên, bác không nhờn quả. Hàng nhị thừa chột mắt chỉ chứng thiên không (ngiên về không), trí diệt thân tàn xa lìa nhờn quả. Kẻ phàm phu bị nghiệp trói tham đắm năm dục, nên nhà cửa đốt thân, chấp trước nhờn quả. Tất cả đều thành cuồng giải, tự mê muội lý viên thường. Chỉ lấy thật tướng làm nhờn, thật tướng làm quả, chớ tạo cái chấp bác không (nhờn quả) mà rơi vào đường tà. (Được như vậy mới) chóng thành viên nhờn, chóng chứng diệu quả.

HỎI: Ở đời có những kẻ sĩ kế lý, xưng là Đạo nhờn vô tâm. Nếu là vô tâm thì đồng như cây đá, do đâu mà các bậc thánh hiền có trí huệ lớn?

ĐÁP: Đạo nhờn vô tâm chẳng đồng với cây đá, vô tâm là không tâm phân biệt, không tâm yêu ghét, không thủ xả, không tâm thiện ác, không tâm có không, không tâm ở giữa hay một bên, không tâm trong ngoài, không tâm chấp trước, chớ chẳng phải không chơn tâm linh tri tịch chiếu.

HỎI: Người xưa nói: “Chớ bảo vô tâm ấy là Đạo vô tâm còn cách một lớp cửa”. Vậy thế nào?

ĐÁP: Chơn tâm hư huyền chẳng có chẳng không. Nếu bỏ có (hữu) trụ không (vô), trở thành lỗi lớn. Cổ Đức có kệ rằng:

Khuyến quân học đạo chớ tham cầu
Vạn sự vô tâm đáo hợp đầu
Vô tâm thì thể vô tâm đạo
Thể đắc vô tâm vô dã hư.

DỊCH:

Khuyên anh học đạo chớ tham cầu
Muôn sự không tâm đến hợp đầu
Không tâm thể nhập không tâm đạo
Nhập được không tâm không cũng thôi.

HỎI: Thế nào gọi là không biết mà biết, biết mà không biết?

ĐÁP: không biết (vô trí) là thể của tâm. Biết là dụng của tâm. Thể hay phát ra diệu dụng: không biết mà biết. Dụng chẳng lìa thể: biết mà không biết. Dụng nếu lìa thể là cái biết trụ tướng. Thể nếu không dụng gọi là ngoan không.

HỎI: Thế nào gọi là không biết mà biết, biết mà không biết?

ĐÁP: Không biết (vô trí) là thể của tâm. Biết là dụng của tâm. Thể hay phát ra diệu dụng: không biết mà biết. Dụng chẳng lìa thể: biết mà không biết. Dụng nếu lìa thể là cái biết trụ tướng. Thể nếu không dụng gọi là ngoan không.

HỎI: Thế nào là có niệm mà biết là vọng?

ĐÁP: Sáu căn đối cảnh động niệm phân biệt: có niệm mà biết, nên cho là vọng.

HỎI: Thế nào vô tâm mà biết là chơn?

ĐÁP: Chơn tâm ứng vật như gương soi hình tượng, vô tâm mà biết nên gọi là chơn.

HỎI: Thế nào là chánh tri kiến?

ĐÁP: Chẳng nương căn trần mà có tri kiến là chánh. Nương gá căn trần mà khởi tri kiến là tà.

HỎI: Thế nào là tam bảo?

ĐÁP: Nhứt tâm không tịch là Phật Bảo. Tịch mà thường chiếu soi là Pháp Bảo. Chiếu soi mà không nhiễm là Tăng Bảo.

HỎI: Thế nào là cúng Phật một cách chơn chính?

ĐÁP: Sáu căn đối cảnh sáu thức chẳng sanh, chơn tâm độc chiếu là nghe pháp chơn chính.

HỎI: Thế nào là xuất gia chơn chính?

ĐÁP: Chẳng trụ ngôi nhà ngũ uẩn, ấy gọi là người xuất gia chơn chánh.

HỎI: Thế nào có thể chẳng trụ năm uẩn?

ĐÁP: Thấy cái nương vào căn thì sắc uẩn không (rỗng). Đối cảnh vô tâm thì thọ uẩn không. Biết mà không biết thì tưởng uẩn không. Tâm tâm không nhiễm thì hành uẩn không. Chơn tâm thường trụ thí thức uẩn không.

HỎI: Thế nào là “không tức sắc, sắc tức không”?

ĐÁP: Thấy không rồi trụ không là “không tức sắc”. Thấy sắc chẳng trụ sắc là “sắc tức không”

HỎI: Thế nào là “tức Tâm tức Phật”?

ĐÁP: Tâm và Phật không hai chớ hướng bên ngoài mà tìm cầu.

HỎI: Thế nào là “phi tâm phi Phật”?

ĐÁP: Phá cố chấp, trừ hiểu biết, tâm và Phật vốn không.

HỎI: Thế nào là “ba tâm không thể được”?

ĐÁP: Quá khứ, vị lai, hiện tại, ba tâm xưa nay vốn không tịch. Bỗng vọng khởi ra hoa đốm giữa hư không, làm che khuất cái viên minh chơn thật.

HỎI: Thế nào gọi là chơn không?

ĐÁP: Chơn tâm thể tịch, máy màu khởi dụng chiếu soi. Tịch và chiếu không hai gọi đó là chơn không.

HỎI: Thế nào gọi là diệu hữu?

ĐÁP: Đồng chiếu soi lẽ hữu vô, phân biệt rõ ràng, nhưng chẳng rơi vào năng sở, gọi là diệu hữu.

HỎI: Thế nào nói rằng “chỉ được gốc chớ lo ngọn”?

ĐÁP: Nếu ngộ được chơn tâm vốn không, thì muôn pháp tự nhiên tiêu mất.

HỎI: Thế nào gọi “Phiền não tức bồ đề”? Vô minh tức Phật tánh?

ĐÁP: Niệm trước sanh tức là phiền não, niệm sau chẳng trụ tức là bồ đề. Niệm trước động tức vô minh, niệm sau chẳng tiếp tục tức Phật tánh.

HỎI: Thế nào là “thường chẳng lui”?

ĐÁP: Người ngộ bản tâm gồm cả giới, tu, chứng một đời có thể xong, vĩnh viễn không lui rút. Kẻ nương văn giải nghĩa, tập khí nặng, tâm trôi nổi không gồm tu quán và giữ giới, khi gặp duyên tự lui sụt.

HỎI: Thế nào gọi là Lục độ?

ĐÁP: Đốn ngộ chơn tâm là đầy đủ lục độ.

HỎI: Thế nào ngộ chơn tâm đầy đủ lục độ?

ĐÁP: Nếu ngộ chơn tâm hành lục độ có căn bản, còn mê chơn tâm hành sáu độ như mù. Cớ sao chơn tâm bảo là căn bản? – Chẳng ngộ chơn tâm mà hành bố thí thì một đời được vinh hiển, sau sẽ chịu họa tai. Chẳng ngộ chơn tâm mà trì giới, thì sanh lên cõi trời dục giới, hết phước trở lại rơi vào ngục nê tê. Chẳng ngộ chơn tâm mà hành nhẫn nhục, thì được quả báo đoan chánh, nhưng chẳng chứng tịch diệt. Chẳng ngộ chơn tâm mà tinh tấn, thì luống tăng thêm sự sanh diệt, công phu chẳng đến được lẽ chơn. Chẳng ngộ

chơn tâm mà thiên định, chỉ đi trong cõi trời sắc giới, chớ chẳng về được pháp giới. Chẳng ngộ chơn tâm mà có trí huệ, thì khéo hiểu ngữ nghĩa, tất cả đều thành hữu lậu. Ngộ chơn tâm này thì thành tựu được muôn đức. Mê chơn tâm này thì công hạnh bày ra đều rỗng.

HỎI: Thế nào là giới, định, huệ, ba môn học vô lậu?

ĐÁP: Bên ngoài chẳng tìm có, bên trong chẳng giữ không gọi là giới. Một niệm, chẳng sanh muôn duyên không lặng gọi là định. Khéo hay phân biệt chẳng sanh yêu ghét gọi là huệ. Ba môn vô lậu này là sự học của đại thừa.

HỎI: Thế nào là tam học của tiểu thừa?

ĐÁP: Chỉ chấp nơi thân, đoạn tứ trụ bịnh gọi là giới. Thân hình đồng như cây khô, dứt sự hiển hiện oai nghi gọi là định. Chỉ chứng thiên không mất lý trung đạo gọi là huệ. Cho nên gọi là pháp nghèo (bần pháp), là vui lấp định huệ. Ngài Tịnh Danh quả đó là pháp Tiểu thừa.

HỎI: Người mới phát tâm tập định từ đâu mà vào?

ĐÁP: Kẻ sơ tâm học tam muện, "nên cột tâm vào một duyên", tập lâu được định, chơn huệ tự nhiên phát khởi.

HỎI: Thiền có mấy loại?

ĐÁP: Thiền có năm loại.

HỎI: Năm loại thế nào?

ĐÁP: Một là người khởi kiến chấp khác, thích cõi trên chán cõi dưới mà tu, đấy gọi là thiền ngoại đạo. Hai là người chánh tín nhờn quả cũng lấy tâm hàn yếm (thích chán) mà tu, đó là thiền phàm phu. Ba là người liễu ngộ lý sanh không, nghiêng chứng chơn đạo mà tu, đấy là thiền Tiểu thừa. Bốn là người ngộ được người và pháp đều không hằng trụ ở lý Trung mà tu, đó là thiền đại thừa. Năm là người vượt khỏi những dị kiến, các pháp bình đẳng mà chứng, đấy là thiền Như Lai.

HỎI: Thế nào gọi Như Lai?

ĐÁP: Tịch chiếu không hai gọi là như. Bi nguyện chẳng bỏ gọi là lai. Kẻ phàm phu Lai mà chẳng Như. Tiểu thừa Như mà chẳng Lai. Chỉ có Phật thừa Như mà hay Lai.

HỎI: Thế nào là ba pháp quán: Không, Giả, Trung?

ĐÁP: Phản chiếu tự tâm vốn không chỗ khởi, chỗ khởi vốn không gọi là Không quán. Từ chỗ không khởi mà vọng sanh ra các pháp, các pháp chẳng thật, gọi là giả quán. Không, Giả vốn không chẳng dừng lại hai đầu, toàn thể là chơn tâm, gọi là Trung quán.

HỎI: Thể dụng của chơn tâm phân chia như thế nào?

ĐÁP: Thể của chơn tâm thì minh mang mà không lặng. Dụng của chơn tâm thì rõ ràng giác biết. Minh mang không lặng chẳng đồng với ngoan không, nó lặng mà thường chiếu soi. Rõ ràng giác biết chẳng phải là sự nhiễm trước của thừa, nó chiếu soi mà thường lặng (tịch), lặng và chiếu chẳng hai gọi là chơn tâm.

HỎI: Thế nào là "không nơi chốn, không chỗ nào chẳng nơi chốn" ?

ĐÁP: Chơn tâm thể nó không (rỗng), nên nói không nơi chốn. Thể không ấy biến khắp, nên không chỗ nào chẳng nơi chốn.

HỎI: Chơn tâm biến khắp không chỗ nào chẳng nơi chốn. Tại sao thân biết mà chỗ khác chẳng biết?

ĐÁP: Chơn tâm thể nó rỗng, pháp giới nhưt như, tùy duyên mà khởi hiện, chỗ ứng hợp mới biết.

HỎI: Thế nào bốn đảo của phàm phu?

ĐÁP: Đảo thứ nhất thân chẳng tịnh mà tưởng là tịnh. Đảo thứ hai thọ vốn là khổ mà tưởng là vui. Đảo thứ ba, vọng tâm không thường mà tưởng là thường. Đảo thứ tư, vốn trong vô ngã mà tưởng là ngã. Bốn cái tưởng lộn ngược này là phàm phu chấp có.

HỎI: Thế nào là bốn đảo của nhị thừa?

ĐÁP: Thứ nhưt, thân không (rỗng) vốn tịnh mà khởi tưởng rằng chẳng tịnh. Thứ hai, thọ vốn là chỗ không mà khởi tưởng rằng khổ. Thứ ba, tâm vốn chơn thường mà khởi tưởng là vô thường. Thứ tư, vô ngã tức chơn ngã mà khởi tưởng là vô ngã. Bốn cái tưởng lộn ngược này, hàng nhị thừa rơi vào không.

HỎI: Thế nào là tám cái đảo được thường lạc ngã tịnh?

ĐÁP: Tất cả chúng sanh ở trong sanh tử vọng khởi chấp trước bốn đảo thường lạc ngã tịnh. Hàng nhị thừa ở trong niết bàn vọng cầu giải thoát đoạn bốn đảo. Chư Phật Như Lai xa lìa tám cái đảo, được thường lạc ngã tịnh, chứng bốn ba la mật.

HỎI: Chơn tâm vô phân biệt, nếu là vô phân biệt như đi trong đêm đen, mờ tối chẳng biết?

ĐÁP: Phàm luận về phân biệt có ba loại: một là căn thức mới sanh tùy niệm phân biệt; hai là ý thức liễu biệt kế độ phân biệt; ba là chơn tâm ứng vật, như gương chiếu hình tượng, sáng suốt rõ ràng, giống như có phân biệt.

HỎI: Thầy đã giải bày có ba loại phân biệt. Cái nào là chơn cái nào là vọng?

ĐÁP: Căn thức, ý thức phân biệt đều là vọng. Chơn tâm ứng vật rõ ràng thường biết, tuy giống như phân biệt mà thật thì vô phân biệt.

HỎI: Thân Phật vô hình, dụ như hư không, do đâu lại có tướng sáu căn?

ĐÁP: Ngay nơi tướng để sáng tỏ cái chơn, nào trái với đại dụng? Thăng nghiệp lợi tha chẳng dứt cửa giáo hóa này. Cổ Đức có kệ rằng: “Hư không không tướng, mà hiện các tướng, Pháp thân cũng vậy, đầy đủ sáu căn tướng”.

HỎI: Thế nào là chơn giải thoát?

ĐÁP: Sáu căn chiếu cảnh không bị cảnh trói buộc, tất cả chẳng trụ gọi là chơn giải thoát.

HỎI: Thế nào là hàng ma?

ĐÁP: Từ bi nhẫn nhục với kẻ dưới là hàng thế ma. Nhứt tâm không hai là phục tâm ma. Chẳng dùng diệu thuật linh phương mà bày ma trong, ma ngoài tự lui.

HỎI: Thế nào là Tam như lai tạng?

ĐÁP: Chơn tâm tròn sáng thể nó không tịch gọi là không như lai tạng. Không tạng hay phát khởi hăng sa diệu dụng, gọi là bất không như lai tạng. Thể hay phát dụng, dụng chẳng lìa thể gọi là “không bất không như lai tạng”.

HỎI: Thế nào là tám thức?

ĐÁP: Tám thức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, mạng na và a lại da thức.

HỎI: Xin thầy phân rõ khả năng và tướng dụng của tám thức.

ĐÁP: Thức thứ tám gọi là tâm, gom nhóm những hạt giống của các pháp, rồi nường vào hạt giống ấy làm như sanh ra các pháp. Thức thứ bảy gọi là ý. Ý duyên tàng thức và các thức khác, hăng suy xét nghĩ lường làm ngã. Ngoài ra sáu thức kia gọi là thức. Sáu thức kia phân biệt cảnh thô và động, có gián đoạn, phân biệt rõ ràng và chuyển.

HỎI: Trong kinh Lăng Già, nói rõ về ba loại thức là chơn thức, hiện thức và phân biệt sự thức. Ba loại thức này thế nào xin phân rõ?

ĐÁP: Chơn thức là thức thứ chín, còn có tên khác là bạch tịnh thức. Thức thứ tám là tàng thức, hay hiện ra các pháp (gọi là hiện thức). Ngoài ra bảy thức kia đều gọi là phân biệt sự thức. Tuy rằng thức thứ bảy chẳng duyên cảnh trần bên ngoài mà hay duyên thức thứ tám, nên còn chỗ phân biệt.

HỎI: Thế nào chuyển tám thức thành bốn trí?

ĐÁP: Chuyển năm thức đầu làm thành sở tác trí, chuyển thức thứ sáu làm diệ quan sát trí, chuyển thức thứ bảy làm bình đẳng tánh trí, chuyển thức thứ tám làm đại viên cảnh trí.

HỎI: Thế nào là đại viên cảnh trí?

ĐÁP: Chơn tâm không tịch như gương thường sáng.

HỎI: Thế nào là bình đẳng tánh trí?

ĐÁP: Hay đối với các pháp mà chẳng sanh phân biệt.

HỎI: Thế nào là diệ quan sát trí?

ĐÁP: Hay vào các căn phân biệt mà chẳng nhiễm.

HỎI: Thế nào là thành sở tác trí?

ĐÁP: Năm căn đối cảnh, chính lúc ấy cảm giác khó lạc chẳng xâm nhập.

HỎI: Thế nào là gom bốn trí thành ba thân?

ĐÁP: Thành sở tác trí và diệ quan sát trí gom về hóa thân. Bình đẳng tánh trí gom về báo thân. Đại viên cảnh trí gom về pháp thân.

HỎI: Thế nào là pháp thân?

ĐÁP: Một niệm chẳng sanh, muôn duyên đều không tịch.

HỎI: Thế nào là báo thân?

ĐÁP: Khéo đối với các pháp, tất cả đều bình đẳng.

HỎI: Thế nào là hóa thân?

ĐÁP: Thành tựu được sức bản nguyện, mới ứng ra làm các việc.

HỎI: Kinh Viên Giác nói: "Đại viên cảnh là già lam của ta, thân và tâm đều cư ngụ nơi bình đẳng tánh trí. Do đâu (kinh Viên giác) không chỉ bày thành sở tác trí và diệ quan sát trí"?

ĐÁP: Đại viên cảnh trí là lặng lẽ mà chiếu soi (tịch chiếu). Bình đẳng tánh trí là chiếu soi mà lặng lẽ. Diệ quan và thành sở chỉ cho pháp thân khi hành động trong mê. Dùng diệ quan sát thu mười tám giới. Tất cả trần lao chuyển làm thành sở tác rồi gom về đại viên cảnh.

Kinh Lăng Già nói: "Phật dạy Đại Huệ: một đêm ba thời, thường dùng diệ quan sát trí, khiến trừ sạch hiện lưu thức. sáu căn là thành sở tác trí, như khi bàn tay để ngửa, không nên hỏi rằng bàn tay úp chỗ nào? Cũng như khi băng tan ra thành nước, băng và nước chẳng có sự khác nhau". Trong môn lợi tha, nương vào sức bi nguyện, dùng diệ quan và thành sở mà làm lợi

khấp hàm linh. Cổ Đức nói: “Chúng sanh chẳng biết, nên chấp cái tên của tám thức. Chư Phật chứng đắc nên hay thành được cái dụng của bốn trí”.

Nếu mê muội thì thức thứ tám khởi lên cái tên là báo tàng. Thức thứ bảy được tên là nhiễm ô. Thức thứ sáu khởi lên cái tình biến kế. Tiền ngũ thức chạy theo tướng của căn trần. Nếu ngộ nó thì A-lại-da thành cái thể của viên cảnh, là cái cửa giữ gìn công đức. Mạt na là nguồn gốc của bình diệu đẳng, tánh tự tha chỉ có một. Thức thứ sáu là cái diệu của sự quan sát, hay chuyển vành xe chánh pháp. Tiền ngũ thức là hưng khởi công đức đã làm, rủ theo dấu vết của ứng thân và hóa thân. Nhứt tâm chẳng động, thức trí tự phân, chẳng đổi cái thể của tám thức mà chỉ đổi cái tên của tám thức mà thôi.

HỎI: Người ngộ lý chuyển thức thành trí, kẻ còn trong mê theo thức mà lên xuống. chưa biết tám thức có lớn nhỏ chẳng?

ĐÁP: Thức tâm vi diệu, không thể nghĩ bàn, theo nghiệp thọ thân lớn nhỏ chẳng đồng. Kinh Hiền Thức nói: “Phật bảo Đại Lạc! Như gió không hình không chất, dừng ở trong hang tối, hoặc trong lỗ hờ, gió xuất hiện rất dữ tợn, hoặc làm ngã núi Tu di nát thành bụi nhỏ. Gió vi diệu không hình không chất, thức cũng như vậy”.

HỎI: Lấy gì làm như chìm đắm trong bốn loài sanh sản (tứ sanh)?

ĐÁP: Tinh là như của sự sanh sản bằng thai (thai sanh). Tướng là như của sự sanh sản bằng trứng (noãn sanh). Tình và tướng hợp lại làm như sanh sản từ nơi ẩm ướt (thấp sanh). Tình và tướng lìa là như của hóa sanh. Tất cả sự sanh sản ở trên đều do ý thức tạo nghiệp, rồi tùy nghiệp mà có sự thăng trầm. nếu ý thức đốn không (rỗng suốt một cách mau chóng), thì sự luân hồi vĩnh viễn dứt.

HỎI: Thế nào là ngũ nhãn?

ĐÁP: Bên ngoài chẳng trụ có là nhục nhãn. Bên trong chẳng trụ không là thiện nhãn. Không và có đều dứt là pháp nhãn. Chiếu soi cả hai (không hữu) mà không nhiễm là huệ nhãn. Lìa tất cả tướng là Phật nhãn.

HỎI: Thế nào là lục thông?

ĐÁP: Sáu căn đối cảnh tới lui không chướng ngại là lục thông.

HỎI: Thế nào là Đẳng giác, và thế nào Diệu giác?

ĐÁP: Đẳng giác là tịch và chiếu không hai, các pháp bình đẳng. diệu giác là tịch và chiếu dứt cả hai, thể chơn thường tỏa sáng một mình.

HỎI: Thế nào là biến dịch sanh tử, và thế nào là phần đoạn sanh tử?

ĐÁP: Biến dịch sanh tử là khi bồ tát thành tựu bi nguyện, làm lợi ích cho loài hữu tình. Tuy ở trong sanh tử mà không đồng với phàm phu còn nghiệp hữu lậu thối nhuần. Phần đoạn sanh tử là do vọng tâm của phàm phu tạo ra, niệm niệm đều do đam mê chấp trước, lại thêm phiền não chướng, nên cuốn vào vành xe khổ lớn không lúc dừng nghỉ.

HỎI: Thế nào là “Đều sào trăm trượng phải tiến bước, mười phương thế giới lộ toàn thân”?

ĐÁP: Tâm như lai tạng, vốn từ một tinh minh mà theo trần trôi chảy, phân là sáu công dụng rồi chuyển xoay theo vật, trôi nổi trong sanh tử. Nếu như biết quay về căn trần không giao nhau, trở lại dòng toàn có một. Sáu công dụng chẳng hiện hành thì trạm nhiên thuần tịnh như gương thường sáng. Nếu giữ tâm này có thể gọi là rơi từ trên đánh (đánh đọa), lại có tên là Hãm sâu giải thoát (giải thoát thâm khanh). Đây là cái tri kiến nghiêng về không. Lại phải tiến bước, thì mười phương thế giới mới lộ toàn thân. Đập nát chiếc gương đi, sơn hà đại đại toàn bày pháp thể.

HỎI: Thế nào “Chẳng trụ vô vi, không tận hữu vi”?

ĐÁP: Tuy chứng pháp thân mà chẳng giữ thật tế (chỗ chơn thật), bi nguyện tiếp vật nên tùy loài lợi sanh. Tào Sơn nói: “Chớ đi đường tâm ấy, chẳng mặc áo bản lai, phải thế nào mới đúng? – Tối kỳ lúc chưa sanh” (mặc hành tâm lộ xứ, bất quả bản lai y, hà tu chánh nhậm ma? – Thiết kỳ vi sanh thời). Hàng Đại thừa bồ tát làm lợi ích và dẫn dắt chúng sanh, chẳng dừng ở vô vi mà phương tiện mặc áo nhơ (cấu y), chẳng dứt hữu vi mà đi trong phi đọa, để tùy loài đồng sự, độ thoát cho các loài hữu tình, nên chỉ bày cái nhiệm, tu cái tịnh, thông đạt đến Phật đạo.

HỎI: Thế nào là sám hối chơn thật?

ĐÁP: Người đời tạo đủ bốn tội trọng, mười điều ác, nghiệp nhưn đã cùng cực sẽ đọa vào tam đồ. Chợt sanh lòng hổ thẹn, phát đại dũng mãnh, gần bậc thiện tri thức, đốn ngộ bản tâm, những ác nghiệp từ bao kiếp trước, và những tội lỗi hiện đời, như nước sôi làm chảy tuyết, như lửa cháy củi khô. Nghiệp hết phúc sanh, trí huệ phát hiện, trở lại đem những sở đắc của mình mà chỉ thẳng cho người sau, được đốn ngộ tâm tánh để cùng thành Chánh giác, gặt hái được phúc vô lượng, công đức còn hơn cát sông Hằng.

CHƯƠNG VI DUY TÂM TỊNH ĐỘ

Tăng hỏi: Tông môn (Thiền Tông) dạy tham thiền để minh tâm kiến tánh. Pháp môn Tịnh Độ dạy niệm Phật cầu vãng sanh. Hai pháp môn này độ khắp tất cả chúng sanh. Do đâu hàng học giả bên Thiền Tông lại tự qui "Duy tâm tịnh độ"?

ĐÁP: Tông chỉ của Thiền môn là "Liễu ngộ tự tâm", một niệm tâm tịnh tức Phật độ tịnh, chẳng bàn Đông Tây mà chỉ tự tâm mình thôi.

HỎI: Khai thị thế nào lại không tịnh độ?

ĐÁP: Ông lại chẳng nghe kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu tâm chúng sanh như Phật và niệm Phật, thì hiện giờ và về sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa, chẳng nhờ phương tiện tự được tâm khai". Như có người học, sáu căn đều nhiếp, một niệm thuần chơn, tâm tịnh sáng suốt một mình, tức là hiện tại thấy Phật. Cho nên nói "cách Phật chẳng xa". Kinh nói: "Chẳng nhờ phương tiện, tự được tâm khai". Hai chữ "tâm khai" này có thể hiểu là Duy tâm vậy.

HỎI: Có người niệm Phật khi lâm chung Di Đà tiếp dẫn, việc này không hư ngụy chứ?

ĐÁP: Người niệm Phật như tâm chẳng loạn, chuyên giữ Phật hiệu, thuần chơn không vọng. Như nước lóng trong, trăng Phật tự nhiên. Trăng vốn chẳng đến, như nước trong nên thấy hiện. Khi lâm chung Phật nghinh tiếp là tâm hiện Phật.

HỎI: Nếu là Phật do tự tâm mình hiện, thì bản nguyện của A Di Đà chẳng thật sao?

ĐÁP: Thân Phật trạm nhiên không có đến có đi, niệm Phật cơ cảm, nương nguyện lực của Phật, do tự tâm biến hoá, Phật đến tiếp dẫn, như nước hiện trăng, chẳng có chẳng không. Thế nên biết, sự thật thì chẳng có Phật đến. Tất cả đều do thời cơ, đúng hợp với tịnh nghiệp đã thuần thực thì mắt thấy thân Phật. Như ở đời quả ác sắp thành, tâm hiện ra địa ngục để chịu khổ. Há chẳng nghe người có phước năm gạch thành vàng? Còn kẻ mang nghiệp bần hàn thì biến vàng thành gạch. Cho nên sự thiện ác chỉ có tâm, khổ vui do tâm biến hoá. Những kẻ ô lòng nghi làm sao hiểu được ý chỉ này?

HỎI: Kinh nói: "Qua khỏi mười muôn ức cõi Phật về phương Tây có thế giới của Phật tên là Cực Lạc". Lời nói này là hư, là thật?

ĐÁP: Sự tuy như thế nhưng mà lý vốn ở trước mắt. Chẳng làm mười nghiệp ác, thẳng vượt mười vạn ức. Ba nghiệp thanh tịnh cực lạc ở trước mắt.

HỎI: Cảnh Thánh nơi Tây phương nào là vàng bạc trải khắp mặt đất, lầu gác bao lớn, trang sức đẹp đẽ bằng bảy báu, hoa sen năm màu, nước tám công đức, chim lạ nhà xương, cây báu diễn pháp, sự ăn mặc nhà cửa, tùy ý hoá thành, tất cả nhân dân được niềm vui lớn. Như những điều thù thắng và kỳ lạ này quả thực có vậy.

ĐÁP: Phật lúc tu như, hành đạo Bồ tát, phát nguyện lực lớn, thành tựu chúng sinh, không sao tính hết sự nhọc nhằn, làm lợi ích nhiều cho mọi loài. Trải qua bao kiếp xa, rộng tu phúc huệ, công đức tròn đầy chứng vào Phật vị. Kẻ học đời sau thành tín niệm Phật, nương vào bi nguyện của Phật lạng niệm hợp cơ, tâm hiện cảnh thù thắng, chẳng phải từ ngoài đến.

HỎI: Cảnh Thánh ở Tây phương vốn từ tâm mình hiện như vậy việc vắng sanh thực có lý này hay không?

ĐÁP: Sanh, nhất định là có sanh. Đi, vốn không đi (vốn vô khứ).

HỎI: Thế nào là sanh, nhất định có sanh, đi vốn không đi?

ĐÁP: Sanh ấy là niệm sanh, tâm hiện ra nước Phật. Đi ấy là không đi, vì tánh vốn chẳng động.

HỎI: Tôi thấy người niệm Phật, dự biết được lúc đến, ngồi thoát đứng chết, mùi hương lạ đầy nhà. Việc này đâu phải là tâm hiện?

ĐÁP: Trời Đế Thích chẳng tu nghiệp trời, cung điện làm sao mà theo bên mình được? Vua chuyển luân không gieo như vua, thất bảo không do đâu mà tu tập. Người niệm Phật, tịnh nghiệp thuần thực, cảm được thắng duyên bên ngoài, do tâm biến hiện.

HỎI: Phật và Tâm không hai, ngoài tâm không Phật. Tại sao lại lập pháp môn niệm Phật?

ĐÁP: Chỉ vì chúng sanh căn cơ bậc trung bậc hạ, chẳng tin tự tâm mình là Phật, nên phương tiện khiến niệm Phật tu quán, cột tâm vào một duyên, niệm lạng thuần chơn, thì tự tâm Phật hiện, hợp nhất với ánh sáng của Phật. Nếu là bậc Thượng trí chẳng hướng bên ngoài mà cầu, mà quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy.

HỎI: Pháp môn tịnh độ khẳng định là có hay là không?

ĐÁP: Nếu nói là không, thì thế giới cực lạc, Di Đà thuyết pháp, nhiếp thọ chúng sanh. Điều này từ kim khẩu của Phật Thích Ca truyền ra, chư Tổ từ Ấn độ đến Trung Hoa đều xiển dương là sao? Nếu nói là có, thì pháp thân chư Phật thể như thái hư, chẳng có chẳng không. Tự tâm của chúng sanh xưa nay là không tịch, đồng một thể với Phật, không thiếu cũng không thừa, là sao? Phải ngộ được lý sự vi diệu mới có thể phân biệt được tịnh và uế.

HỎI: Lại có những tăng sĩ và cư sĩ niệm Phật một đời, khi lâm chung không Phật đến tiếp dẫn là sao?

ĐÁP: Bản tâm của chúng sanh đồng một thể với Phật, miêng tuy niệm Phật mà tâm ý tán loạn, như nước dơ động, nên ánh trăng không đứng, chớ chẳng phải trăng không đến ấy là do nước không lặng. Nếu một niệm thuần chơn thì tâm Phật tự hiện, dụ như nước đứng trăng hiện, thể nên biết, chẳng phải từ bên ngoài vào. Nếu ngộ lý này, lý Duy tâm chẳng lầm.

HỎI: Ngài đã khai thị tâm yếu như thế, thì tham thiền và niệm Phật không hai?

ĐÁP: Vốn không hai lý.

HỎI: Thế nào là lý không hai?

ĐÁP: Tham thiền cốt yếu phải như mèo bắt chuột. Niệm Phật quyết phải nhứt tâm bất loạn. Nếu nhứt tâm chẳng loạn, dù bỏ tham thiền cũng lo gì chẳng ngộ?

Nếu như mèo bắt chuột dù bỏ niệm Phật, tâm Phật cũng tự hiện. Cổ Đức có kệ rằng:

*Tham thiền niệm Phật bốn lai đồng,
Khán phá phân minh tổng thị không.
Công đáo tự nhiên toàn thể hiện,
Xuân lai y cứu bách hoa hồng.*

DỊCH:

*Tham thiền niệm Phật lý vốn đồng,
Rõ ràng xem kỹ thả đều không,
Công đến tự nhiên toàn thể hiện,
Xuân về như trước trăm hoa hồng.*

CHƯƠNG VII NĂM TỔNG PHÁI THIỀN

Tăng hỏi: Ngài Đạt Ma từ Ấn sang “chỉ thẳng nhứt tâm”. Do đâu từ đời Lục Tổ về sau lại chia làm năm phái? Mỗi nhà riêng lập môn đình và bày ra những tướng lạ sai khác nhau?

ĐÁP: Như vàng làm ra đồ vật, mỗi vật đều là vàng. Giống như lửa chia các đèn, nhưng mỗi đèn đều là lửa. Tuy cành sung lá thanh nhưng mà rễ nó vốn một thể. nếu mắt trí rỗng sáng thì tự nhiên rõ pháp không hai.

1- TỔNG LÂM TẾ

HỎI: Chủ trương Tông Lâm Tế như thế nào?

ĐÁP:

Lâm Tế gia phong
Bạch niêm thủ đoạn
Thí như sơn băng
Cơ tợ điện quyện
Xích thủ sát nhờn
Độc chưởng truy mạng
Bổng hát giao tri
Chiếu dụng tề hành
Tân chủ lịch nhiên
Nhơn cảnh tung đoạt
Nhứt thiết sai biệt danh tướng
Bất ly hướng thượng nhứt trú.

DỊCH:

Thối nhà Lâm Tế
Năm rỗ thủ đoạn
Thí như núi lở
Cơ như điện chớp
Tay không giết người
Tay độc tìm mạng
Gậy, hét lẫn dùng
Chiếu dụng đều hành
Chủ khách rõ ràng
Người cảnh đều đẹp
Tất cả danh tướng sai khác
Không lìa một lối hướng thượng.

HỎI: Thế nào là tám loại gậy? (bát bổng)

ĐÁP: Gậy thưởng, gậy phạt, gậy tung, gậy đoạt, gậy ngu si, gậy hàng ma, gậy tảo tích, gậy vô tình.

HỎI: Thế nào là gậy thưởng?

ĐÁP: Khi người học hỏi một câu, lời rất thân thiết và khế hợp với Đạo, Sư liền đánh, gọi là gậy thưởng.

HỎI: Thế nào là gậy phạt?

ĐÁP: Khi người học cùng thầy hỏi đáp, tùy ý nói loạn, xúc phạm người, Sư liền đánh, gọi là gậy phạt.

HỎI: Thế nào là gậy tung?

ĐÁP: Người học được "một biết nửa hiểu" nói một câu, có một chút tương ứng. Sư liền đánh, gọi là gậy tung.

HỎI: Thế nào là gậy đoạt?

ĐÁP: Người học bị "Tạp độc nhập tâm", nói câu hợp đầu (có vẻ phù hợp), cho là đặc ý. Sư liền đánh, gọi là gậy đoạt.

HỎI: Thế nào là gậy ngu si?

ĐÁP: Người học chủ khách không phân, tà chánh không rõ, mở miệng nói bướng. Sư liền đánh gọi là gậy ngu si.

HỎI: Thế nào là gậy hàng ma?

ĐÁP: Người học nhận cảnh giới ma, nói lời ma quỷ điên cuồng cho là chứng đạo. Sư liền đánh mạnh, gọi là gậy hàng ma.

HỎI: Thế nào là gậy tảo tích? (quét dấu vết)

ĐÁP: Người học chẳng rơi vào phạm tình mà kẹt vào Thánh giải, chẳng lìa hang ổ. Sư liền đánh gọi là gậy tảo tích.

HỎI: Thế nào là gậy vô tình?

ĐÁP: Nói phải cũng đánh, nói chẳng phải cũng đánh, mở miệng cũng đánh, không mở miệng cũng đánh, tất cả đều chẳng còn, gọi là gậy vô tình.

HỎI: Dưới gậy chuyển thân được đạo lý gì?

ĐÁP: Bữa nay đầu một gậy toàn thân rơi thoát, ý thức tan tành, chơn thường bày bộ một mình. Hàng lợi cơ thì chuyển thân, kẻ căn độn thì điếm trán. Vừa trải qua sự suy nghĩ liền thành một loạt ma mị.

HỎI: Thế nào là bốn loại hét? (tứ hát)

ĐÁP: Một hét như bảo kiếm vua Kim Cang. Một hét như Sư tử ngòi. Một hét như cây sào dò bóng cỏ. Một hét mà không có công dụng của hét.

HỎI: Thế nào là bảo kiếm vua Kim Cang?

ĐÁP: Hay chém ý thức, tình phạm thánh đều hết, lẽ chơn thường riêng chiếu.

HỎI: Thế nào là Sư tử ngòi?

ĐÁP: Hai kiến chấp đoạn thường cùng tất cả tham lậu. Ngòi rống một tiếng làm cho ngói bể băng tiêu.

HỎI: Thế nào là cây sào dò bóng cỏ?

ĐÁP: Như gương chiếu hình tượng đẹp xấu, chơn ngụy, tự nhiên bày mặt thật.

HỎI: Thế nào là không công dụng của tiếng hét?

ĐÁP: Ý thức vừa khởi động, một tiếng hét làm cho tan nát. Chuyển tìm lại tiếng hét, tiếng hét cũng chẳng dùng.

HỎI: Dưới tiếng hét lãnh ngộ, được ý chỉ gì?

ĐÁP: Ra oai một tiếng chẳng có chẳng không, khởi vốn không khởi, rơi vốn không rơi, hội được như vậy, gượng gọi là chánh giác.

HỎI: Thế nào là bốn loại chiếu dụng?

ĐÁP: Một, trước chiếu sau dụng. Hai, trước dụng sau chiếu. Ba, chiếu dụng đồng thời. Bốn, chiếu dụng chẳng đồng thời.

HỎI: Thế nào là trước chiếu sau dụng?

ĐÁP: Trong tự chứng phần dùng trí ứng vật, dùng trí huệ phân biệt tà chánh. Trước bảo: "Nói mua!" đợi suy nghĩ liền hét.

HỎI: Thế nào là trước dụng sau chiếu?

ĐÁP: Trong tự chứng phần. Trước dùng huệ phân biệt, sau dùng trí dứt hết. Trước dựng một ngón tay. Lại hỏi: Hội không?

HỎI: Thế nào là chiếu dụng đồng thời?

ĐÁP: Trong tự chứng phần, trí chẳng lìa huệ, huệ chẳng lìa trí. Đánh cho một gậy hỏi: Lại biết đau nhức chẳng?

HỎI: Thế nào là chiếu dụng chẳng đồng?

ĐÁP: Trong tự chứng phần, trí là trí giám, huệ là huệ dụng. Sự yên lặng giây lâu. Tăng suy nghĩ, Sư bèn về phương trượng.

HỎI: Thế nào là bốn loại chủ khách?

ĐÁP: Một là khách trong khách. Hai là chủ trong khách. Ba là khách trong chủ. Bốn là chủ trong chủ.

HỎI: Thế nào là khách trong khách?

ĐÁP: Hướng vào sự, trái lại với lý, tự mê muội bản chơn.

HỎI: Thế nào là chủ trong khách?

ĐÁP: Sự chẳng lìa lý, nhiệm vận toàn chơn.

HỎI: Thế nào là khách trong chủ?

ĐÁP: Lý hay thành sự, chẳng rơi vào thiên không.

HỎI: Thế nào là chủ trong chủ?

ĐÁP: Lý hay thành sự, chẳng rơi vào thiên không.

HỎI: Thế nào là chủ trong chủ?

ĐÁP: Bỏ sự hướng lý, chỉ nhắm vào bốn chơn.

HỎI: Thế nào là chủ khách gặp nhau, phân biệt chánh tà?

ĐÁP: Thầy cùng người học, thêm một lớp khóa vàng. Người học khen thiện gọi là "khách xem khách". Nếu làm thầy người mắt mình chẳng trong, bị người hiểu khinh lờn, gọi là "khách xem chủ", mắt thầy trong sáng hay cướp món ăn của người đói, cùng nhổ gốc bệnh cho người, gọi là "chủ xem khách". Thầy nghiệm xét người, người học bám cảnh chủ bày vẽ, mà khách bất động, gọi là "chủ xem chủ".

HỎI: Thế nào là bốn liệu giảng?

ĐÁP: Một là đoạt nhơn chẳng đoạt cảnh. Hai là đoạt cảnh chẳng đoạt nhơn. Ba là nhơn cảnh đoạt cả hai. Bốn là nhơn cảnh đều chẳng đoạt.

HỎI: Thế nào là đoạt nhơn chẳng đoạt cảnh?

ĐÁP: Chỉ tự tâm mình không (rỗng) ngại gì ngoại cảnh? Kẻ hạ căn bậc hạ đến, đoạt pháp chẳng đoạt cảnh.

HỎI: Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt nhơn?

ĐÁP: Chẳng trụ vào cảnh bên ngoài, chỉ tâm chiếu soi một mình. Kẻ hạ căn bậc trung đến, đoạt cảnh chẳng đoạt pháp.

HỎI: Thế nào là nhơn cảnh đoạt cả hai?

ĐÁP: Tâm và cảnh đều không (rỗng), thì vọng từ đâu mà có? Hàng trung căn bậc thượng đến, cảnh, pháp, nhơn đều đoạt.

HỎI: Thế nào là nhơn cảnh đều chẳng đoạt?

ĐÁP: Tâm tự trụ tâm, cảnh tự trụ cảnh. Hàng thượng căn bậc thượng đến, cảnh pháp đều chẳng đoạt.

HỎI: Thế nào câu thứ nhất tiến được kham cùng Phật, Tổ làm Thầy?

ĐÁP: Một niệm chẳng sanh, muôn duyên đều không lặng.

HỎI: Thế nào là câu thứ hai tiến được kham cùng người trời làm thầy?

ĐÁP: Một niệm do duyên mà khởi lên, chẳng tiếp tục hai niệm.

HỎI: Thế nào là câu thứ ba tiến được tự cứu chẳng xong?

ĐÁP: Niệm phân biệt vừa sanh khởi, tánh tròn sáng tự mờ.

HỎI: Thế nào là đệ nhất huyền?

ĐÁP: Bản tánh không lặng.

HỎI: Thế nào là đệ nhị huyền?

ĐÁP: Chơn trí lặng lẽ mà chiếu soi.

HỎI: Thế nào là đệ tam huyền?

ĐÁP: Diệu dụng không ngại.

HỎI: Thế nào là thể trung huyền, cú trung huyền, huyền trung huyền?

ĐÁP: Thể trung huyền là bản tánh không lạng. Cú trung huyền là trong lời mà không lời. Huyền trung huyền là vượt ngoài mọi suy nghĩ.

HỎI: Thế nào là đệ nhất yếu?

ĐÁP: Chơn thể dứt tuyệt dấu vết.

HỎI: Thế nào là đệ nhị yếu?

ĐÁP: Dụng lớn khôn ngăn.

HỎI: Thế nào đệ tam yếu?

ĐÁP: Một bên cùng ở giữa đều chẳng lập.

HỎI: Thế nào là mười trí đồng chơn?

ĐÁP: Sư ra oai hét một tiếng, hỏi rằng: "đấy là trí thứ mấy"?

HỎI: Thế nào là đồng nhất chất?

ĐÁP: Tất cả sum la vạn tượng do sự ấn định của một pháp.

HỎI: Hai, thế nào là đồng đại sự?

ĐÁP: Trong ánh sáng của tịch chiếu không thiếu cũng không thừa.

HỎI: Ba, thế nào là tổng đồng tham?

ĐÁP: Loài hữu tình, loài vô tình đều đồng một pháp giới.

HỎI: Bốn, thế nào là đồng chơn trí?

ĐÁP: Các pháp đều bình đẳng, vật và ngã đều nhất như.

HỎI: Năm, thế nào là đồng biến phổ?

ĐÁP: Lớn thì bao trùm pháp giới, nhỏ thì chẳng chứa mũi kim.

HỎI: Sáu, thế nào là đồng cụ túc?

ĐÁP: Trăm ngàn pháp môn chẳng lìa tắc vuông.

HỎI: Bảy, thế nào là đồng đặc thất?

ĐÁP: Nơi thánh chẳng được, ở phàm chẳng mất.

HỎI: Tám, thế nào là đồng sanh sát?

ĐÁP: Rải ra muôn vật đều phát sanh. Thu vào thì lấp cảnh bít hang.

HỎI: Chín, thế nào là đồng âm hậu?

ĐÁP: Nói khéo hay nói dụng đều trở về đệ nhứt nghĩa.

HỎI: Mười, thế nào là đồng đặc nhập?

ĐÁP: Muôn pháp nhứt tâm, đồng trở về bất nhị, tiếp theo đó, ngài xè hai tay ra nói: "Một trí này cùng cái mâm kia bưng ra".

HỎI: Thế nào là đệ nhứt quyết của Phần Dương?

ĐÁP: Tánh thể vốn lặng.

HỎI: Thế nào là đệ nhị quyết?

ĐÁP: Trí dụng riêng chiếu.

HỎI: Thế nào là đệ tam quyết?

ĐÁP: Tịch chiếu không hai.

HỎI: Thế nào là cứu đái của Phù Sơn?

ĐÁP: Đái là cột, bó lại, nghĩa là bao gồm.

HỎI: Thế nào là "Chánh pháp nhãn tạng đái"?

ĐÁP: Pháp hội Linh Sơn, Phật chưa nói một chữ, cuối cùng Phật đưa cành hoa, ngài Ca Diếp nhận gánh vác.

HỎI: Thế nào là "Phật pháp Tạng đái"?

ĐÁP: Ba Tạng giáo điển cùng năm Tông phái Thiên đều phát xuất từ nhứt tâm.

HỎI: Thế nào là lý quán đái?

ĐÁP: Không kiếp trở về trước, mượn gọi là chánh vị.

HỎI: Thế nào là lý quán đái?

ĐÁP: Không kiếp trở về trước, mượn gọi là chánh vị.

HỎI: Thế nào là "Sự quán đái"?

ĐÁP: Theo dòng đời được lẽ diệu, ứng với muôn vật mà được toàn chơn.

HỎI: Thế nào là "Lý sự tung hoành đái"?

ĐÁP: Tùy duyên mà không hề biến đổi, chẳng biến đổi mà tùy duyên.

HỎI: Thế nào là "Khuất phục thùý đái"?

ĐÁP: Chẳng trụ vô vi, chẳng bỏ hết hữu vi. Đi trong phi Đạo, mà thông đạt Phật đạo.

HỎI: Thế nào là "Diệu hiệp kiêm đái"?

ĐÁP: Đại dụng hiện tiền, chẳng câu chấp nơi tiểu tiết, muôn sự muôn vật đều là diệu trí.

HỎI: Thế nào là “kim châm song tủa đáí”?

ĐÁP: Mở mang Phật sự mà chẳng nhờ tạo tác. Bàn tay tín đưa lại, chẳng ràng chẳng buộc.

HỎI: Thế nào là “Bình hoài thường nhật đáí”?

ĐÁP: Không thành có thể cầu, không phàm có thể xả. Một tâm thản nhiên lặng lẽ tự hết. Dựng một ngón tay lên nói: “Một đáí này xem mặt trình nhau”.

2- TÀO ĐỘNG TÔNG

HỎI: Chủ trương của Tông Đào Động như thế nào?

ĐÁP:

Tào Động gia phong
Đạo khu miên mật
Ứng cơ tiếp vật
Ngũ kị thập thành
Kim châm song tủa
Ngọc tuyến ám xuyên
Chánh thiên hồi hồ
Ngũ vị công huân
Nội ngoại thiệu đẳng
Tam chủng sấm lậu
Nhứt thiếu sai biệt
Bất ly bốn phận.

DỊCH:

Thói nhà Tào Động
Then đạo khít khao
Ứng cơ tiếp vận
Lời kiên mười thành
Kim vàng đều khóa
Chỉ ngọc thăm may
Chánh thiên hồi hồ
Năm vị công huân
Trong ngoài tiếp nối
Ba loại sấm lậu
Hết thảy sai biệt
Chẳng lìa bốn phận.

HỎI: Thế nào là chánh trung thiên?

ĐÁP: Lý hay thành sự.

HỎI: Thế nào là thiên chung chánh?

ĐÁP: Sự chẳng lìa lý.

HỎI: Thế nào là chánh trung lai?

ĐÁP: Lý vốn không tịch.

HỎI: Thế nào là thiên trung chí?

ĐÁP: Sự, dụng không dấu vết.

HỎI: Thế nào là kim trung đao?

ĐÁP: Sự lý đều mất.

HỎI: Năm vị công huân như thế nào?

ĐÁP: Năm vị công huân là: Hưởng, phụng, công, cộng công, công công.

HỎI: Thế nào là Hưởng?

ĐÁP: Hưởng đến việc này, không cho gián đoạn.

HỎI: Thế nào là Phụng?

ĐÁP: Như kính bậc trưởng thượng, thừa sự phụng hành không lúc nào dừng.

HỎI: Thế nào là Công?

ĐÁP: Có dụng hay không dụng đều gọi là công huân cả.

HỎI: Thế nào là Cộng Công?

ĐÁP: Khi dụng thì không dụng, không dụng tức là dụng.

HỎI: Thế nào là Công Công?

ĐÁP: Đã không công dụng được đại giải thoát.

HỎI: Thế nào là chuyển công tựu vị?

ĐÁP: Dụng chẳng lìa thể.

HỎI: Thế nào là chuyển vị tựu công?

ĐÁP: Thể hay phát dụng.

HỎI: Thế nào là Công vị tề thi?

ĐÁP: Thể Dụng đều bày.

HỎI: Thế nào là Công vị câu ẩn ?

ĐÁP: Thể dụng đều mất.

HỎI: Thế nào là "Đản sanh Vương tử" ?

ĐÁP: Căn bản đại trí vốn tự hiện thành.

HỎI: Thế nào là "Triêu sanh Vương tử" ?

ĐÁP: Không nhờ tu chứng, thế nào là về gốc?

HỎI: Thế nào là "Mạt sanh Vương tử" ?

ĐÁP: Có tu có chứng chẳng phạm công huân.

HỎI: Thế nào là "Hóa sanh Vương tử" ?

ĐÁP: Đại dụng hiện tiền ai dám đương đầu?

HỎI: Thế nào là "Nội sanh vương tử" ?

ĐÁP: Đạt bốn hoàn nguyên chơn như pháp giới.

HỎI: Thế nào gọi là ba thứ đọa?

ĐÁP: Một là mang lông đội sừng, gọi là loại đọa. Hai là chẳng đoạn thính sắc, gọi là tùy đọa. Ba là chẳng thọ thực, gọi tên quý đọa.

HỎI: Thế nào là mang lông đội sừng

ĐÁP: Chẳng mặc áo bốn lai, cần đi trong dị loại.

HỎI: Thế nào là chẳng đoạn thính sắc?

ĐÁP: Sáu trần không chán, về đồng chánh giác.

HỎI: Thế nào là chẳng thọ thực?

ĐÁP: Lý còn chẳng giữ việc khác ra gì?

HỎI: Thế nào gọi là "ba loại sấm lậu" ?

ĐÁP: Một là kiến sấm lậu, hai là tình sấm lậu, ba là ngữ sấm lậu

HỎI: Thế nào là kiến sấm lậu?

ĐÁP: Không đổi chánh vị, rơi tại một sắc.

HỎI: Thế nào là tình sấm lậu?

ĐÁP: Mặc kẹt hai bên, sóng thức trôi đi.

HỎI: Thế nào là ngữ sấm lậu?

ĐÁP: Thế diuêu chẳng tròn, thốt ra lời ám muội.

HỎI: Thế nào là ba đường tiếp người?

ĐÁP: Điều đạo, huyền lồ, triển thủ.

HỎI: Thế nào là điều đạo (đường chim) ?

ĐÁP: Hư không, không vui không giận.

HỎI: Thế nào là huyền lộ?

ĐÁP: Chữ bát thiếu hai phết. (không chữ)

HỎI: Thế nào là triển thủ?

ĐÁP: Chữ nhứt hai đầu rữ. (thành chữ công)

HỎI: Thế nào là chánh vị nhứt sắc?

ĐÁP: Diệu thể vô hình.

HỎI: Thế nào là Đại công nhứt sắc?

ĐÁP: Dụng lớn không ngăn.

HỎI: Thế nào là trí công minh vị?

ĐÁP: Sóng vốn là nước.

HỎI: Thế nào là tá vị minh công?

ĐÁP: Nước hay dậy sóng.

HỎI: Thế nào là tá tá bất tá tá?

ĐÁP: Sóng và nước chẳng hai.

HỎI: Thế nào là toàn siêu bất tá tá?

ĐÁP: Sóng và nước đều trong lặng.

3- TÔNG VÂN MÔN

HỎI: Chủ trương của Tông Vân Môn như thế nào?

ĐÁP:

Vân Môn gia phong
Cô nguy tỉnh tuấn
Cách ngoại đề tề
Tiểu trừ tình kiến.
Tm cú quan kiện
Nhứt tự cơ phong
Bắc đầu tàng thân
Kim phong thể lộ.
Trụ trượng bột khiêu
Phật tổ thoát hậu.
Trản tử thuyết pháp
Ma ngoại tìm hình
Nhứt thiết ngữ ngôn
Tổng qui hướng thượng.

DỊCH:

Thối nhà Vân Môn
Cô nguy cao vót
Nêu lên dáng ngoài
Cắt trừ tình kiến.
Ba câu khóa cửa
Một chữ mũi nhọn
Bắc Đẩu ẩn thân
Gió vàng thể lộ.
Cầm trượng nháy vọt
Phật Tổ lui sau.
Trần tử nói pháp
Ma ngoại ẩn hình
Hết thầy ngôn ngữ
Gồm về hưởng thụ.

HỎI: Thế nào là câu "bao trùm càn khôn" (hàm cái càn khôn cú) ?

ĐÁP: Bao trùm thái hư, ngang suốt ba mé.

HỎI: Thế nào là câu "Cắt đứt các dòng" (tiết đoạn chúng lưu cú) ?

ĐÁP: Một niệm chẳng sanh, muôn pháp tự dứt.

HỎI: Thế nào là câu "theo nước đuổi sóng" (tùy ba trục lãng cú) ?

ĐÁP: Theo dòng được diệu, ứng vật toàn chơn.

HỎI: Thế nào là nhứt tự quan (cửa một chữ) ?

ĐÁP: Vượt ngoài sự suy nghĩ, chẳng rơi vào hang ổ.

HỎI: Thế nào là Tông Đề Bà?

ĐÁP: Hiện bày trâu trắng, đông xúc tây chạm.

HỎI: Thế nào là suy mao kiếm?

ĐÁP: Muôn sự muôn vật, gói bẻ bằng tiêu.

HỎI: Ý Tổ, ý kinh là đồng hay khác?

ĐÁP: Chạm chẳng được mà trái chẳng xong.

HỎI: Thế nào là "Bắc đẩu lý tàng thân" ?

ĐÁP: Không dấu vết.

HỎI: Thế nào là "Thể lộ gió vàng" (thể lộ kim phong) ?

ĐÁP: Toàn thân hiện.

4- TÔNG QUI NGƯỠNG

HỎI: Chủ trương Tông Qui Ngưỡng thế nào?

ĐÁP:

Qui ngưỡng gia phong
Cơ dụng viên dung
Thết trung nghiêm nhơn
Cú năng hãm hổ.
Viên tướng sai biệt
Minh lai ám hợp
Cảnh xuất tam sanh
Lưỡng khẩu nhứt thiệt.
Phụ tử hòa xướng
Đạo truyền thiên cổ.

DỊCH:

Thói nhà Qui Ngưỡng
Cơ dụng viên dung
Trong thết nghiêm người
Câu hay hãm hổ.
Tướng tròn sai khác
Sáng đến hợp tối
Gương hiện ba sanh
Một lưỡi hai miệng.
Cha con đồng xướng
Đạo truyền thiên cổ.

HỎI: Thế nào gọi là ba loại sanh?

ĐÁP: Ba loại sanh là tướng sanh, tướng sanh và lưu chú sanh.

HỎI: Thế nào là tướng sanh?

ĐÁP: Ý thức bên trong.

HỎI: Thế nào là tướng sanh?

ĐÁP: TRần cảnh bên ngoài.

HỎI: Thế nào là lưu chú sanh?

ĐÁP: Không gián đoạ.

HỎI: Sao gọi là mật nghĩa của viên tướng (tướng tròn).

ĐÁP: Mật nghĩa của viên tướng có sáu loại: một là viên tướng, hai là ám cơ, ba là nghĩa hải, bốn là tự hải, năm là ý hải, sáu là mặc luận.

HỎI: Lấy già làm thế?

ĐÁP: Vẽ một hình tròn (O) đấy là thế

HỎI: Lấy gì làm dụng?

ĐÁP: Vẽ một hình tròn giữa có một đường thẳng từ trên xuống dưới, đấy là dụng.

HỎI: Lấy gì làm trí?

ĐÁP: Vẽ một hình tròn ở giữa có chữ sơn, đấy là trí.

HỎI: Trong tướng tròn viết chữ Ngưu, chữ Phật, chữ Nhơn, chữ Tư, chữ Thập, chữ Vạn, một điểm, một nét, bán nguyệt, khuyết nguyệt ... chẳng nhứt định, đấy là ý chỉ gì?

ĐÁP: Đưa tay tiếp người, nêu rõ hay ngậm, chẳng lìa thể dụng, lý sự chủ khách, sanh sát, buông hay nắm, quyền thật, ẩn hiện, đồng dị, tổng biệt, ngậm ẩn bản tâm. Đấy gọi là một nghĩa của Tam muội ẩn thân. Phải là người thật tỏ ngộ mới hiểu suốt được cơ này. Bọn môn đồ của nghĩa giải khó hiểu được liền.

HỎI: Thế nào là "mở mắt ngược nhìn" (bình phục mục ngưỡng thị)?

ĐÁP: Chạm chẳng được mà trái chẳng xong.

HỎI: Thế nào là một lưỡi hai miệng?

ĐÁP: Chẳng được có lời cũng chẳng được không lời.

HỎI: Thế nào là trước nhiên đặng (nhiên đặng tiền)?

ĐÁP: Thế tịch.

HỎI: Thế nào là chánh nhiên đặng?

ĐÁP: Tịch chiếu (lặng lẽ và chiếu soi).

5- TÔNG PHÁP NHÃN

HỎI: Chủ trương của Tông Pháp Nhãn thế nào?

ĐÁP:

Pháp Nhãn gia phong
Đối chứng thí dược
Thùy cơ tức lợi
Tảo trừ tình giải.
Lục tướng nghĩa môn
Hội qui tánh địa
Vạn tượng chi trung
Toàn thân độc lộ.
Tam giới duy tâm
Vạn pháp duy thức

Trực siêu dị kiến
Viên dung chơn tế.

DỊCH:

Thối nhà Pháp Nhãn,
Đổi bịnh cho thuốc
Phương tiện bén nhạy
Quét sạch tình giải.
Sáu tướng nghĩa môn
Gom về tánh địa
Ở trong muôn tượng
Toàn thân một đường.
Ba cõi duy tâm
Muôn pháp duy thức
Vượt thẳng dị kiến
Chơn hòa chơn tế.

HỎI: Thế nào là sáu tướng nghĩa?

ĐÁP: Sáu tướng nghĩa là: Tổng, biệt, đồng, dị, thành, hoại.

HỎI: Thế nào là Tổng?

ĐÁP: Nhứt tâm chơn như gồm nhiếp các pháp.

HỎI: Thế nào là biệt?

ĐÁP: Tâm sanh các pháp, nhưng các pháp không phải một.

HỎI: Thế nào là đồng?

ĐÁP: Pháp do tâm sanh, tâm pháp không hai.

HỎI: Thế nào là dị?

ĐÁP: Pháp là pháp tướng, tâm là tâm lý.

HỎI: Thế nào là thành?

ĐÁP: Tâm sanh các pháp, pháp hay thành sự.

HỎI: Thế nào là hoại?

ĐÁP: Gom pháp về tâm, tâm không (rỗng) pháp mật.

HỎI: Tứ liệu giản của Thiệu Quốc Sư như thế nào?

ĐÁP: Tứ liệu giản của Thiệu Quốc Sư là: Văn văn, văn bất văn, bất văn văn, bất văn bất văn.

HỎI: Thế nào là văn văn?

ĐÁP: Lặng lẽ (tịch) nhưng mà thường hay chiếu soi (chiếu).

HỎI: Thế nào là văn bất văn ?

ĐÁP: Chiếu soi nhưng mà thường lặng lẽ.

HỎI: Thế nào là bất văn văn?

ĐÁP: Tịch chiếu không hai.

HỎI: Thế nào là bất văn bất văn?

ĐÁP: Tịch chiếu đều mất.

Sư nói thêm: Giáo ngoại biệt truyền, Tông chỉ hướng thượng, quả như vậy ư? Nếu chỉ như thế có thể gọi là khẩu truyền, có gì kỳ đặc? Còn nếu chẳng như thế lại làm sao sanh? Hãy tham!

CHƯƠNG VIII MƯỜI LOẠI MA LÀM LOẠN CHÁNH ĐỊNH

Sư nói: Ngộ đạo tu thiền chẳng phải là việc nhỏ. Những loại ma trong, ma ngoài làm nhiễu loạn chánh định, một chút không chủ tể, liền tham trước cảnh ái, do cảnh kích động mà rơi vào lưới ma. Vốn là nhơn lành mà trở lại phải chuốc quả ác. Kẻ sơ học đời sau hãy cẩn thận và đề phòng vậy.

Tôi xin nêu ra mười điều đã biện biệt về nghĩa ma. Tự soi tự xét về thiên ma và tâm ma. Dùng huệ quán chiếu tiêu diệt ma nghiệp. Tâm cấu nếu tịnh các chướng tự nhiên dứt, sợ gì thiên ma nào dám loạn chánh? Nay đem mười loại ma và thuật rõ ràng ở sau: một là ma túc oan, hai là ma ngoại hoặc, ba là ma phiền não, bốn là ma sở tri, năm là ma tà kiến, sáu là ma vọng tưởng, bảy là ma khẩu nghiệp, tám là ma bệnh khổ, chín là ma hôn trầm, mười là thiên ma. Mười loại ma chướng này hay làm nhiễu loạn người tu hành chơn chánh. Người ngộ đạo nên thận trọng đó.

HỎI: Thế nào là ma túc oan?

ĐÁP: Ma túc oan gọi là nghiệp chướng. Từ những kiếp lâu xa cho đến đời này, sanh ra trong kiếp phàm phu, bất trung bất hiếu, bất nhơn bất nghĩa. Sát sanh trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ, tham lam, giận dữ và si ái. Kết nhiều oan gia, ngày nay gặp gỡ, muốn học đạo lớn bị chúng xâm nhiễu chẳng an, hay làm chướng việc thánh, chẳng được thành tựu. Phải sanh tâm quý chí thành sám hối, tha thiết cầu tam bảo buông sức thần gia hộ. Tất cả những nghiệp từ trước tự tiêu tự diệt, tất cả oan gia tự lui hay tan mất, mau được vô lậu, chóng làm lợi khắp chúng sanh, mau được vô lậu, chóng chứng bồ đề. Người tham thiền phải tự sám hối đó.

HỎI: Thế nào là ma ngoại hoặc?

ĐÁP: Ma ngoại hoặc (làm ngoại hoặc bên ngoài), gọi là nhưn chướng. Kẻ tiểu nhưn không có căn lành, sang hèn chẳng đồng, làm não loạn định tâm chẳng được an ổn. Việc này không riêng một cố nào, tất cả đều do thiếu quyền biến, hoặc kém lễ nghi, hoặc do tự cao, hoặc tự ngã mạn, hoặc nói thẳng, hoặc hạnh thô, hoặc nương thế lực, hoặc khoe tài, hoặc nói ác, hoặc khen mình, hoặc chê người, hoặc thiếu vẻ ôn hoà, hoặc không cung kính, hoặc độ lượng không rộng rãi, hoặc thiếu nhẫn nại. Cho nên chuốc cái chẳng tin mà hoặc loạn sự tu hành, sanh tâm động niệm, che lấp cái bản minh. Kẻ sĩ một đạo cần yếu phải thấp xuống mà lui về nuôi đức, mới khỏi được nhưn chướng. Kẻ hậu học đời sau phải khoan tâm và nhẫn nại đó.

HỎI: Thế nào gọi là ma phiền não?

ĐÁP: Ma phiền não là sự chướng. Sự chướng nếu chẳng trừ hay làm lộn xộn việc chánh tu. Thế nào là phiền ? Thế nào là não ?

Phiền thì đuổi theo ngoại cảnh, não thì sanh ở nội tâm. Người tu thiền nhứt định phải đoạn phiền não. Phiền não chẳng trừ sạch tánh định khó hiện. Thấy người nữ mà sanh tâm là dâm tâm phiền não. Thấy sự giết hại mà sanh tâm là ác tâm phiền não. Thấy tài lợi mà sanh tâm là đạo tâm (tâm trộm) phiền não. Thấy vật mà sanh tâm là tham tâm phiền não. Thấy người sanh khinh thường là ngã tướng phiền não. Thấy kẻ thấp sanh kiêu ngạo là tự đại phiền não. Thấy nghịch cảnh sanh sân là khuể tâm phiền não. Thấy thuận cảnh sanh vui là tùy hỷ phiền não. Thấy kẻ oán sanh tâm ghét là hận tâm phiền não. Thấy người thân sanh thương là tư tâm phiền não. Tất cả những cái thấy bên ngoài mà bên trong sanh thủ xả đều là phiền não, không thể nào mà nói ra cho hết được. Kẻ tham thiền nhứt định phải trừ sự chướng. Sự chướng nếu chẳng không (rỗng) làm não loạn chánh định. Người học đời sau, tại sao chẳng đoạn nó ?

HỎI: Thế nào gọi là ma sở tri?

ĐÁP: Ma sở tri gọi là lý chướng, lý chướng nếu chẳng trừ hay làm loạn chánh định. Sở tri là thế nào mà lỗi như thế? Biết (tri) ta được ngộ, biết ta thông thiền, biết ta rõ giáo, biết ta hội lý, biết ta học nhiều, biết ta hiểu nhiều, biết ta trì giới nghiêm túc, biết ta được định, biết ta phát huệ, biết ta được thần thông, biết ta được lễ mầu, biết ta chứng đạo, biết ta thành Phật, muôn ngàn điều biết (Sở tri) gọi đó là lý chướng. Lý chướng nếu chẳng trừ pháp chấp chẳng quên. Pháp chấp chẳng quên thì chơn tâm chẳng hiện. Người tu thiền định nhứt định phải dứt trừ lý chướng.

HỎI: Thế nào là ma tà kiến?

ĐÁP: Ma tà kiến là chấp chướng. Chấp chướng chẳng trừ ắt rơi vào định tà. Tà kiến như thế nào mà loạn chánh định như vậy? Chấp tánh chẳng hoại, gọi sự chấp ấy là hữu kiến (thấy có). Chấp tánh vốn không (rỗng) gọi sự chấp ấy là vô kiến (chấp không). Chấp vốn không chết gọi sự chấp ấy là thường

kiến. Chấp theo khí mà diệt gọi sự chấp ấy là đoạn kiến. Chấp từ không sanh ra có là tự nhiên kiến. Chấp từ khí (hơi) hóa ra hình là tà nhưn kiến. Tự như chẳng có chẳng không, tức có tức không. Tất cả những tà chấp, tà kiến nhưn duyên tự nhiên... đều chẳng là không hữu, đoạn thường hai đầu. Tự chướng bốn lý đến rơi vào đường tẻ. Người tham thiền phải biết mà ngộ lẽ này.

HỎI: Thế nào là ma vọng tưởng?

ĐÁP: Ma vọng tưởng gọi là Tự chướng. Tự chướng chẳng không (rỗng), thì sanh diệt chẳng dừng, điên đảo tán loạn, che chướng bản tâm. Người tham thiền cần phải làm cho rỗng không cái chướng này. Nay nêu ra một hai điều để làm sáng tỏ cái vọng chướng, như: vọng tưởng ngộ đạo, vọng tưởng tu chứng, vọng tưởng đắc định, vọng tưởng phát huệ, vọng tưởng nhiều hiểu biết, vọng tưởng hay làm văn, vọng tưởng về danh đạt, vọng tưởng về sự cúng dường nhiều, vọng tưởng làm thầy, vọng tưởng chư tăng qui hướng, vọng tưởng tiếp nối tổ vị, vọng tưởng trụ một ngôi chùa, vọng tưởng hoằng đạo, vọng tưởng về tác phẩm lưu truyền, vọng tưởng về kẻ nối dòng, vọng tưởng về sự nhập tháp, vọng tưởng thần thông, vọng tưởng huyền diệu, vọng tưởng kỳ đặc, vọng tưởng quái lạ, vọng tưởng trường sanh, vọng tưởng hoàn đồng, vọng tưởng bay lên, vọng tưởng thành Phật,... các vọng chẳng không (rỗng), động niệm làm trái với lẽ nhưn. Người mới học mộ đạo dứt vọng làm gốc.

HỎI: Thế nào là ma khẩu nghiệp?

ĐÁP: Ma khẩu nghiệp gọi là cuồng chướng, nếu chẳng dè dặt lời nói mà buông ý lảm mồm, thì tán tâm loạn niệm chẳng được tịnh tâm. Khẩu nghiệp do đâu mà lỗi nó quá nhiều? Bởi ưa bàn huyền nói diệu, giảng giải (kinh), nói tông (thiền), tự khoe rằng đã được ngộ, chê kẻ khác ngu mê, luận về sở trường sở đoản của người, nói sự phải quấy của người. ngâm thi vịnh phú, mở miệng xướng càn, bình luận chuyện xưa nay, bàn chuyện đất nước hưng phế, xưa kia là người hiền kẻ ngu, nay là kẻ ác người thiện. Chẳng quan hệ đến việc ta mà rỗng lời tranh luận chuyện được mất của người. Vô cơ chê khen, nói những cảnh dục khiến người sanh yêu. Nói chuyện bất bình khiến người sanh giận. Chê sau lưng, khen trước mặt. Tất cả những lời nói lợi hại khiến người quên mất chánh niệm. Người tham thiền cần yếu phải gắng gìn giữ, chẳng những ít lời nuôi đức mà lại khiến tâm chẳng loạn. Kẻ sơ cơ tu hành cẩn thận và kiêng giữ việc này.

HỎI: Thế nào là ma bệnh khổ?

ĐÁP: Ma bệnh khổ gọi là khổ chướng. Thân nhiều tật bệnh đều do nghiệp đời trước, hoặc do mất sự điều hoà mà biến sanh trăm thứ bệnh, chẳng được thọ dụng, làm cho người học đạo có sự chướng ngại. Nay tôi nêu lên mấy điều phải tự đề phòng: Điều hoà tỳ vị, tiết chế và chọn thức ăn uống, ít đấm mùi vị nồng hậu, lại phải cứ vật sống và lạnh. Khi đói chớ đọc tụng, lúc no chớ gánh vác nặng. Sau khi ăn chớ ngủ, tối cứ ăn no, thích ăn đồ thối nát,

ưa ăn đồ chiên đồ xào, thích ăn ngũ vị, dùng nhiều vật quấy. Toạ Thiền nơi đất ẩm, ngủ nơi chỗ gió, đang ra mồ hôi mà nhảy vào nước, thích ẩm tham mát, đang lúc gió mà tắm rửa, nằm trần ngoài trời, đói quá no quá, vui quá giận quá, lạnh quá nóng quá, mưa lớn sương nhiều. Bệnh nội thương ngoại cảm, tất cả đều do mất sự điều hoà nên sanh những bệnh hoạn, làm cho thân chẳng được yên. Kẻ hậu học phải biết mà dự phòng và tránh bệnh.

HỎI: Thế nào là ma hôn trầm?

ĐÁP: Ma hôn trầm gọi là thủy chướng (chướng về ngủ). Thủy chướng chẳng luyện trừ, hôn trầm quá nặng, chơn tâm chẳng sáng, huệ tánh chẳng phát khởi, rơi vào chỗ mờ tối của núi đen và hang ma. Nguyên nhân của bệnh hôn trầm kia như thế nào? Sự hôn chướng này phần lớn cho ăn nhiều, tham nhiều vị ngon, nói nhiều làm tán khí, hình lao tì yếu, tinh thần chẳng trong lặng, độc khí hỗn loạn, ngu si nhiều giận tức, lười biếng buông lung. Chẳng nhớ nghĩ việc sanh tử chỉ tham an lạc. Kẻ hậu học khi dụng công nên phát tinh tấn: mang dùi chích thịt, cho đầu chạm vào cây cột, lễ Phật đốt đèn, đứng nơi nguy hiểm, đi kinh hành, khổ thân mài luyện ma ngủ mới nhẹ, nếu chẳng như vậy mặc tình ngủ nghỉ, thì chơn tâm chẳng sáng. Người tham thiền nên dũng mãnh hàng phục ma ngủ.

HỎI: Thế nào là đại thiên ma?

ĐÁP: Đại thiên ma chẳng đồng với các chướng. Bởi do tu hành đúng đắn, sắp chứng đạo quả, tâm tinh thuần thông suốt, lặng yên chẳng động, làm kinh động thiên ma và cung điện của quỷ thần đều sụp đổ, cõi đất rung động, ma chúa kinh hãi, loài yêu quái ở cây, ở đá cũng hoảng sợ. Tất cả loài ma mị đều có ngũ thông đồng đến não loạn, chẳng cho người vào thánh vị. Chúng biến ra những điều quái lạ, hoá ra những cảnh dục để làm loạn thiền định của người tu. Người tu nếu tâm sanh ra thủ xả ma liền được tiện lợi, mà người tu thì thọ hại. Tự phát điên cuồng, cho là đã thành Phật. Còn sống thì bị hãm vào nạn vua, lúc chết đoạ vào vô gián ngục. Kẻ sĩ tham thiền chánh niệm rõ ràng, trí huệ chiếu sáng, một lòng chẳng động, mặc tình chúng tác quái ta chẳng thềm thấy nghe, dùng chánh định hàng phục, ma tự nhiên tiêu diệt. Kẻ tu học đời sau phải cẩn thận và tự phân biệt cho rành rõ ma sự này.

Ở trên đã được nêu lên mấy điều ma sự, nếu muốn hiểu cho khúc chiết rõ ràng, nên xem kinh Lăng Nghiêm nói về ma nghiệt trong ngoài. Tất cả những dị kiến, mỗi mỗi đều rõ ràng, khi hạ thủ dụng công chẳng rơi vào lưới ma, mà chứng thẳng quả Phật.

CHƯƠNG IX DẪN CHỨNG LỜI KINH

Muôn pháp về tâm hỏi đáp rõ ràng. Bậc thượng căn vừa xem qua liền ngộ bản tâm, kẻ trung hạ căn ngu độn nghi ngờ bài báng chẳng tin, nên dẫn lời kinh của Phật để chứng minh hầu đoạn trừ những nghi hoặc, tin một cách thành thật chẳng lầm. Hoặc có người được ngộ, y lời dạy mà vâng làm, vào thẳng tông lâm của Cổ Phật, vượt ngang qua bờ cõi then chốt của Tổ Sư. Có thể bảo ngay nơi nhục nhãn mà viên thông Phật nhãn, ngay nơi tâm phàm mà hiển chơn tâm. Nay thuật lời trong kinh Phật và lời của Tổ sư để ẩn chứng chánh lý qui tâm.

Kinh Bát Nhã nói: "Hết thảy chư Phật đồng ở một chỗ, gom về cảnh giới vô lậu và tự tánh thanh tịnh".

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Lời lẽ thuyết pháp (của Như Lai), kẻ tiểu trí vọng phân biệt, nên sanh chướng ngại, chẳng rõ ở tự tâm. Không rõ tự tâm làm sao biết chánh đạo? Kẻ kia dùng tư tưởng điên đảo nên tăng trưởng tất cả điều ác".

Kinh Lăng Già nói: "Đệ nhất nghĩa đế chỉ là tâm. Vô vàn tướng bên ngoài, tất cả đều không có. Kẻ phu kia chấp trước vào ác kiến, khi đối tự tha, không thấy rõ được chỗ trụ như thật của hết thảy các pháp. Đại Huệ! Hết thảy các pháp như thật, ấy nghĩa là hay liễu đạt lý duy tâm sở hiện".

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: "Người xuất gia làm sa môn, (phải) đoạn dứt ham muốn, khử trừ khát ái, biết được nguồn tâm của mình, đạt được lý gốc của Phật, ngộ pháp vô vi, bên trong không sở đắc, bên ngoài không sở cầu, tâm không hạn cuộc nơi đạo, cũng không tạo nghiệp, vô niệm vô tác, phi tu, phi chứng, phải trải qua các ngôi thứ mà tự cao tột. Đó gọi là Đạo!"

Kinh Bảo Vân nói: "Hết thảy các pháp, tâm là trên hết. Nếu biết tâm thì có thể biết được tất cả các pháp".

Bài kệ trong Kinh Nhơn Quả nói: "Tạo tất cả thiện ác đều từ tâm tưởng sanh. Cho nên người xuất gia chơn chánh đều lấy sự minh tâm làm gốc".

Kinh Niệm Phật Tam Muội nói: "Tâm như kim cương, với người thiện căn hay xuyên thấu tất cả pháp. Tâm như áo Ca lân đê, với người thiện căn hay mềm dẻo. Tâm như bể cả, với người thiện căn hay nhiếp các giới tu. Tâm như đá bằng phẳng, với người thiện căn hay đứng giữ tất cả sự nghiệp. Tâm như núi chúa, với người thiện căn hay phát sanh tất cả pháp lành. Tâm như cõi đất, với người thiện căn hay gánh vác và gìn giữ sự nghiệp cho chúng sanh".

Kinh Định Ý nói: "Trong thiền định chẳng dính mắc trong ngoài, cũng không ở giữa, đó gọi là nút tâm".

Kinh Bảo Khiếp nói: “Văn Thù sư lợi bảo Xá lợi Phất rằng như hoả tai cháy mạnh trong hăng sa kiếp, rốt lại cũng không đốt được hư không. Xá Lợi Phất! Cũng như vậy, mỗi mỗi chúng sanh tạo tội ngũ nghịch, cùng nghiệp chẳng lành trong hăng sa kiếp, nhưng mà tâm tánh họ rốt lại cũng chẳng thể như”.

Bài kệ trong Kinh Đại hư không tạng Bồ tát sở vấn nói:

Hư không là sanh diệt
Pháp giới không tới lui
Các pháp nương tâm mà trụ.
Trong không, không có sắc phi sắc
Tâm tánh cũng như vậy
Hư không chỉ giả danh
Tâm ý thức cũng như vậy.

Bài kệ Kinh Lăng Già nói:

Các pháp không pháp thể
Mà nói chỉ là tâm
Chẳng thấy được tự tâm
Mà khởi ra phân biệt.

Kinh Xuất Diệu nói: “Người thân mặc giáp giới luật, mà tâm không có gương trí huệ, thì không làm tan hoại được bọn đầu sỏ kiết sử. Cho nên biết, nếu chẳng quán tâm cho diệu huệ thành tự, thì không thể chặt đứt được căn bản vô minh”.

Kinh Niết Bàn nói: “Sư tử rống ấy là nói một cách quyết định rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nếu biết tự tâm mình Phật tánh đầy đủ, thì ngoài tánh lại có pháp đáng cầu ư?”.

Kinh Pháp Hoa Tam Muội nói: “Không dính mắc, không chỗ nương, không hệ lụy vào tâm tịch diệt, ban tánh như hư không. Đó gọi là vô thượng đạo”.

KỆ CỦA BẢY ĐỨC PHẬT

Bài kệ của Phật Tỳ Bà Thi nói:

Thân từ trong vô tướng thọ sanh,
Dụ như huyễn, xuất các hình tượng.
Người huyễn, tâm thức xưa nay không,
Tội phước đều không, không chỗ trụ.

Bài kệ của Phật Thi Khí nói:

Tạo các pháp lành vốn là huyễn,
Tạo các nghiệp ác cũng là huyễn.
Thân như hòn bọt tâm như gió,
Huyễn hiện không nguồn, không thật tánh.

Bài kệ của Phật Tỳ Xá Phù nói:

Vay mượn bốn đại ngộ là thân,
Tâm vốn không sanh như cảnh có.
Cảnh trước nếu không tâm cũng không.
Tâm như huyền khởi rồi diệt.

Bài kệ của Phật Câu Lưu Tôn nói:

Thấy thân không thật là Phật thấy
Rõ tâm như huyền là Phật rõ.
Rõ được thân tâm bản tánh không.
Người này cùng Phật có khác gì?

Bài kệ của Phật Câu Na Hàm Mâu Ni nói:

Phật chẳng thấy thân biết là Phật.
Nếu thật có biết riêng không Phật.
Người trí hay biết tội tánh không,
Thản nhiên chẳng sợ việc sanh tử.

Bài kệ của Phật Ca Diếp nói:

Hết thầy chúng sanh tánh thanh tịnh,
Từ xưa không sanh không thể diệt.
Ngay thân tâm này là huyền sanh.
Trong huyền hoá không tội, không phước.

Bài kệ của Phật Thích ca Mâu ni nói:

Huyền hoá không như cũng không sanh,
Đều là tự nhiên thấy như vậy.
Các pháp thầy đều tự hoá sanh,
Huyền hoá không sanh, không chỗ sợ.

LỜI CHƯ TỔ

Bài kệ của sơ Tổ Bồ đề đạt ma nói:

Chớ thấy ác mà sanh chán,
Chớ thấy thiện mà sanh ưa,
Chẳng bỏ trí mà gần ngu,
Chẳng bỏ mê mà đốn ngộ.
Đạt đạo lớn chừ quá lượng,
Thông Phật tâm chừ vô số,
Chẳng cùng phạm thánh đồng vai,
Siêu nhiên gọi đó là TỔ.

Nhị Tổ nói: "Tâm này là Phật, tâm này là pháp, pháp và Phật không hai.
Tăng bảo cũng vậy".

Tam Tổ nói: “Mắt nếu chẳng ngủ các mộng tự trừ. Tâm nếu không khác muôn pháp nhưt như. Nhưt như thể màu, như vậy quên duyên, muôn pháp đều thấy, trở về tự nhiên”.

Tứ Tổ nói với Ngưu đầu Pháp Dung rằng: “Trăm ngàn cửa diệu đồng về gang tấc, hằng sa công đức gom ở nguồn tâm. Tất cả định môn, huệ môn và hạnh môn đều đầy đủ, thần thông diệu dụng đều ở nơi tâm ông”.

Ngũ Tổ nói: “Muốn biết pháp yếu, tâm là căn bản của mười hai bộ kinh. Chỉ có pháp nhưt thừa, pháp nhưt thừa là nhưt tâm vậy. Chỉ giữ nhưt tâm tức là tâm chơn như môn. Hết thảy các pháp chẳng ra ngoài tự tâm, chỉ tự tâm biết tâm không hình sắc. Chư Tổ chỉ lấy tâm truyền tâm, bậc liễu đạt ấn khả, không pháp gì riêng”.

Lục Tổ nói: “Hết thảy các người tự tâm là Phật, chớ có hồ nghi. Ngoài tâm không có một pháp có thể dựng lập, đều là tự tâm sanh muốn thứ pháp. Kinh nói: “Tâm sanh muôn ngàn pháp sanh”. Pháp kia không hai, tâm kia cũng vậy. Đạo kia thanh tịnh không có các tướng. Ông chớ quán thanh tịnh và không (rỗng) tâm kia Tâm này không hai, không thể thủ xả, đi đứng nằm ngồi đều một trực tâm tức là tịnh độ. Y lời nói ta nhưt định ông sẽ được bồ đề”.

TUYỆT QUÁN LUẬN CỦA ĐẠI SƯ NGƯU ĐẦU PHÁP DUNG

HỎI: Thế nào là tâm?

ĐÁP: Chỗ quan sát của sáu căn đều là tâm.

HỎI: Tâm chỗ nào?

ĐÁP: Tâm ngay chỗ diệt.

HỎI: Gì là thể?

ĐÁP: Tâm là thể.

HỎI: Gì là Tông (chủ)?

ĐÁP: Tâm là Tông.

HỎI: Gì là gốc?

ĐÁP: Tâm là gốc.

HỎI: Thế nào là định huệ đồng vui?

ĐÁP: Tâm tánh lặng lẽ là định, thường hiểu rõ cái lặng lẽ ấy là Huệ.

HỎI: Gì là trí?

ĐÁP: Cảnh dấy lên mà hiểu rõ là trí.

HỎI: Gì là cảnh?

ĐÁP: Tự thân tâm tánh là cảnh.

HỎI: Gì là thư (rải ra)?

ĐÁP: Dụng chiếu soi là thư.

HỎI: Gì là quyển (cuốn lại)?

ĐÁP: Tâm lặng lẽ không đến đi là quyển. Rải ra thì đầy khắp pháp giới, cuốn lại thì dấu vết khó tìm.

HỎI: Gì là pháp giới?

ĐÁP: Không bờ mé để chỉ bày được gọi là pháp giới.

Thiền sư Trù nói: "Hết thầy duyên bên ngoài gọi là tướng định, sự phải quấy sanh diệt, tất cả đều do tự tâm. Nếu tự tâm mà vô tâm ai ngại gì phải quấy? Năng sở đều không, tức các tướng đều lặng".

Bài kệ của Bàn Cư Sĩ nói:

Muôn pháp từ tâm khởi,
Tâm sanh muôn pháp sanh.
Sanh sanh chẳng rõ có,
Tới lui uống tu hành.
Nhấn gửi người tu đạo.
Không sanh, có chẳng sanh.
Nếu hay đạt lý này,
Chẳng động, thoát hàm sâu.

Bài ca của Hòa Thượng Đăng Đăng:

Tu đạo, đạo không thể tu,
Hỏi pháp, pháp không thể hỏi.
Người mê không ngộ sắc không,
Kẻ đạt vốn không nghịch thuận.
Tám muôn bốn ngàn pháp môn,
Rốt lý chẳng hơn gang tấc.
Phiền não chính là Bồ đề,
Hoa sạch sanh nơi bùn nhớp...
Chớ dối, chơi châu huyện khác.

Thiền sư Ngọa Luân nói: "Thấu đáo được tâm tánh kia trạm nhiên rỗng suốt, xưa nay chẳng sanh, cũng chẳng diệt, nào phải gom ép. Chỉ biết tâm khởi vọng, tức là phải hướng nơi phản chiếu lại nguồn tâm, không có gốc rễ tức là chỗ vô sanh. Vì vô sanh nên tâm tịch tĩnh vô tướng vô vi".

Bài tụng của thiền sư Trí Đạt nói:

Cảnh lập, tâm liền có,
Tâm không, cảnh chẳng sanh.

Nếu đem tâm cột cảnh,
Tâm cảnh cả đều mà,
Cảnh tâm mỗi tự dừng,
Tâm cảnh tánh thường trong.
Ngộ cảnh tâm không khởi,
Mê tâm cảnh đồng hành,
Nếu mê tâm tạo cảnh,
Tâm cảnh loạn tung hoành,
Ngộ cảnh tâm vốn tịnh,
Biết tâm cảnh vốn trong.
Biết tâm không cảnh tánh,
Rõ cảnh tâm không hình.
Cảnh rỗng tâm lặng lẽ,
Tâm chiếu cảnh im lìm.

Đại sư Phổ Ngạn nói: “Đại đạo rộng lớn, chỉ một chơn tâm. Thiện ác chớ nghĩ thần trong, vật hiện, lại có lo gì?”.

Hòa Thượng Qui Sơn nói: “Các pháp trong ngoài đều chẳng thật, từ tâm hóa sanh, tất cả đều giả danh. Mặc tình pháp tánh châu lưu (trôi khắp), chớ đoạn cũng chớ tiếp tục”.

Hòa thượng Hoàng Bá nói: “Chỉ ngộ nhứt tâm lại không một pháp nhỏ có thể được. Đây tứ là chơn Phật. Phật cùng chúng sanh một tâm không khác. Chẳng bằng ngay nơi lời tự nhận giữ cái bốn pháp. Pháp này tức là tâm, ngoài tâm không pháp. Tâm này tức là pháp, ngoài pháp không tâm”.

Hòa thượng Ngưỡng Sơn nói: “Đốn ngộ tự tâm không tướng, dụ như hư không. Nương nơi căn mà phát minh, tức là bản tâm đủ hể sa diệu dụng, không có chỗ gìn giữ riêng, không có chỗ an lập riêng, tức là quê nhà, tức là nước nhà”.

Hòa thượng An Quốc nói: “Kinh nói nên không có chỗ trụ mà sanh tâm. Không chỗ trụ ấy là chẳng trụ sắc, chẳng trụ thính, chẳng trụ mê, chẳng trụ ngộ, chẳng trụ thể, chẳng trụ dụng. “Mà sanh tâm” ấy tức là tất cả chỗ mà hiển nhứt tâm. Nếu trụ vào thiện mà sanh tâm tức là điều thiện hiện. Nếu trụ vào ác mà sanh tâm tức là điều ác hiện, vậy thì bốn tâm liền ẩn mất. Nếu không chỗ trụ thì mười phương thế giới chỉ một tâm. Tin biết gió phan chẳng động, tâm ấy động”.

Hòa thượng Qui Tông nói: “Ngay tâm này là Phật, tột đáy chỉ có tánh. Sơn hà đại địa một pháp ấn định, là thần chú lớn chơn thật không dối, là bản nguyên của chư Phật, là cội gốc và là xương tủy của bồ đề. Phật thể nào mới phải? – Ngay lời nói này là phải, lại không người khác. Kinh nói: “Ví như một hình sắc tùy theo cái nhìn của chúng sanh mà có muôn ngàn tên. Tất cả pháp chỉ là một pháp, tùy chỗ mà mang tên”.

Bài kệ trong Luận Bảo Tánh nói:

Như hư không biến khắp cả,
Mà hư không chẳng phân biệt.
Tự tâm và vô cấu tâm,
Cũng không phân biệt cùng khắp.

Pháp sư Phục Lễ nói: “Xét về ý nghĩa của nghiệp, thì nghiệp do tâm khởi, tâm là dụng của nghiệp, nghiệp dẫn tâm thọ sanh, tâm theo nghiệp tạo cảnh. Vậy thì như nghiệp mà thọ thân, thân trở lại tạo nghiệp. Từ tâm tạo cảnh, cảnh lại sanh tâm. Như bóng theo hình mà ngay hay cong, như vang theo tiếng mà có lớn hay nhỏ”.

CHƯƠNG X KHUYÊN IN BỒ THÍ

Sự phu diễn chánh pháp công đức vượt hơn hằng sa. Lưu truyền chí lý, phúc lợi hơn hư không lớn. Hằng sa vô số, hư không lớn vô ngần. Việc lợi sanh thí pháp công đức vượt hơn hai thí dụ này – Cố sao công đức vô lượng như vậy? – Một là làm cho người chưa tin trở thành chánh tín, nhiếp về một niệm chẳng dong ruổi tìm cầu bên ngoài. Hai là khiến người đã tin giúp thành quán lực, lý và hạnh kiên cố, mau chứng bồ đề, giống như đi xe rộng lớn. Dựng lập Bảo Phưởng (tàng kinh các). Như đi thuyền chắc chắn đến bờ giác.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Phật bảo A Nan! Nếu lại có người mang bảy báu chứa đầy cả mười phương hư không, đem dâng cho chư Phật như vi trần, và thừa sự cúng dường mà tâm không chút sơ sót, ý ông nghĩ sao? Người này dùng như duyên bố thí cho chư Phật như vậy được phước nhiều chăng?”

A Nan đáp: Hư không vô tận, trần bảo vô ngần. xưa có chúng sanh thí Phật bảy quan tiền, khi xả thân còn được làm vị chuyển luân vương. Huống lại hiện tại, hư không vô cùng, Phật độ đầy khắp mà đều thí trần bảo, thì cùng kiếp nghĩ bàn cũng không hết được cái phước của người này, rằng sao lại có bờ mé?

Phật bảo A Nan! Chư Phật Như Lai, nói không hư dối. Nếu lại có người thân tạo đủ bốn trọng tội và mười ba la di tội, chỉ trong chớp mắt liền trải qua địa ngục A Tỳ ở phương này hay phương khác, cho đến địa ngục vô gián khắp mười phương đều trải qua. Nếu người này chỉ khởi một niệm rằng “đem pháp môn này khai thị cho chúng sanh ở mặt kiếp”, thì tội chướng người này liền theo niệm ấy mà tiêu diệt. Biến địa ngục khổ mà họ đã thọ thành nước an lạc, được phước còn hơn người bố thí bảy báu trước gấp trăm, ngàn, muôn

ức, như vậy cho đến tính, đếm, thí dụ không thể kịp. Tán thán và hoằng dương kinh này lợi ích không ngần”.

Kinh Kim Quang Minh nói: “Thí pháp cho người có năm điều lợi ích thù thắng. Những gì là năm? Một là pháp thí gồm lợi, tài thí không bằng. Hai là pháp thí hay làm cho chúng sanh ra khỏi ba cõi, còn phước của tài thí chẳng ra khỏi dục giới. Ba là pháp thí hay tịnh pháp thân, còn tài thí của tăng trưởng nơi sắc. Bốn là pháp thí vô tận, còn tài thí có chừng. Năm là pháp thí hay đoạn được vô minh, còn tài thí chỉ đê được tham ái. Cho nên, này thiện nam tử! Công đức vô lượng vô biên khó thể thí dụ”.

Lại Kinh Kim Cang nói: “Bồ thí bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, chẳng bằng thọ trì bốn câu kệ và vì người khác giảng nói thì phước của người ấy còn hơn sự bồ thí bảy báu kia”.

Như có người thiện nam tín nữ nào, phát tâm khắc bản in bồ thí truyền bá, khiến pháp giới chúng sinh đón ngộ tối thượng thừa, đều đến cõi Phật, đồng chúng bồ đề, thì công đức vô biên, khó nói hết.

Vạn pháp qui tâm lục
Nói thẳng chẳng dấu diêm
Hay mở mắt thanh tịnh
Khéo chỉ tâm niết bàn.
Ba đạo từ đây vào
Trăm nhọc chớ tìm ngoài
Có người in trăm bản
Hơn thí một thuyền vàng.

HẾT

LỜI BẠT

Nhút tâm là tổng tướng của muôn pháp, muôn pháp là biệt tướng của nhút tâm. Tâm có hai loại chơn vọng chẳng đồng. Nướng vào chơn tâm mau chúng bồ đề. Đuổi theo vọng tâm thì trôi nổi trong sanh tử. Chơn tâm vọng tâm nên biết là bản thể. Chơn tâm là cái biết mầu nhiệm: không biết mà biết. Vọng tâm là cái biết của thức: có biết mà biết. Không biết mà biết thì viên minh tịch chiếu. Có biết mà biết thì niệm niệm sanh diệt.

Đại sư khởi lòng từ, mượn văn vấn đáp để biện minh chơn tâm, chỉ trần nẻo tu chứng. Từ đầu chí cuối mỗi lời đều kế lý. Quyển Lục này truyền bá ở đời như ngọn đèn sáng suốt hay phá được đêm dài vạn kiếp, mà thẳng đến Bảo sở. Thực là pháp quý, hẳn là pháp quý. Tôi xem quyển Lục này không thôi, và lại đọc nó để làm lời bạt.

Thế Như Cư Sĩ Lưu Phương kính bái.

LỜI SAU SÁCH

Thiền sư Tổ Nguyên biện luận về Nho giáo và Đạo giáo, có nhiều phát minh và lý luận rất xác đáng. Như điều “cách vật”, lấy vật làm tình thức. Đây là cái học của ông Dương Minh. Họ Vương nói: “Không thiện không ác là thể của tâm”. Dạy người không dính điều thiện, không mắc việc ác. Chỗ này gọi là tâm chơn như. Có thiện có ác là sự dấy động của ý. Thiện ác do ý động mà sanh. Vì do bất giác mà có tâm sanh diệt. Biết thiện ác là đạt đến lương tri. Lương tri cùng với thức tri chẳng đồng.

Lương tri tức là Diệu giác, tức là bản giác, tức là diệu quan sát trí. Muốn đạt đến lương tri này, trước hết là phải chẳng bị vật dục che, là làm việc thiện, bỏ việc ác, tức là cách vật. Việc này Mạnh Tử bảo rằng “cơ quan của tai mắt”. Không nghĩ mà không bị che bởi vật. Chử vật giảng là tình thức, thì nhứt định cách đi cái vật dục này rồi sau mới có thể thành ý, chánh tâm vậy. Vạn vật trong thiên hạ đều sai khác, làm sao xét cho cùng mỗi vật? Chỉ có vật dục của tâm người, tức là ác. Bỏ cái ác vật dục kia thì việc lành của bản tâm mới hiện. Không ác liền là thiện. Tên thiện ác cũng chẳng lập.

“Khắc kỷ phục lễ”, Kỷ tức là vật. Nếu đem mỗi vật ra mà xét, thì tâm đã loạn rồi, làm sao có thể thành ý? Há chẳng nghe nói sự rộng lớn của trời đất, dù là thánh nhơn cũng có chỗ chẳng biết, có chỗ chẳng thể làm. Cái trí của Nghiêu Thuấn còn chẳng thể hiểu khắp muôn vật thay. Huống là vật trong thiên hạ cũng có ra ngoài cái thường lý ấy. Chẳng phải tánh linh của tâm con người có thể học tất cả được? Phàm vật trong thiên hạ nhơn cái lý đã biết kia mà hiểu rốt cùng của nó.

Khán thoại đầu của Thiền tông, tức là đề khởi một chữ một câu từ chỗ có đạo lý, mà đến chỗ không đạo lý. Một niệm gậm mãi một chỗ, mắt nhìn mãi một nơi, dựng dậy xương sống suốt năm suốt tháng. Chợt một hôm toàn thân xuất mồ hôi, thoát ngộ được bản tâm, thấy được bản tánh mình. Chỗ ấy gọi rằng dụng sức lâu mà một ngày rỗng rang thông suốt.

Phải biết, tham thiền chẳng qua là mượn câu thoại đầu để cột vọng tâm, một chỗ chớ chẳng phải trong câu thoại đầu có đạo lý gì? Phật nói: “Dùng tâm một chỗ, không việc gì chẳng xong”. Đạo giáo nói: “Được cái một, muôn sự xong”. Kinh Di Đà nói: “Một tâm không loạn”. Trang Tử nói: “Dùng chí chẳng lảng xăng mới ngưng được thần”. Khổng Tử nói: “Đạo ta dùng lý một mà

quán thông tất cả”. Mạnh Tử nói: “Muôn vật đều đủ ở ta; đâu cần xét ở muôn vật”?

Cho đến sách của Đạo gia, chỉ có Đạo Đức kinh, Thanh Tịnh kinh là chơn. Ngoài ra các sách khác như Âm Phù, Huỳnh đình, Tham Đồng, Ngộ chơn. Tất cả đều từ trên xác thân mà mò mẫm. Sự thành tựu của nó chẳng qua là mười hai loại Tiên trong kinh Lăng Nghiêm nói mà thôi. Địa vị của Tiên gia đâu không có cao thấp, tất cả đều do công hạnh có sâu cạn. Nếu xét về các bậc thượng thánh từ xưa đến nay, bậc cao chơn “Luyện thần hoàn hư, luyện hư hợp đạo” cũng ra ngoài ba cõi, đến đất Như Lai, đều cùng Khổng thánh đồng vai. Chẳng như vậy thì Lão Tử cũng sẽ đoạ lạc, làm sao ba đạo đồng hành chẳng trái ư?

Chùa Phổ Độ, Thừa công (ông Thừa) (16) nhơn tham thiền ngộ đạo, mà còn thông cả sách Nho và sách Đạo. Thực là hay ở trên một tầng cao tốt, nên thấy được rõ ràng. Ngài đã trước tác quyển Duy Tâm Tập và Kệ Niệm Phật là gì (niệm Phật thị thủy?) hầu dẫn đạo cho quần mê, tận tình bày tỏ. Thật là ngọn đèn trong nhà tối. Tôi thì ít thấy ít biết, ăn chứng dưới toà, đáng được một gậy chẳng?

***Tháng Xuân Vương, năm thứ 34
đời của Quang Tự Đồng Hư Tử,
tên quang Phật kính ghi
(T.L 1908)***

PHỤ LỤC:

- 1- VÔ TÂM LUẬN của BỒ ĐỀ ĐẠT MA
- 2- BỒ ĐỀ ĐẠT MA THIỀN SƯ QUAN MÔN
- 3- LUẬN ĐẠI THỪA KHAI TÂM HIỂN TÁNH ĐỐN NGỘ CHƠN TÔNG của Thiền sư ĐẠI CHIẾU

VÔ TÂM LUẬN (I) (Kinh số 2831)

Phàm tội lý không lời, cốt mượn lời để hiển lý. Đạo lớn không tướng vì tiếp kẻ thô nên thấy hình. Nay giả lập hai người để bàn về luận vô tâm.

Đệ tử hỏi: Hòa thượng hữu tâm hay vô tâm?

ĐÁP: Vô tâm.

HỎI: Đã vô tâm ai thấy nghe hiểu biết, và ai biết vô tâm?

ĐÁP: Vô tâm thấy nghe hiểu biết, cũng vô tâm biết vô tâm.

HỎI: Nếu đã vô tâm tức đồng không có sự thấy nghe hiểu biết, thì làm sao được thấy nghe hiểu biết?

ĐÁP: Ta tuy vô tâm mà thường thấy nghe hiểu biết.

HỎI: Đã thường thấy nghe hiểu biết tức là hữu tâm, sao nói là vô tâm?

ĐÁP: Chỉ cái thấy nghe hiểu biết này tức là vô tâm. Chỗ nào là thấy nghe hiểu biết riêng có vô tâm? Ta nay sợ ông chẳng hiểu, nên vì ông nói rõ ràng, để khiến ông được ngộ chơn lý: Như thấy suốt ngày, thấy mà không thấy, nên cái thấy cũng vô tâm. Nghe suốt ngày, nghe mà không nghe, nên nghe cũng vô tâm. Hiểu suốt ngày, hiểu mà không hiểu, nên biết cũng vô tâm. Suốt ngày tạo tác, tác mà không tác, nên tác cũng vô tâm. Cho nên nói: Thấy nghe hiểu biết đều là vô tâm.

HỎI: Nếu vậy, cái hay biết là vô tâm ư?

ĐÁP: Ông nên nhỏ nhiệm mà xét xem, tâm khởi ra tướng mạo gì? Tâm kia có thể được là tâm hay chẳng phải tâm? Là bên trong, bên ngoài hay khoảng giữa? Như thế ba chỗ suy xét tìm tâm không thể có. Cho đến tất cả chỗ tìm cầu cũng không thể có. Nên biết, đây tức là vô tâm.

HỎI: Hòa thượng đã nói: Mọi nơi đều vô tâm, tức là đồng với không có tội phước, vậy cứ sao chúng sanh luân hồi trong sáu thú, sanh tử không dừng?

ĐÁP: Chúng sanh mê vọng, chỗ vô tâm mà vọng sanh tâm, tạo muôn ngàn nghiệp, rồi vọng chấp là có. Bao nhiêu đó cũng khiến luân hồi trong sáu thú, sanh tử chẳng dừng. Ví như có người trong đêm tối thấy cái ghế cho là ma, thấy sợi dây cho là rắn, rồi sanh kinh sợ. Sự vọng chấp của chúng sanh cũng giống như thế. Nơi vô tâm vọng chấp có tâm, tạo muôn ngàn tội nghiệp. Vậy là sao khỏi luân hồi trong sáu thú?

Tuy nhiên nếu chúng sinh gặp được bậc Thiện tri thức lớn giáo hoá khiến Toạ thiền giác ngộ được vô tâm, thì tất cả nghiệp chướng đều tiêu diệt, sanh tử liền dứt. Thí như chỗ tối, ánh mặt trời chiếu đến tự nhiên bóng tối hết. Nếu ngộ vô tâm tất cả tội đều tiêu diệt cũng giống như vậy.

HỎI: Đệ tử còn mê muội, tâm chưa rõ ràng. Tất cả chỗ, sáu căn khởi dụng ứng đáp, lời nói và muôn ngàn thi vị, phiền não bồ đề, sanh tử niết bàn như định vô tâm chẳng?

ĐÁP: Như định vô tâm. Chỉ vì chúng sanh vọng chấp có tâm, nên liền có tất cả phiền não sanh tử, bồ đề niết bàn. Nếu giác ngộ vô tâm liền không có tất cả phiền não, sanh tử niết bàn. Cho nên Như Lai vì kẻ có tâm nói có sanh tử.

Bồ đề đối với phiền não mà có tên, Niết bàn đối trị với sanh tử mà có tên. Đó đều là pháp đối trị. Nếu được vô tâm thì phiền não bồ đề không thể có, cho đến sanh tử niết bàn cũng không thể có

HỎI: Bồ đề Niết bàn đã không thể có. Vậy quá khứ chư Phật đều được Bồ đề, việc này có ư?

ĐÁP: Chỉ dùng văn tự của thế đế mà nói thì có, còn với chơn đế thì không thể có. Trong kinh Duy Ma nói: "Bồ đề không thể dùng thân được, không thể dùng tâm được". Lại kinh Kim Cang nói: "Không một pháp nhỏ có thể được, chư Như Lai do không thể được mà được". Cho nên, có tâm tức tất cả đều có, vô tâm tức tất cả đều không.

HỎI: Hoà Thượng đã nói tất cả chỗ đều vô tâm. Cây đá cũng vô tâm. Đầu chẳng giống cây đá sao?

ĐÁP: Tâm vô tâm của ta nói không đồng với cây đá. Vì sao? Thí như trống trời (thiên cổ), tuy vô tâm mà khởi ra muôn ngàn tiếng pháp vi diệu, giáo hoá chúng sanh. Lại như hạt châu Như ý, tuy vô tâm mà tự nhiên khởi ra muôn ngàn biến hiện. Sự vô tâm của ta cũng vậy. Tuy vô tâm mà khéo hay giác liễu thật tướng của các pháp, đầy đủ chơn bát nhã, ba thân tự tại ứng dụng, không ngại. Nên trong kinh Bảo Tích nói: "Do vô tâm ý mà khởi hiện hành". Đầu có thể đồng cây đá sao?

Phàm nói vô tâm tức là chơn tâm. Nói chơn tâm tức là vô tâm.

HỎI: Ngay đối với tâm con phải tu hành như thế nào?

ĐÁP: Chỉ trên tất cả việc biết một cách rõ ràng. Vô tâm tức là tu hành, chớ không riêng có sự tu hành nào khác. Cho nên, vô tâm tức tất cả. Tịch diệt tức vô tâm.

Người đệ tử ngay nơi đó bỗng nhiên đại ngộ, mới biết ngoài tâm không vật, ngoài vật không tâm. Cử chỉ động dụng đều tự tại, đoạn hết chướng ngại không còn chướng ngại. Liền đứng dậy đánh lễ và làm bài minh vô tâm rằng:

Tâm thần hướng tịch
Đổ chi bất kiến
Tợ tám phi ám
Xả chi bất diệt
Vô sắc vô hình
Thính chi vô thanh
Như minh bất minh
Thủ chi vô sanh

Đại tức quách châu pháp giới
Tiểu tức mao kiệt bất đình
Phiền não hỗn chi trọc (bất trọc)
Niết bàn trừng chi bất thanh
Chơn như bản vô phân biệt
Năng biện hữu tình vô tình

Thu chi nhất thiết bất lập
Tán chi phổ biến hàm linh
Diệt thần phi trí sở trắc
Chánh mịch tuyệt ư tu hành
Diệt tắc bất kiến kỳ hoại
Sanh tắc bất kiến kỳ thành
Đại đạo tịch hiệu vô tướng
Vạn tượng yếu hiệu vô sanh
Như tư vận dụng tự tại
Tổng thị vô tâm chi tinh.

DỊCH:

Tâm thần về tịch
Nhìn đó chẳng thấy,
Giống tối chẳng tối,
Bỏ nó không diệt
Không hình không sắc
Nghe đó không tiếng
Như sáng chẳng sáng
Giữ nó không sanh.

Lớn thời rộng khắp pháp giới,
Nhỏ thời mảy lông chẳng dừng
Phiền não lẫn nó chẳng nhớ,
Niết bàn lắng nó chẳng sạch
Chơ như vốn không phân biệt,
Hay biện hữu tình vô tình
Thu vào tất cả chẳng lập,
Tán ra biển khắp hàm linh
Diệu thần chẳng biết chỗ lường,
Với việc tu, dứt kiếm tìm
Diệt thời chẳng thấy nó đâu
Sanh thời chẳng thấy nó thành,
Đạo lớn lắng, gọi vô tướng
Muôn tượng mầu, gọi vô danh
Như đây vận dụng tự tại,
Đấy là tinh yếu vô tâm.

Hoà tượng lại bảo rằng: Trong các bát nhã, vô tâm bát nhã là cao tột. Nên kinh Duy Ma nói: "Dùng không tâm ý, không thọ hạnh mà hay tồi phục ngoại đạo". Lại kinh Pháp Cú nói: "Nếu biết (ngộ) vô tâm, thì pháp không thể có, tội phước cũng không thể có, sanh tử Niết bàn cũng không thể có. Cho đến tất cả đều không thể có. Không thể có cũng không thể có". Hoà Thượng nói bài tụng rằng:

Tịch nhứt mê thời vị hữu tâm,
Nhĩ thời ngộ bãi liễu vô tâm,
Tuy phục vô tâm năng chiếu dụng
Chiếu dụng thường tịch tức như như.

DỊCH:

Năm xưa mê thời vì có tâm
Ngày nay ngộ rồi lại vô tâm
Tuy vô tâm mà hay chiếu dụng
Chiếu dụng thường tịch tức như như.

Lại nói thêm:

Vô tâm vô chiếu diệt vô dụng,
Vô chiếu vô dụng tức vô vi
Thử thị Như Lai chơn pháp giới,
Bất đồng Bồ Tát vi Bích Chi.

DỊCH:

Vô tâm không chiếu cũng không dụng,
Không chiếu không dụng tức vô vi
Đây là Như lai chơn pháp giới,
Bích Chi Bồ Tát khó thể bì.

Nói vô tâm, tức là không có tướng vọng tâm.

HỎI: Thế nào gọi là Thái Thượng?

ĐÁP: Thái là lớn. Thượng là cao. Diệu lý cao tốt gọi là Thái Thượng. Lại Thái là địa vị lớn suốt. Chư Thiên trong ba cõi, tuy có phước sống lâu, nhưng khi hết phước cũng luân hồi trong sáu thú, nên chưa gọi là Thái. Hàng thập trụ bồ tát tuy ra khỏi sanh tử, nhưng mà diệu lý chưa cùng cực, nên cũng chưa gọi là Thái. Hàng thập trụ tu tâm, vọng cái có mà vào cái không, lại không cái có, cái không kia. Cả hai đều trừ, chẳng lằm Trung Đạo, cũng chưa cho là Thái. Lại quên Trung Đạo ba chỗ đều hết, quả vị đến Diệu Giác. Bồ tát tuy trừ ba chỗ mà không thể không cái diệu kia, nên cũng chưa cho là Thái. Lại quên cái diệu kia thì Phật đạo cùng cực không có chỗ tồn. Không còn nghĩ thì không nghĩ. Tâm trí mê vọng đều hẵng dứt, giác chiếu đều hết, lặng lẽ vô vi. Đây mới gọi là Thái. Thái nghĩa là cực lý. Cao tốt không thể sánh, nên gọi là Thái Thượng tức tên khác của Như Lai, Phật.

BỒ ĐỀ ĐẠT MA THIỀN SƯ QUÁN MÔN (Kinh số 2832)

HỎI: Thế nào gọi là Thiền định?

ĐÁP: Thiền là loạn tâm chẳng khởi. Không động không niệm là Thiền định. Thẳng tâm dừng niệm, không sanh không diệt, không qua không lại, an nhiên bất động gọi là Thiền định.

HỎI: Thế nào gọi là Thiền quán?

ĐÁP: Tâm thần lóng lạng gọi là Thiền. soi lý rõ ràng gọi là quán. Thiền và quán tự đạt không có lầm lộn gọi là Thiền quán. Tâm thần lóng lạng chẳng sanh chẳng diệt, chẳng qua chẳng lại tràm nhiên bất động gọi là Thiền.

HỎI: Thế nào gọi là Thiền định?

ĐÁP: Thiền định là tiếng Phạn. Ở đây (Trung Quốc) gọi là rừng tịch tụ công đức. Chư Phật trong tam giới đều nói Thiền tọa. Nên gọi là rừng tịch tụ công đức.

HỎI: Thế nào là Thiền pháp?

ĐÁP: Thiền pháp thông thường có thứ lớp. Người sơ học, trước sau thứ lớp có bảy loại quán môn: Một, trụ tâm môn; Hai, không tâm môn; Ba, vô tướng môn; Bốn, tâm giải thoát môn; Năm, thiền định môn; Sáu, chơn diệu môn; Bảy, trí huệ môn.

Trụ tâm môn: Nghĩa là khi tâm tán động phan duyên chẳng dừng, chuyên nhiếp niệm dừng lại, không cho vọng động. Đây gọi là môn trụ tâm.

Không tâm môn: Nghĩa là khản tâm, chuyên đoái đến giác tâm không tịch. Không qua lại cũng không chỗ trụ. Không có chỗ cho tâm bám. Nên gọi là môn không tâm.

Vô tướng môn: Nghĩa là tâm lẳng lạng không có tướng mạo chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng. Chẳng phải dài ngắn lớn nhỏ. Chẳng phải vuông tròn. Mà tràm nhiên chẳng động. Nên gọi môn vô tướng.

Tâm giải thoát môn: Biết tâm không bị cột trói (hệ phược) tất cả phiền não không đến trên tâm. Nên gọi là môn tâm giải thoát.

Thiền định môn: Là tiếng Phạn, đời Đường dịch là Tịnh lự. Giác tâm lẳng lẽ. Đi đứng ngồi nằm đều lẳng lẽ không có tán động. Nên gọi tịch tĩnh.

Chơn như môn: Nghĩa là giác tâm, vô tâm v.v. đồng như hư không, biến khắp pháp giới, bình đẳng không hai, không biến, không đổi. Nên gọi môn chơn như.

Trí huệ môn: Biết rõ tất cả danh gọi là trí. Khế đại được nguồn không gọi là huệ. Nên gọi mô trí huệ. Cũng gọi là Đạo cứu cánh. Cũng gọi là môn Thiền quán Đại thừa vô tướng.

Đây là bảy loại quán môn của người tu thiền học đạo.

LUẬN ĐẠI THỪA KHAI TÂM HIỂN TÁNH, ĐỐN NGỘ CHƠN TÔNG

LỜI TỰA

Đạo lớn chan hòa nơi đất tâm, hiển hiện ra một lý chơn thật. Các bậc hiền thánh xưa nay chỉ đến cửa này. Kẻ ngộ thấy ba cõi duy tâm, người chẳng ngộ theo đó ngủ say, rồi nương vào Tông cố định hiện chấp tướng. Bậc chơn liễu ngộ biết các pháp vốn tịch nhiên. Như nơi duyên mà lập sự, giả hợp thành danh. Kẻ chẳng liễu ngộ, vướng danh mắc tự giữ tướng mà dong ruổi. Nếu người muốn nhiếp vọng về chơn, nhiếp tịnh bình đẳng, cần yếu phải chú ý quán tâm thì bản giác tự hiện. Ý quán có lực dụng nhưng chẳng ra ngoài ý niệm đến bờ kia. Thường phải nhập thiền định sâu, tập lâu chẳng dừng thì tự nhiên việc này xong. Nếu chỗ quán có lực dụng thì tâm lần lần hướng về chơn. Lúc ấy dù buông thân tâm dong ruổi như tan hoại, những động tác thường lặng, chẳng hình tượng mà hay chiếu soi, hồn nhiên trong tam muội, ôn đạo nuôi đức, thành tựu pháp thân, ngộ trở lại nguồn tâm, không lo không ngại, thể như hư không, gọi là vô biên tam muội. Tâm không ra vào gọi là vô tịch tam muội. Tất cả mọi chỗ đều không cầu gọi là bất tư nghì tam muội, chánh định chẳng làm, chẳng từ duyên khởi gọi là pháp tánh tam muội.

Tất cả người học chỉ cầu hiểu việc kia, chẳng cầu tự chứng. Nếu người muốn tu Đại thừa mà chẳng phương pháp an tâm thì không bao giờ có ngộ.

Lúc bấy giờ có một cư sĩ tên là Lý Huệ Quang, người huyện Ung Châu, Trường an, pháp danh Đại Chiếu, chẳng màng đến danh lợi, chỉ một lòng cầu đạo Bồ Đề. Trước theo hầu ngài Xà Lê An, sau thân cận Hòa Thượng hội, đều được trao yếu quyết, và ngâm ban giáo chỉ, cho đến những tinh nghĩa, những diệu lý đều đạt cội cùng nguồn, ra vào có không viên dung tự tại. Cư sĩ trong lúc rảnh rang thiền tịch, nghĩ thương kẻ mê, bèn hiển sự lý nơi cửa mầu, trình bày diệu nghĩa mở mang pháp yếu. Thật có thể bảo là qua bể có thuyền, thẳng đến bờ giác. Hãy tin lời này!

Nguyện cầu người chưa ngộ được ngộ, người chưa an được an, người chưa giải thoát được giải thoát.

LUẬN ĐẠI THỪA
KHAI TÂM HIỂN TÁNH, ĐỐN NGỘ CHƠN TÔNG
Tác giả: Thiên sư ĐẠI CHIẾU

Cư sĩ hỏi: Phật pháp u huyền kẻ phàm chẳng lường được, văn tự bao la ý nghĩa khó biết. Xin hỏi thiên sư về pháp yếu, tạm bày phương tiện, nói thẳng chỉ thẳng, chẳng bỏ thói tục, mong không có điều bí mật.

Thiên sư Đại Chiếu đáp: Lành thay! Khi nghe lời hỏi của ông, giống như căn cơ Bồ tát gần thuần thực. Ta nay đã bốn mươi lăm tuổi đời, vào đạo đã hơn hai mươi năm, mà chưa từng nghe có người hỏi y như nghĩa này. Ông có việc gì mà lại muốn giải nghi? Nên hỏi thẳng, nói thẳng, chớ chẳng cần nói quanh.

HỎI: Người muốn vào đạo nên tu pháp gì, xem pháp gì, chứng pháp gì, cầu pháp gì, ngộ pháp gì, được pháp gì mà đến Bồ đề?

ĐÁP: Chẳng một pháp có thể xem, cũng không có cầu. Chẳng một pháp để chứng, cũng không có sau. Chẳng một pháp để ngộ cũng không có đạo đáng tu. Đấy tức là bồ đề.

HỎI: Đệ tử từ đời vô thi đến nay trôi nổi trong sanh tử, cùng với lý trái nhau, chợt nghe lời đốn mờ mịt chẳng rõ, thần thức lơ mờ chẳng biết nơi nào. Giống như kẻ say chưa tỉnh. Cúi mong tiếp độ kẻ mê, đủ lòng ban cho ít lời thưa hỏi, để làm phương tiện kẻ hội lẽ chơn. Xin hỏi: Thế nào là chơn tánh?

ĐÁP: Không khởi vọng tâm, thường không tướng thanh tịnh.

HỎI: Thế nào là tự tánh?

ĐÁP: Thấy nghe hiểu biết, tứ đại và tất cả pháp đều có tự tánh.

HỎI: Tự tánh từ đâu sanh?

ĐÁP: Từ vọng tâm sanh.

HỎI: Thế nào là lìa tự tánh?

ĐÁP: Vọng tâm chẳng khởi tức lìa tự tánh.

HỎI: Thế nào là đạo, thế nào là lý, thế nào là tâm?

ĐÁP: Tâm là đạo, tâm là lý, tức là tâm, ngoài tâm không lý, ngoài lý không tâm. Tâm bình đẳng gọi là lý. Lý hay soi sáng gọi là tâm. Tâm và lý bình đẳng gọi là tâm Phật. Đạt được lý này chẳng thấy có sanh tử, phàm thánh không khác, cảnh và trí không hai, lý sự đều chan hòa nhau, nhiễm tịnh nhứt như. Lý như chơn thật chiếu soi, tất cả đều là Đạo, tự tha đều lìa. Hành một lúc hay hành tất cả, cũng không trước sau hay khoảng giữa, mở hay cuộ để tự tại gọi là Đạo.

HỎI: Thế nào là người thuận với chánh lý?

ĐÁP: Tâm chẳng dấy khởi, thường không tướng mạo là người thuận chánh lý.

HỎI: Thế nào là thuận với đạo?

ĐÁP: Trực tâm không dính mắc tất cả là thuận đạo.

HỎI: Thế nào là vọng?

ĐÁP: Không biết tự tâm là vọng.

HỎI: Thế nào là điên đảo?

ĐÁP: Dấy khởi muôn ngàn cảnh giới gọi là điên đảo.

HỎI: Thế nào là tự tâm, thế nào là vọng tâm?

ĐÁP: Nếu khởi phân biệt là vọng tâm, chẳng phân biệt là tự tâm.

HỎI: Tâm phân biệt và tâm chẳng phân biệt từ đâu sanh?

ĐÁP: Tâm phân biệt từ điên đảo sanh, tâm chẳng phân biệt từ chánh trí sanh.

HỎI: Tâm phân biệt và tâm chẳng phân biệt hợp lại từ đâu sanh?

ĐÁP: Từ chỗ vô ngã sanh.

HỎI: Đã có chỗ sanh thế nào lại bảo có điên đảo, có chánh trí?

ĐÁP: Nếu chẳng biết tự tâm tức hành muôn ngàn điên đảo, nếu biết tự tâm tức là chánh trí.

HỎI: Nay nói biết cùng chẳng biết từ đâu sanh?

ĐÁP: Biết từ ngộ sanh, chẳng biết từ vọng tưởng sanh.

HỎI: Tất cả chúng sanh đều ở trong vọng tưởng, sao lại cũng ở trong chánh trí?

ĐÁP: Tất cả chúng sanh không ở trong chánh trí, sự thật cũng không vọng tưởng.

HỎI: Tôi hiện giờ vọng tưởng, thế nào nói có chánh trí?

ĐÁP: Ông xưa nay thật không có vọng tưởng, nay nói vọng tưởng, giống như người uống cỏ Lan Đản tìm kim nơi hư không nhưng hư không (17) thật không có kim.

HỎI: Xưa nay vốn không vọng. Vậy tất cả người tu hành, đoạn cái gì để cầu đạo?

ĐÁP: Không đoạn một vật cũng không đạo để cầu

HỎI: Không đạo để tu, không vật để cầu, vậy sao trong kinh Đức Phật nói đoạn vọng tưởng?

ĐÁP: Đức Phật thực ra không có dạy người đoạn vọng tưởng. Nếu đoạn vọng tưởng tức chẳng lìa vọng tưởng. Tất cả chúng sanh do vọng nên thấy có sở đắc, do vọng nên thấy có sở đoạn, và do vọng nên thấy có pháp vọng tưởng. Đức Phật chẳng nói một chữ về pháp vọng tưởng. Ví như ông thầy thuốc đối với con bệnh mà nói thuốc, nếu không bệnh thì không nói thuốc.

HỎI: Đức Phật đã chẳng nói pháp vọng tưởng. Vậy cái vọng tưởng kia ai tạo tác?

ĐÁP: Chúng sanh tự tạo tác. Nếu được chánh trí tức là không.

HỎI: Thế nào chẳng tạo chánh trí mà nghiêng tạo vọng tưởng cùng khắp?

ĐÁP: Chẳng biết chánh trí tức có vọng tưởng, nếu biết vọng tưởng (tức có chánh trí).

HỎI: Đã có chánh trí tức gồm có vọng tưởng, thế sao nói không vọng tưởng?

ĐÁP: Chúng sanh thật ra không vọng tưởng cũng không chánh trí, cả hai đều không thể có.

HỎI: Cả hai đều không thể có tức không có phàm phu cũng không có thánh nhơn?

ĐÁP: Cũng có phàm phu, cũng có thánh nhơn. Đây là do tự ông chẳng biết đó thôi.

HỎI: Thế nào là phàm, thế nào là thánh?

ĐÁP: Ông nếu phân biệt tức là phàm phu, nếu chẳng phân biệt tức là thánh.

HỎI: Phân biệt là phàm, chẳng phân biệt là thánh. Như đứa bé con dài ngắn chẳng phân là thánh nhơn ư?

ĐÁP: Khởi kiến giải này thật là kẻ quá ngu. Đứa bé con còn nhỏ chẳng biết tốt xấu, giống như người ngu không biết tôn ty. Há được chẳng phân biệt ư? Nên đối với lý chơn như thường hành phân biệt, tâm sẽ được trí vô phân biệt.

HỎI: Tạo tác mà chẳng sanh tâm (về việc tạo tác ấy) là trí chẳng phân biệt ư?

ĐÁP: Ông hãy xét chỗ tịnh tâm và chỗ khởi tâm, tức phải biết rõ tâm từ xưa nay vốn thanh tịnh, chẳng bị ngoại duyên làm ô nhiễm, đối với mọi việc phải thấy một cách rõ ràng. Nhơn duyên tánh khhông thể có, tức là biết nhơn duyên cũng không, cũng chẳng phải không, tức là tất cả sum la vạn tượng, vua tôi, cha mẹ, nhơn nghĩa lễ tín v.v. có ở thế gian. Đây tức là chẳng hoại

pháp thế gian. Cho nên trong kinh nói: “Chẳng hoại thế pháp mà vào Niết bàn”.

Nếu hoại pháp thế gian tức là phàm phu trôi nổi trong sanh tử. Pháp duyên thế gian kia, mỗi mỗi đều không chủ thể, mượn các duyên hòa hợp nhưng thể tánh nó đều không, rốt ráo không thể có. Nếu có người thấy được như thế tức gọi là kiến tánh. Tức là ở trong phân biệt được vô phân biệt trí: thường hành phân biệt mà chẳng phân biệt. Đây là chẳng hoại pháp thế gian. Cho nên kinh nói: “Phân biệt các tướng kết hợp, vào đệ nhất nghĩa mà chẳng động”. Đó là bậc giác ngộ ngay nơi động mà khởi tịnh.

HỎI: Kinh Duy Ma nói: “Thường cầu vô niệm, trí huệ thật tướng. Nơi pháp thế gian ít muốn biết đủ, nơi pháp xuất thế mong cầu chẳng chán. Chẳng bỏ oai nghi mà thường theo thế tục khởi thần thông trí huệ dẫn đạo chúng sanh”. Nghĩa này thế nào?

ĐÁP: Nghĩa này tức là diệu dụng của chư Phật trong ba đời. Bậc chứng ngộ mới biết, tâm không thể đo lường được.

HỎI: Người thường cầu thật tướng vô niệm, duyên vào việc gì? Các kinh đã nói bố thí trì giới là phước báo cõi người, cõi trời. Há chẳng có niệm sao? Nhơn đâu có sự sai khác chẳng đồng, khiến cho tất cả người học hồ nghi chẳng tin?

ĐÁP: Ông chớ chẳng tin, ông là người chẳng hiểu việc. Phật nói bố thí trì giới là phước cõi người, cõi trời ấy là chúng sanh phần nhiều ở trong vọng tưởng. Phật có vô vàn phương tiện khéo, tùy theo ý của chúng sanh mà nói pháp vọng tưởng, để dẫn dụ họ vào cửa Đại thừa. Ông nếu chẳng tin xin dẫn kinh để chứng minh cho ông rõ:

Kinh Pháp Hoa nói: “Chín bộ giáo pháp của ta đây là tùy thuận chúng sanh nói Đại thừa làm gốc”. Lại nói “Trong cõi Phật mười phương chỉ có pháp nhất thừa, lại dùng sanh tự giả để dẫn đạo chúng sanh chớ không dùng tiểu thừa để tế độ chúng sanh”. Lại nói: “Chỉ có một sự thật này, có hai tức chẳng phải chơn”.

Kinh Chư Pháp Vô Hành nói: “Nếu người phân biệt giới (luật), đấy tức không có giới. Nếu người thấy có giới, ấy tức là mất giới”.

Căn cứ vào đây mà nói, biết rõ Phật nói về môn cứu cánh, chớ chẳng phải nói người không phước. Cốt dẫn chúng sanh khiến vào trí huệ Phật. Các bậc thánh hiền trong ba đời nói tâm đặc tự tại, tâm đặc giải thoát, tam đặc thánh nhơn, đấy là chiếc ấn lớn nhất của chư Phật trong ba đời phá nghi cho ông vậy.

HỎI: Chư Phật nói pháp nhất thừa là để giáo hóa chúng sanh. Như nay mọi người đều được khai ngộ. Sao lại nói rằng hoặc loạn chúng sanh? Đâu chẳng lỗi lầm ư?

ĐÁP: Ông chớ khởi ra ý nghĩ này. Chư Phật vì lòng đại bi, thấy chúng sanh rơi vào ba đường ác quá nhiều, nên mở phương tiện nói sáu ba la mật. Hành bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, sẽ lìa được ba đường ác, được sanh cõi trời cõi người. Hành tinh tấn, thiền định, trí huệ sẽ được lìa những khổ sở trong sanh tử, tương lai sẽ thành Phật.

HỎI: Cớ sao chư Phật quá khứ nói tam thừa, hiện tại chư Phật cũng nói tam thừa?

ĐÁP: Quá khứ, hiện tại và vị lai chư Phật đều nói tam thừa.

HỎI: Do nghĩa nào được biết như thế?

ĐÁP: Kinh Pháp Hoa nói: "Nếu lại tán thán Phật thừa, thì chúng sanh chìm trong khổ não. Nếu chẳng tin pháp nhất thừa nầy mà còn phá hoại chẳng tin, nên đọa vào ba đường ác. Ta thà chẳng nói pháp, muốn sớm vào niết bàn. Bèn nhớ lại phương tiện chư Phật quá khứ đã dùng, nên nay ta cũng đặc đạo cũng nói tam thừa, để biết rõ chư Phật quá khứ đều nói tam thừa, dẫn đường chúng sanh vào nhất thừa".

HỎI: Thế nào là nhất thừa?

ĐÁP: Tâm là nhất thừa.

HỎI: Tâm thế nào là biết nhất thừa?

ĐÁP: Nên thấy tâm rỗng suốt không có tướng là nhất thừa.

HỎI: Thấy rõ ràng là tâm rỗng suốt không tướng mạo là nhất thừa, đây là đặc quả thánh chẳng?

ĐÁP: Đặc quả thánh.

HỎI: Có phàm chẳng?

ĐÁP: Cũng có phàm.

HỎI: Phàm thánh có khác hay chẳng khác?

ĐÁP: Đều chẳng khác. Nếu một phen ngộ thì sớm phàm chiều thánh. Chẳng ngộ thì sáu đạo thọ sanh.

HỎI: Nay nói ngộ là ngộ cái gì?

ĐÁP: Ngộ tâm.

HỎI: Tâm phàm tâm thánh là một hay khác?

ĐÁP: Một.

HỎI: Thế nào là một?

ĐÁP: Thấy rõ tính thanh tịnh từ xưa đến nay không nhiễm không trước, tức là một.

HỎI: Ai biết không nhiễm không trước?

ĐÁP: Tâm biết không nhiễm không trước.

HỎI: Tâm thế nào biết không nhiễm?

ĐÁP: Các Đức Phật trong ba đời đều nói tâm không hình thể, rốt ráo không thể có. Cho nên được biết là không nhiễm .

HỎI: Đã không hình thể, thế nào biết được không nhiễm?

ĐÁP: Chỉ vì không hình thể nên biết không nhiễm. Nếu có tướng mạo xứ sở là có nhiễm.

HỎI: Trước nói tâm, chưa biết tâm bao gồm bao nhiêu thứ?

ĐÁP: Ông nếu ngộ thì một tâm cũng không thể có. Nếu chẳng ngộ thì có biết bao tâm, cũng không thể đếm hết được.

HỎI: Đây là tâm phàm, thế nào là tâm thánh ?

ĐÁP: Ông nếu giữ tướng tức tâm phàm, lìa tướng tức tâm thánh.

HỎI: Tâm giữ tướng và tâm không giữ tướng thế nào, xin chỉ bày yếu nghĩa của nó?

ĐÁP: Tất cả người tu nếu thấy tâm qua lại tức là tâm dài ngắn. Thấy tốt xấu, thương ghét, vui giận, tà chánh, phàm thánh, tự tại hay chẳng tự tại. Thấy niết bàn, giải thoát, thấy Phật bồ tát, thấy cứu cánh không cứu cánh, thấy có hiểu biết không hiểu biết, thấy tinh tấn thiền định, trí tuệ v.v . Đây là tâm vọng tưởng của phàm phu.

HỎI: Thế nào là tâm thánh chơn?

ĐÁP: Chẳng khởi một niệm, cũng chẳng thấy một vật, tức là tâm thánh chơn.

HỎI: Thiền sư được tâm thánh chơn chẳng?

ĐÁP: Ta cũng không được.

HỎI: Đã không được tại sao biết?

ĐÁP: Ta nay không được cũng không biết. Cho nên kinh nói "không trí cũng không được". Do chỗ không được tức là bồ tát.

HỎI: Lý này cứu cánh thuộc gì?

ĐÁP: Một vật chẳng thuộc. Nếu có chỗ thuộc tức là sanh tử luân hồi. Nếu không chỗ thuộc rốt ráo thường trụ.

HỎI: Tất cả chúng sanh đều do tám thức chuyển nên không được tự tại. Thế nào là tám thức?

ĐÁP: Tám thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạng na thức, a lại da thức ấy vậy. Gọi thức là do nghĩa liễu biệt, như khi mắt cùng với hình sắc khế hợp nhau, ý thức ở trong phân biệt, lúc tốt lúc xấu, tùy theo chỗ chấp của nó liền có tướng sanh, rồi huân vào mạng na thức. Nương vào sự huân tập này rồi lại chấp thủ, rồi trở lại huân nơi đệ bát thức a lại da. Chỗ tích tụ những chủng tử của nghiệp thức nên được tên là tàng. Những thức như thế, các thức khác cũng vậy.

Tất cả chúng sanh tạo nghiệp thọ báo ấy là trước do tạng thức lần lượt thành nhơn mà tạo nghiệp vị lai. Cho nên nhơn tướng mà thọ quả chẳng dừng, rồi lại thọ khổ sanh tử trong sáu đạo. Nên người chưa liễu ngộ tâm, liền bị tám thức làm hoặc loạn. Nói tám thức ấy nghĩa là lấy cái sẵn có làm nhơn, nương vào duyên hiện tại mà khởi. Tạo tác nhơn duyên hòa hợp lại sanh làm nhơn tướng lai.

Nay muốn đoạn trừ chẳng cho sanh nữa, nên chơn chánh quán sát rõ nhãn thức từ đâu mà có? Từ sắc có, từ mắt có, hay từ tâm có? Nếu từ tâm có người mù có tâm sao không có nhãn thức. người chết có mắt sao chẳng hay phân biệt các sắc. Nếu từ sắc có (cũng không được) vì sắc là chất ngại vô tri. Như thế các duyên này không thể tách riêng để biện biệt được, chỉ khi tâm liễu ngộ mới biết mà thôi. Khi mắt thấy hình sắc, mắt cùng nhơn duyên của nó là không. Mắt cùng duyên đã không, tức là sắc cũng không. Nếu nhận rõ ba việc này thể nó là không, liền không phân biệt. Vì không phân biệt nên ý thức phân biệt mà không phân biệt, thức thứ bảy muốn chấp mà không thể chấp.

Trong thức thứ tám lại không có huân tập những chủng tử tạp nhiễm. Do không chủng tử, lại chẳng yêu sống chết, nên lặng yên thường trụ, chẳng bận rộn về chỗ sanh diệt.

HỎI: Phật có ba thân, từ đâu mà được?

ĐÁP: Ba thân Phật từ tám thức mà được. Do chuyển tám thức thành bốn trí, gom bố trí thành ba thân. Đây là từ nhân đến quả mà có ba thân sai khác.

HỎI: Nghĩa là như thế nào và cơ sao được biết.

ĐÁP: Do nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức chuyển thành diệu quan sát trí. Đệ lục ý thức chuyển thành thành sở tác trí (18). Đệ thất mạng na chuyển thành bình đẳng tánh trí. Đệ bát a lại da chuyển thành đại viên cảnh trí.

HỎI: Bốn trí này nghĩa như thế nào mà nói như thế?

ĐÁP: Năm thức trước cũng gọi là năm căn. Năm căn này là cửa huệ riêng soi vào tiền cảnh mà không vọng nhiễm, nên đem năm thức này làm diệu quan sát trí. Đệ lục ý thức cũng gọi là ý căn. Đây là cửa trí phải nên cần mẫn giác ngộ. Giác rồi liền tịnh, cùng với pháp khế hợp, chơn tục đều xét thấy, thành

tự trí huệ, chuyển ý thành huệ, huệ hay chiếu sáng, thức chẳng phân biệt, chuyển hành trí nên gọi là thành sở tác trí.

Đệ thất mặt na thức lại không chấp thủ, tự nhiên không yêu, không ghét, nên tất cả pháp đều bình đẳng. Thế nên gọi là bình đẳng tánh trí.

Đệ bát a lại da thức bên trong tức là không, những chủng tử tạp nhiễm đều thanh tịnh, giống như gương sáng treo ở giữa hư không, tất cả muôn tượng đều hiện ở trong ấy, nhưng mà gương sáng này không khởi ý niệm rằng ta hay hiện hình tượng. Hình tượng cũng không nói rằng ta từ gương sanh. Không năng sở nên trí này gọi là Đại viên cảnh trí.

HỎI: Bốn trí đã vậy, thế nào là ba thân?

ĐÁP: Đại viên cảnh trí là pháp thân. Bình đẳng tánh trí là báo thân. Thành sở tác trí và diệu quan sát trí là báo thân. Thành sở tác trí và diệu quan sát trí là hóa thân.

HỎI: Do đâu mà nói như thế?

ĐÁP: Căn cứ hiện tại mà nói. Khi định lực đầy đủ, tất cả công đức vô lậu đều tròn đầy và đủ ý nghĩa. Giống như gương sáng hiện các hình tượng mà không phân biệt, nên nói trí này là pháp thân. Vọng tâm đã hết, tánh bình đẳng thành tựu được muôn hạnh là do báo thân. Sáu căn không nhiễm độ chúng sanh rộng rãi, tự mình xa lìa và làm cho người xa lìa, khiến người hiểu biết mà tu hơn là do hóa thân.

HỎI: Chúng sanh muốn cầu Phật quả. Trong ba thân trước tu thân nào?

ĐÁP: Kinh nói: "Từ bình đẳng nhập pháp thân lưu xuất báo thân, từ báo thân này lưu xuất hóa thân, từ hóa thân lưu xuất ba tạng giáo điển, mười hai bộ kinh". Do lẽ đó nên trước phải tu pháp thân. Nói pháp thân ấy là nói diệu hữu diệu vô trung đạo chánh quán, nếu ngộ lý này tức là pháp thân. Do thấy được pháp thân nên biết thân tâm mình từ đời vô thi đến nay thường trái lại với pháp. Khi đã thấy được pháp liền phải chuyên cần, cần mẫn dụng ý không cho gián đoạn thì tự nhiên được thanh tịnh, thuận hợp với NHƯ. Thường Như chẳng dừng thì tâm như đã thành tựu, đây là báo thân. Cho nên pháp thân thì sẵn có, báo thân là do tu hành. Còn hóa thân, kinh nói "hiện muôn ngàn thân gọi là hóa thân".

HỎI: Ba thân đã như vậy. Thế nào là Tam bảo?

ĐÁP: Ba thân Phật cũng gọi là tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

HỎI: Tam bảo có mấy loại?

ĐÁP: Nếu nói đầy đủ thì tam bảo có ba loại.

HỎI: Thế nào là ba?

ĐÁP: Một là nhất thể tam bảo, hai là biệt tướng tam bảo, ba là trụ trì tam bảo.

HỎI: Thế nào là nhất thể tam bảo ?

ĐÁP: Thể chơn tâm giác tánh thanh tịnh gọi là Phật bảo. Đầy đủ ý nghĩa và có hằng sa công dụng gọi là Pháp bảo. Nghĩa của công dụng là nhứt vị gọi là Tăng bảo.

HỎI: Thế nào là biệt tướng tam bảo?

ĐÁP: Biệt tướng ấy tức là tự thân này gọi là Phật bảo. Hay tùy bệnh cho thuốc tự muốn tu hành gọi là Pháp bảo. Bốn đại năm ấm hòa hợp chẳng chống trái nhau gọi là Tăng bảo.

HỎI: Thế nào là trụ trì tam bảo?

ĐÁP: Trụ trì ấy là khéo hay dở trên tiếp dưới, mọi việc đều thanh tịnh bình đẳng, gọi là Phật bảo. tùy ý phát ngôn người nghe sanh hoan hỷ, gọi là Pháp bảo. Ở trong chúng môn kinh chẳng trái khéo phương tiện, hay hòa hợp với tất cả, chẳng tranh luận với nhau, gọi là Tăng bảo.

HỎI: Tại sao cho đó là BẢO?

ĐÁP: Bốn tánh này (đệ nhất nghĩa) chẳng ở trong ngoài cùng khoảng giữa, không thể cân lường, không thể đo được giá trị nên gọi là tam bảo. Đây là thí dụ mà nói. Nếu cũng có giá cả thì chẳng gọi là bảo, cho nên nói hạt như ý bảo châu vô giá ấy vậy.

HỎI: Lão Kinh nói: “Đạo Phật không làm mà không gì chẳng làm”. Nghĩa này như thế nào?

ĐÁP: Đạo Phật vốn tự vô vi (không làm), chúng sanh khởi chấp ngã như núi tu di mà thành ra hữu vi (có làm). Nghĩa này ý không thể biết, tâm không thể lường, bậc chứng ngộ mới biết rõ. Chỉ thường công phu, một phen đại ngộ.

HỎI: Kinh nói: “Tất cả pháp đều từ kinh này sanh ra”, là thế nào?

ĐÁP: Kinh là tâm vậy. Tâm hay biểu hiện tất cả. Hành giả tu tập được viên chiếu vô ngại, chánh đạo cao tột hơn đây mà phát sáng. Chư Phật ban đầu tự tu, sau giáo hóa chúng sanh, không pháp nào chẳng làm. Nên nói “từ kinh này sanh ra”.

HỎI: Kinh nói: “Gánh vác việc của Như lai”. Nghĩa này như thế nào?

ĐÁP: Ông chỉ nên phản chiếu lại tự tánh, chẳng trụ vào Thường, ngộ lẽ không thân (vô thân), ai chịu gánh vác? Liễu đạt sâu xa lý Bát nhã, và vì người rộng nói. Đây tức là gánh vác chánh pháp, đảm đương thẳng nghĩa, khiến cho chúng sanh thành tựu công đức, nên gọi “gánh vác việc Như Lai”.

HỎI: Kinh nói “Như lai độ chúng sanh”. Nghĩa này thế nào?

ĐÁP: Ông tự rõ chánh tánh của chúng sanh xưa nay vốn thanh tịnh, do sáu căn khởi tưởng nên bịnh phiền não sanh. Nếu quán phiền não sanh vốn không thì có gì nên độ? Cho nên, nếu nói Như lai độ tức là chấp ngã, nhơn, chúng sanh, họ già.

HỎI: "Kim cang bát nhã ba la mật đa Kinh". Nghĩa này thế nào?

ĐÁP: Kim cang là sắc tâm, bát nhã là thanh tịnh, ba la là bờ bên kia, mật là đến.

HỎI: "Chẳng chấp tướng, như như bất động" nghĩa như thế nào?

ĐÁP: Tâm ông nấy khởi có khứ lai tức là pháp hữu vi, đều là tướng chẳng an. Tâm ông nếu chẳng khởi, tức là không khứ không lai, ấy là pháp vô vi. Trong pháp vô vi cái động hay chẳng động đều lìa. Đấy tức là thường trụ. Nên gọi (như như bất động).

HỎI: Kinh Ôn Thất nói: "Cúng đủ bảy vật cho chúng sanh tắm rửa sạch sẽ được phước không lường". Ý nghĩa của cái phước kia thế nào? Xin biểu thị.

ĐÁP: Kinh đã nói sự thật không dối. Ông nếu đủ bảy vật tắm rửa tức là phải trong ngoài khế hợp (tương ứng) thì phước đức không lường. Ông nếu lìa bảy vật tắm rửa (19), hoặc buông tâm tánh, thả tham sân, xen vào chuyện thị phi, khiến người khổ sở, tức là thân Phật ra máu. Thường chùi lau ba nghiệp tắm rửa như thế. Giống như rửa đồ, bùn nhơ hết thì nghỉ. Chỉ tâm thanh tịnh chẳng khởi tham sân, tự nhiên bình đẳng, tức là lìa phân biệt. Dùng nước phân biệt rửa sạch tất cả những bụi nhơ hoặc làm loạn cho được trong sạch.

HỎI: Tâm ba độc này nếu đối trị thành sáu ba la mật chẳng?

ĐÁP: Ông chẳng có tâm dưng mãnh, siêng năng đối với ba độc, phát ba thệ nguyện. Một, thệ nguyện đoạn tất cả điều ác, để trừ chất độc của Sân. Hai, thệ làm tất cả việc lành, để trừ chất độc của Si. Ba, thệ độ tất cả chúng sanh, để trị chất độc của Tham. Do hay đoạn hay tu đối với ba độc biến thành ba nhóm tịnh giới.

Kế là phải rõ về tâm nhún nhường, tức là đối với năm ấm mà khởi ra năm loại tâm nhún nhường. một, thệ thấy tất cả chúng sanh, khởi ý tưởng là hiền thánh, tự thân mình khởi ý tưởng là phàm phu. Hai, thệ thấy tất cả chúng sanh khởi ý tưởng là quốc vương, tự thân mình khởi tưởng là dân dã. Ba, thệ thấy tất cả chúng sanh khởi tưởng là sư tăng, tự thân mình khởi tưởng là đệ tử. Bốn, thệ thấy tất cả chúng sanh khởi tưởng là cha mẹ, tự thân mình khởi tưởng là con cái. Năm, thệ thấy tất cả chúng sanh khởi tưởng là chủ nhơn, tự thân mình khởi tưởng là tôi tớ.

Sáu ba la mật cũng gọi là sáu độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Đối với sáu trần sáu căn thanh tịnh, lục đạo không sanh, trong ngoài chẳng đả trước, tự nhiên là hạnh bố thí. Tức nhiếp về đàn ba la mật.

Thiện ác bình đẳng đều không thể có được, tức nhiếp về thí ba la mật (giới). Cảnh và trí hòa hợp, sự chống trái hằng tiêu, tức nhiếp về nhẫn nhục ba la mật. Lặng lẽ chẳng động, muôn hạnh tự nhiên, nhiếp về tinh tấn ba la mật. Phồn hưng diệu tịch, pháp thân tự hiện, nhiếp về thiền ba la mật. Diệu tịch mở sáng không có sự biến đổi, cứu cánh thường trụ, tất cả không dính mắc, nhiếp về bát nhã ba la mật. Đây gọi là sáu ba la mật. Chữ Phạn gọi ba la mật, chữ Hán gọi “đến bờ bên kia”.

HỎI: Kẻ thế tục này đến đây thưa hỏi đều là khởi tâm suy lường, sanh mê loạn. Thiền sư vui vẻ bố thí cho (lời vàng), không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con chưa dám hỏi hết ý, sợ nhọc phiền ngài.

ĐÁP: Ông nếu không nghi chẳng nên hỏi lại. Pháp không được hỏi đáp, hỏi đáp tức có cao thấp. Không hỏi không đáp là pháp bình đẳng, nếu cầu kiến giải rộng tức là mất đạo gốc, ông cũng lại bị cái sở tri chướng, và khiến ông sanh tâm nghi ngờ. Nếu tâm thật bị ngưng trệ nên ân cần thưa hỏi, để chứng lẽ chơn.

HỎI: Kinh Lăng Già nói: “Xa lìa năng giác và sở giác”. Nghĩa này thế nào?

ĐÁP: Giác niệm chẳng sanh khởi, tâm kia an ổn thái bình.

HỎI: Đệ tử tuy người thế tục, tâm thức sớm đã vào đạo. nay nghe thầy nói đều là đạo chánh chơn, giác ngộ cao tốt. Thệ một dạ chí thành, tâm không lui sụt, chóng chứng duyên đời, sáu thức tâm thân đều ở chỗ không, một lòng khao khát nhớ nghĩ, sụt sùi rơi lệ khôn nguôi, hiểu rõ được lòng rất hổ thẹn, đâu bằng than khóc! Lòng này xót đau, tự hận đã nhiều kiếp mê mờ chơn lý. Nếu chẳng nhờ thiền sư thương xót, bao giờ được ngộ? Cho nên có thể nói đây là luận đại giải thoát.

Làm luận này nếu hợp thánh ý, xin hồi hướng cho tất cả chúng sanh. Nếu chẳng hợp thánh ý, xin tội tiêu diệt. Như có người chẳng phải (đồng kiến đồng hành) chẳng nên truyền, sợ họ đem hủy báng phá hoại huệ pháp. Nếu có người phước trọng, thật sự giác ngộ, truyền cho pháp lớn không tiếc. pháp này không thể xem thường cũng không thể tranh luận, chỉ nên thầm biết trong lòng: vọng niệm chẳng sanh, tâm ngã sở diệt.

Tài liệu do Phật lan tây quốc đồ thư quán sưu, trong Tạng bản Đôn Hoàng. Kinh số 2835, quyển Cổ Đạt. Đại Tạng kinh.

GHI CHÚ

(1) Năm phước: giàu có, sang trọng, sống lâu, vui vẻ và bình an - phú, quý, thọ, khương, ninh.

(2) Năm dục: Về phần thô là tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, ăn uống, ngủ nghỉ (tài, sắc, danh, thực, thụ). Về phần tế là sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục.

- (3) Tám gió: lợi lộc, suy vi, huỷ báng, khen tặng, ca ngợi, chê bai, khổ, vui (lợi, suy, huỷ, dự, xưng, cơ, khổ, lạc).
- (4) Dương Chu và Mặc Địch là hai nhà triết học đời Chiến quốc bên Trung Hoa. Dương Chu chủ trương thuyết vị ngã, Mặc Địch chủ trương thuyết khiêm ái.
- (5) Ngũ luân: năm bậc quan hệ của người đời là vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em và bầu bạn.
- (6) Lục quần Tỳ kheo: Khi Phật còn tại thế có sáu thầy Tỳ kheo không hạnh nết, kết đảng làm việc mất oai nghi của tăng sĩ. Do đó nên Phật chế ra nhiều giới luật để răn cấm. Theo Tăng kỳ Luật, Lục quần Tỳ kheo là: Xiển Đà, Ca Lưu Đà Di, Văn Đạt, Ma hê da đạt đa, Mã Sư, Mãn Túc. Bên Ni cũng có sáu Tỳ kheo ni như vậy.
- (7) Tam cang: Vua tôi, cha con, chồng vợ. Ngũ thường: Năm đức thường của con người là nhơn, lễ, nghĩa, trí, tín.
- (8) Thập độ còn gọi là thập Ba la mật. đây là mười hạnh thù thắng của Bồ tát: 1) Thí ba la mật, 2) Giới ba la mật, 3) Nhẫn ba la mật, 4) Tinh tấn ba la mật, 5) Tịnh lự ba la mật, 6) Bát nhã ba la mật, 7) Phương tiện thiện xảo ba la mật, 8) Nguyên ba la mật, 9) Lực ba la mật, 10) Trí ba la mật. (Xem rõ trong Duy thức luận). Vạn hạnh là nói chung cho tất cả việc tu hành.
- (9) Niềm vui đan biểu là niềm vui nhàn nhã không tư lự, tiêu dao với gió cơn bầu nước.
- (10) Phù căn là chỉ cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thô phù ở bên ngoài.
- (11) Phù trần là chỉ cho tất cả pháp hữu vi, như hạt bụi lắng xuống không thật.
- (12) Khí thể gian là thể giới chúng sanh cư trú.
- (13) Hàng vô học là chỉ cho bậc A la hán. Quả vị này sự tu học đã viên mãn, nên gọi là vô học. Ba quả đầu là Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm gọi là hàng hữu học.
- (14) Tam thừa: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát thừa
- (15) Thập đại là mười tầng lớp tu chứng của người tu theo Đạo Phật. Có thập đại chung cho ba thừa, có thập địa của Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Thập địa của Bồ Tát: 1. Hoan hỉ địa, 2. Ly cấu địa, 3. Phát quang địa, 4. Diệm huệ địa, 5. Cực nan thắng địa, 6. Hiện tiền địa, 7. Viễn hành địa, 8. Bất động địa, 9. Thiên huệ địa, 10. Pháp vân địa.
- (16) Thừa công là Thừa Lão Pháp sư, ngài có một quyển VẠN PHÁP QUI TÂM LỤC bản xưa, ngài thấy rất quý nên vận động tiền khắc bản in ấn tống. Ông Quang Phát là người có góp tiền làm công tác trên.
- (17) Nói lại bằng một thí dụ khác cho dễ hiểu hơn: Như người đau mắt nhìn ra hư không thấy có những hoa đốm chập chờn, nhưng thật ra trong hư không không có hoa đốm, tại bệnh mắt nên thấy có hoa đốm thôi.
- (18) Theo trong Duy Thức học thì năm thức đầu chuyển thành thành sở tác trí, đệ lục ý thức chuyển thành diệu quan sát trí, nhưng ở đây là một lối giải thích khác của các vị Thiền sư. Chúng ta nên suy ngẫm.

(19) Bảy vật dùng để tắm là than đốt, lửa ấm, nước trong, nước tro, xác đậu, cành dương, xà phòng. Nhưng ở đây là phương pháp để rửa tâm.

WP: Hoàng Ngọc Anh (Việt Nam)

Thư Viện Hoa Sen xuất bản